Bài 6: CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG (4 buổi)

BUỔI 17 : *Ngày soạn: / /2022*

Ngày dạy: / /2022

ÔN TẬP:

VĂN BẢN 1: THÁNH GIÓNG – *Truyền thuyết*–
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ VÀ CỤM TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Củng cố cho HS nhận biết chủ đề của truyện *Thánh Gióng*.
- HS hiểu được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyền thuyết tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo,...
- Hiểu được một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết.
- Củng cố kiến thức Tiếng Việt: Từ và cụm từ

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

3. Phẩm chất:

- Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: THÁNH GIÓNG

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ LOẠI** **1. Truyền thuyết** - Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử thông qua sự tưởng tượng, hư cấu. **2. Thế giới nghệ thuật của truyền thuyết** - Chủ đề: cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian. - Thời gian: theo mạch tuyến tính. Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục. - Nhân vật chính: là những người anh hùng. - Lời kể: cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tính xác thực của câu chuyện. - Yếu tố kì ảo (lạ, không có thật) xuất hiện đậm nét ở tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hoá nhân vật và chiến công của họ. **II. KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM** **a. Thể loại:** truyền thuyết về người anh hùng. **b. Phương thức biểu đạt**: tự sự **c. Bố cục:** Văn bản chia làm 4 phần + P1: Từ đầu … "nằm đấy" →Sự ra đời của Gióng. + P2: tiếp … "cứu nước": →Gióng trưởng thành và đánh tan quân giặc. + P3: tiếp …"lên trời": →Gióng đánh thắng giặc và bay về trời. + P4: còn lại →Sự bất tử của người anh hùng Gióng. **Một số dị bản:** như bản kể trong sách *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* của tác giả Nguyễn Đổng Chi, bản kê' trong sách *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập 2 - Văn học dân gian* (Phong Châu *kể)*

d. Kể tóm tắt:

+ Vào đời vua Hùng thứ 6 ở làng Gióng, có vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn , có tiếng là phúc đức, nhưng mãi chưa có con. Bà vợ ra đồng ướm vào vết chân to, về nhà thụ thai, mười hai tháng sau sinh ra một chú bé khôi ngô nhưng đến 3 tuổi mà cậu bé chẳng biết nói biết cười, chẳng biết đi.

+ Giặc Ân xuất hiện, nghe sứ giả rao, chú bé bỗng cất tiếng nói đòi đi đánh giặc.Từ đó,chú bé lớn nhanh như thổi. Bà con phải góp gạo nuôi Thánh Gióng.

+ Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ, mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, cưỡi ngựa sắt xông ra diệt giặc và đánh tan được kẻ thù.

+ Gióng một mình một ngựa trèo lên đỉnh núi rồi bay thẳng lên trời. Nhân dân lập đền thờ. Hiện nay vẫn còn những dấu tích trận đánh của Gióng năm xưa.

*** Bài tham khảo:**

Vào đời Hùng Vương thứ 6, ở làng Gióng có hai vợ chồng già mãi không có con. Một hôm, bà vợ ra đồng thấy dấu chân to, bà đặt chân ướm thử. Về nhà bà mang thai và 12 tháng sau sinh ra Gióng. Gióng khôi ngô, tuấn tú nhưng lên ba vẫn chưa biết nói cười.

Bấy giờ giặc Ân xâm lược nước ta, thế nước nguy cấp. Khi nghe sứ giả loan tin tìm người giúp nước, Gióng cất tiếng nói đầu tiên - tiếng nói đánh giặc. Gióng yêu cầu rèn cho anh một con ngựa sắt, một chiếc roi sắt, một áo giáp sắt.

Sau khi gặp sứ giả, gióng lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy cũng không no. Cả làng góp gạo nuôi Gióng. Lúc thế nước rất nguy cấp cũng là lúc sứ giả mang đồ tới. Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ. Tráng sĩ mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, nhảy lên lưng ngựa, ngựa phun lửa. Thánh Gióng một mình một ngựa xông thẳng vào quân địch, đánh hết lớp này đến lớp khác. Roi sắt gãy, Gióng nhổ luôn bụi tre bên đường đánh giặc. Giặc tan rã, đến chân núi Sóc Sơn, Gióng lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, cả người cả ngựa bay về trời. Vua nhớ công ơn, phong làm Phù Đổng Thiên Vương, lập đền thờ ở làng Gióng.

e. Nghệ thuật:

Chi tiết tưởng tượng kìảo, khéo kết hợp huyền thoại và thực tế

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	(cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoangđường) **f. Nội dụng – Ý nghĩa:** **Nội dung*: Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta. **Ý nghĩa*: Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta. **III. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM** **1. Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng** **a. Bối cảnh của câu chuyện:** + Thời gian: đời Hùng Vương thứ sáu. + Không gian: không gian hẹp là một làng quê, không gian rộng là bờ cõi chung của đất nước. + Sự việc: Giặc Ân xâm lược, thế giặc mạnh. Đây là tình huống khá điển hình ở các tác phẩm truyền thuyết: đất nước đối diện với một mối lâm nguy, thử thách to lớn: đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Tại thời điểm này, lịch sử đòi hỏi phải có những cá nhân kiệt xuất, những người tài đánh giặc giúp dân cứu nước **b. Sự ra đời của Gióng.** - Các chi tiết về sự ra đời của Gióng: + Hai vợ chồng ông lão nhà nghèo, chăm làm ăn và có tiếng phúc đức, nhưng chưa có con. + Một hôm bà ra đồng, trông thấy một vết chân to hơn vết chân người thường. + Bà ướm thử vào vết chân, không ngờ về nhà đã thụ thai. + Sau mười hai tháng thai nghén, bà sinh ra một em bé mặt mũi rất khôi ngô. + Chú bé đã ba tuổi mà chẳng biết cười, biết nói gì cả, và cũng không nhích đi được bước nào, đặt đâu nằm đấy. => Ý nghĩa: Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng làm nổi bật tính chất khác thường, hé mở rằng đứa trẻ này không phải là một người bình thường. Điều này nằm trong mối liên kết xuyên suốt VB truyền thuyết kể vê' người anh hùng: ra đời một cách khác thường, kì lạ - lập nên những chiến công phi thường - và sau đó

	từ giã cuộc đời cũng theo một cách không giống người bình thường. **2. Gióng lớn lên và đi đánh giặc** **a. Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc.** + Câu nói thể hiện ý thức đánh giặc cứu nước, cứu dân của Thánh Gióng. + Cậu bé làng Phù Đổng ra đời một cách khác thường (trong hoàn cảnh đất nước đang có chiến tranh) báo hiệu cậu sẽ là người thực hiện Nhiệm vụ của lịch sử. Khi thời điểm thực hiện Nhiệm vụ đến thì cậu bé sẽ cất tiếng nói đầu tiên, phải là tiếng nói nhận Nhiệm vụ: đánh giặc cứu dân, cứu nước. Đó cũng là dấu mốc quan trọng đánh dấu thời khắc một cá nhân được tham gia vào công việc, thử thách chung của cả cộng đồng. **b. Bà con làng xóm vui lòng góp gạo nuôi Gióng ăn, may quần áo cho Gióng mặc.** + Gióng được nuôi dưỡng từ trong ND. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân. + ND ta rất yêu nước một lòng đoàn kết để tạo sức mạnh đánh giặc cứu nước. GV mở rộng: Ngày nay ở làng Gióng, ND vẫn tổ chức cuộc thi nấu cơm, hái cà nuôi Gióng. Đây là hình thức tái hiện qúa khứ rất giàu ý nghĩa. **c. Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ khổng lồ.** Chi tiết thể hiện suy nghĩ và ước mơ của ND về người anh hùng cứu nước: + Người anh hùng là người khổng lồ trong mọi sự việc, kể cả sự ăn uống và lớn lên. + Ước mong Gióng lớn nhanh để kịp đánh giặc cứu nước. + Đó là cái vươn vai phi thường để giúp người anh hùng đạt tới sự khổng lồ. Đó cũng là ước mong của ND ta về sức mạnh của người anh hùng đánh giặc. Hơn nữa cái vươn vai của Gióng còn là cái vươn vai của cả DT khi đứng lên chống giặc ngoại xâm. **d. Ngựa sắt phun ra lửa, gươm sắt loang loáng như chớp giật và bụi tre hai bên đường đã hỗ trợ Gióng trong quá trình đánh giặc.** - Việc thần kì hoá vũ khí bằng sắt của Thánh Gióng là một chi

	tiết có ý nghĩa biểu tượng, ca ngợi thành tựu văn minh kim loại của người Việt cổ ở thời đại Hùng Vương. - Đó cũng là đặc điểm nổi bật của thời đại truyền thuyết - thời đại anh hùng trên nhiều phương diện, trong đó có những đổi thay lớn vê' công cụ sản xuất và vũ khí chiến đấu **e. Gióng đánh giặc xong, cởi giáp bỏ nón lại và bay thẳng lên trời.** - Đây là sự ra đi thật kì lạ nhưng cũng thật cao quí: + Gióng không màng danh lợi, vinh hoa, phú quí. + Nhân ta muốn giữ mãi hình ảnh cao đẹp về người anh hùng cứu nước nên đã để Gióng về với cõi vô biên, bất tử. Bay lên trời Gióng là non nước, đất trời, là biểu tượng của người dân Văn Lang. ⇨ Gióng đã lập nên những chiến công phi thường, có ý nghĩa với nhiều người. Đây là đặc điểm tiêu biểu của nhân vật anh hùng. Ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng: Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc giữ nước. Thánh Gióng mang trong mình sức mạnh của cả cộng đồng ở buổi đầu dựng nước: sức mạnh vô hạn của tự nhiên đất nước; sức mạnh và ý chí của nhân dân - những người thợ thủ công anh hùng, những người nông dân anh hùng, những binh lính anh hùng,...

TIẾT 2: LUYỆN TẬP VỀ VĂN BẢN: THÁNH GIÓNG

GV hướng dẫn HS làm bài tập liên quan đến văn bản

Bài tập 1

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"*Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem kém thua bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy…*

(***SGK Ngữ văn 6, tập 2***)

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại nào của truyện dân gian? Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.

Câu 2: Xác định từ theo cấu tạo trong câu sau: "*Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức"*

Câu 3: Đoạn văn trên kể về sự việc gì?

Câu 4: Tìm các từ mượn trong đoạn văn trên và cho biết nguồn gốc của các từ mượn đó.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1:

- Đoạn văn trên trích từ văn bản Thánh Gióng
- Văn bản ấy thuộc thể loại truyện truyền thuyết
- PTBĐ chính: Tự sự

Câu 2:

"*Tục truyền/ đời /Hùng Vương/ thứ sáu/, ở/ làng Gióng/ có /hai /vợ chồng/ ông lão/ chăm chỉ /làm ăn /và /có /tiếng /là /phúc đức"*

Từ ghép: tục truyền, Hùng Vương, thứ sáu, làng Gióng, vợ chồng, ông lão, làm ăn, phúc đức

Từ láy: chăm chỉ

Từ đơn: đời, ở, có, hai, và, là

Câu 3:

Đoạn văn kể về sự ra đời vừa bình thường, vừa kì lạ của Thánh Gióng

Câu 4:

Từ mượn: tục truyền, Hùng Vương, phúc đức, thụ thai, khôi ngô,

Nguồn gốc: Từ mượn tiếng Hán

Bài tập 2

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Bấy giờ có giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ, bèn sai sứ giả đi khắp nơi rao tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng dưng cất tiếng nói: " Mẹ ra mời sứ giả vào đây". Sứ giả vào, đứa bé bảo: " Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này". Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn".

(*SGK Ngữ văn 6, tập 2*)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn ?

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là ai ?

Câu 3 : Cho biết ý nghĩa của chi tiết : "Tiếng nói đầu tiên của chú bé là tiếng nói đòi đi đánh giặc " ?

Câu 4 : Tìm cụm danh từ trong câu : " Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này"

Câu 5 : Hội thi trong nhà trường thường mang tên " Hội khoẻ Phù Đổng". Hãy lí giải vì sao?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn : tự sự

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là Thánh Gióng.

Câu 3 : Ý nghĩa của chi tiết : "Tiếng nói đầu tiên của chú bé là tiếng nói đòi đi đánh giặc " :

- Ca ngợi ý thức đánh giặc, cứu nước trong hình tượng Gióng.
- Ý thức đánh giặc cứu nước tạo cho người anh hùng những khả năng hành động khác thường, thần kì.
- Gióng là hình ảnh của nhân dân, khi bình thường thì âm thầm, lặng lẽ. Nhưng khi nước nhà có giặc ngoại xâm thì họ vùng lên cứu nước.

Câu 4 : Cụm danh từ : một con ngựa sắt, một cái roi sắt, một tấm áo giáp sắt, lũ giặc này.

Câu 5 :

- Đây là hội thi thể thao dành cho lứa tuổi thiếu niên học sinh, lứa tuổi của Gióng trong thời đại mới.
- Mục đích của hội thi là khoẻ để học tập, lao động tốt góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

Bài tập 3

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

" Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó. sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ."

(SGK Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1: Tóm tắt sự việc nêu trong đoạn văn bằng một câu văn?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

Câu 3: Tìm các cụm danh từ trong đoạn văn trên?

Câu 4: Chi tiết sau đây có ý nghĩa gì: " *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*".

Hướng dẫn làm bài

Câu 1: Tóm tắt: Giặc đến chân núi Trâu, cũng là lúc sứ giả đến, Gióng vươn vai biến thành tráng sĩ nhảy lên mình ngựa xông ra chiến trường diệt giặc.

Câu 2: Phương thức biểu đạt của đoạn văn trên là tự sự và miêu tả.

Câu 3: Các cụm danh từ trong đoạn văn trên: Vừa lúc đó, một tráng sĩ, mấy tiếng vang dội.

Câu 4: Chi tiết: " *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*".

Ý nghĩa của chi tiết trên:

- Áo giáp sắt của nhân dân làm cho để Gióng đánh giặc, nay đánh giặc xong trả lại cho nhân dân, vô tư không chút bụi trần,
- Thánh gióng bay về trời, không nhận bổng lộc của nhà vua, từ chối mọi phần thường, chiến công để lại cho nhân dân,
- Gióng sinh ra cũng phi thường khi đi cũng phi thường (bay lên trời).
- Gióng bất tử cùng sông núi, bất tử trong lòng nhân dân.

Bài tập 4

Cho đoạn văn:

" Nghe chuyện Phù Đổng Thiên Vương tôi tưởng tượng đến một trang nam nhi sức vóc khác thường nhưng tâm hồn còn thô sơ và giản dị như tâm hồn tất cả mọi người xưa. " Phù Đổng Thiên Vương gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận, đem sức khoẻ mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế " Phù Đổng Thiên Vương vẫn ăn một bữa cơm rồi nhảy xuống hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa đi tìm một rừng cây âm u, ngồi dựa vào một gốc cây to, giấu kín nỗi đau đớn mà chết."

Câu 1: Cho biết nhân vật "Phù Đổng Thiên Vương" trong đoạn trích trên là ai ?

Câu 2: Hãy nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật này trong truyện ?

Câu 3: Thay thế các từ đồng nghĩa với từ " Phù đổng Thiên Vương" trong đoạn văn trên?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1: Thánh Gióng là nhân vật được nói đến trong đoạn văn.

Câu 2: Gióng là biểu tượng rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước, thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta ngay từ buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước chống giặc ngoại xâm.

Câu 3: Có thể chọn những từ (cụm từ) đồng nghĩa để thay thế như:

- Người trai làng Phù Đổng
- Cậu bé
- Người anh hùng làng Gióng
- Tráng sĩ ấy.

Bài tập 5

Hãy đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

(Thánh Gióng- SGK Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1. (1điểm): Truyện *Thánh Gióng* thuộc thể loại nào ?

Câu 2. (1điểm): Truyện có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?

Câu 3. (1điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên?

Câu 4. (2 điểm):

Chi tiết*"Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời."* có ý nghĩa gì*?* Hãy diễn đạt ý nghĩa ấy bằng một đoạn văn ngắn *(khoảng 10 đến 15 dòng)*.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Truyện *Thánh Gióng* thuộc loại truyện Truyền thuyết.

Câu 2:

- Những nhân vật trong truyện là:

+ Nhân vật Thánh Gióng.

+ Vợ chồng ông lão nghèo, cha mẹ của Gióng.

+ Vua, sứ giả triều đình.

+ Dân làng…

- Thánh Gióng là nhân vật chính.

Câu 3: Tự sự

Câu 4:

HS có thể trình bày ý nghĩa bằng nhiều cách khác nhau, tuy nhiên cần đảm bảo một số ý sau:

- Hình tượng Thánh Gióng hiện lên với nhiều chi tiết nghệ thuật hay và để lại những ấn tượng sâu sắc. Truyện chứa đựng những chi tiết hoang đường, kỳ ảo. Thánh Gióng là một biểu tượng của muôn người gộp sức, cùng nhau chống giặc ngoại xâm.

- Tự hào khi Thánh Gióng đánh giặc xong không đợi vua ban thưởng mà một mình một ngựa từ từ bay lên trời. Người con yêu nước ấy đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh

giặc cứu nước của mình, và đã ra đi một cách vô tư, thanh thản, không hề màng tới công danh địa vị cho riêng mình. Điều đó cho thấy ở hình tượng Thánh Gióng - trong con người của chàng chỉ có yêu nước và cứu nước - tất cả đều cao đẹp, trong sáng như gương. Thánh Gióng chính là tượng trưng cho sự lớn mạnh của đất nước ta, dân tộc ta.
- Hình tượng Thánh Gióng vẫn đọng mãi trong tâm trí người đọc - một hình tượng nghệ thuật dân gian tuyệt đẹp, tràn đầy tư tưởng yêu nước, căm thù giặc và ý chí quyết thắng.

Bài tập 6

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"*Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem kém thua bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy…*

(SGK Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại nào của truyện dân gian? Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.

Câu 2: Xác định từ theo cấu tạo trong câu sau: "*Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức*"

Câu 3: Đoạn văn trên kể về sự việc gì?

Câu 4: Tìm các từ mượn trong đoạn văn trên và cho biết nguồn gốc của các từ mượn đó.

Câu 5: Viết một đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận của em về cái vươn vai thần kì của thánh Gióng.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Đoạn văn trên trích từ văn bản Thánh Gióng
- Văn bản ấy thuộc thể loại truyện truyền thuyết
- **PTBĐ** chính**: Tự sự**

Câu 2:

"*Tục truyền/ đời /Hùng Vương/ thứ sáu/, ở/ làng Gióng/ có /hai /vợ chồng/ ông lão/ chăm chỉ /làm ăn /và /có /tiếng /là /phúc đức*"

Từ ghép: tục truyền, Hùng Vương, thứ sáu, làng going, vợ chồng, ông lão, làm ăn, phúc đức

Từ láy: chăm chỉ

Từ đơn: đời, ở, có, hai, và, là

Câu 3:

Đoạn văn kể về sự ra đời vừa bình thường, vừa kì lạ của Thánh Gióng

Câu 4:

Từ mượn: tục truyền, Hùng Vương, phúc đức, thụ thai, khôi ngô,

Nguồn gốc: Từ mượn tiếng Hán

Câu 5:

HS trình bày hình thức đoạn văn, có câu chủ đề

Hướng dẫn làm bài Xác định chi tiết cần cảm nhận; chi tiết GIÓNG vươn vai thành tráng sĩ

-Ý nghĩa:

+ Thể hiện quan niệm của dân gian về người anh hung: khổng lồ về thể xác, sức mạnh và chiến công.

+ Cho thấy sự trưởng thành vượt bậc về sức mạnh và tinh thần của dân tộc trước nạn ngoại xâm luôn đe dọa đất nước.

+ Hình ảnh Gióng mang hùng khí của cả dân tộc, là kết quả của tinh thần đoàn kết của nhân dân

+ Tạo nên sự hấp dẫn li kì cho truyện.

Đoạn văn tham khảo

Trong tác phẩm Thánh Gióng, chi tiết chàng vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ là chi tiết kì ảo mang ý nghĩa sâu sắc.Chi tiết thể hiện quan niệm của nhân dân về người anh hùng: khổng lồ về thể xác, sức mạnh và chiến công, đồng thời cho thấy sự trưởng thành vượt bậc về sức mạnh và tinh thần của dân tộc trước nạn ngoại xâm luôn đe dọa đất nước. Hình ảnh Gióng mang hùng khí của cả dân tộc, là kết quả của tinh thần đoàn kết của nhân dân. Mặt khác, chi tiết cũng góp phần làm tăng sức li kì, hấp dẫn cho câu chuyện.**Có thể nói, chi tiết vươn vai của Thánh Gióng là một chi tiết kì ảo giàu ý nghĩa làm nên thành công của truyền thuyết Thánh Gióng.**

Bài tập 7

Đọc đoạn trích:

"Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ."

(*Ngữ văn 6 - Tập 2, tr.20, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2017)*

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Thể loại của văn bản là gì?

Câu 2.Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 3.Tìm hai từ mượn có trong đoạn văn trên?

Câu 4. Em hiểu hình ảnh so sánh*"giặc chết như rạ"* có nghĩa là gì?

Câu 5. Phẩm chất đáng quý nào của nhân vật được bộc lộtrong đoạn văn? Qua đó em thấy mình cần phải làm gì để góp phần xây dựng quê hương, đất nước?

Câu 6: Viết một đoạn văn ngắn nêu ý nghĩa của chi tiết*: "Bỗng roi sắt gẫy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc."*

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

- Đoạn văn trên trích từ văn bản: Thánh Gióng
- Thể loại của văn bản: truyền thuyết.

Câu 2

Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

Câu 3

- Từ mượn: tráng sĩ/ lẫm liệt/ sứ giả,…

(hoặc: trượng, oai phong)

Câu 4

- Hình ảnh so sánh "giặc chết như rạ" có nghĩa là giặc bị chết rất nhiều; (chết la liệt; chết ngả dài như dạ)

Câu 5

- Phẩm chất đáng quý của nhân vật được bộc lộ trong đoạn văn:dũng cảm, yêu nước.
- Qua đó em thấy mình cần ra sức học tập, tu dưỡng đạo đức, nghe lời thầy cô, noi gương những bạn họctập tốt, tích cực lao động, giúp đỡ mọi người, bảo vệ môi trường, … để xây dựng quê hương đất nước

Câu 6:

HS trình bày hình thức đoạn văn, có câu chủ đề

Hướng dẫn làm bài Xác định chi tiết cần cảm nhận; chi tiết Gióng nhổ tre bên đường quật vào giặc

Ý nghĩa:

+ Gióng đánh giặc không chỉ bằng vũ khí mà bằng cả cây cỏ của đất nước, bằng những gì có thể giết được giặc.

+ Đánh giặc bằng vũ khí thô sơ, bình thường nhất.

+ Thể hiện sự linh hoạt sáng tạo của Gióng - người anh hùng (hoặc của nhân dân ta) trong chiến đấu.

TIẾT 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ VÀ CỤM TỪ

A. CỦNG CỐ LÝ THUYẾT:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về nghĩa của từ, từ láy và từ ghép, từ và cụm từ, BPNT so sánh. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**I. Nghĩa của từ (Từ Hán Việt):** - Để giải nghĩa từ, có thể dựa vào từ điển, nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện, với từ Hán Việt, có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ. **II. Từ ghép và từ láy:** *+ Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.* *+ Từ láy là những từ phức có quan hệ láy âm.* **III. Cụm từ (cụm động từ, cụm tính từ)** - Cụm từ: Nhóm, tập hợp nhiều từ - Tính từ: Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động. - Cụm tính từ là tập hợp từ, gồm tính từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau tính từ trung tâm ấy. *** Cấu tạo:** Cụm tính từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: là tính từ + Phần phụ trước: Thường bổ sung cho tính từ ý nghĩa về + Mức độ *(rất, hơi, khá,...),* + Thời gian *(đã, đang, sẽ,...),* + Tiếp diễn *(vẫn, còn,...).* ...+ Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về : + Phạm vi *(giỏi toán),* + So sánh *(đẹp như tiên),* + Mức độ *(hay ghê),...* - Động từ: Từ chỉ hoạt động, trạng thái

	của sự vật, hiện tượng. - Cụm động từ là tập hợp từ, gồm động từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau động từ trung tâm ấy. *** Cấu tạo của cụm động từ:** Cụm động từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: là động từ + Phần phụ trước: Thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về + Thời gian*(đã, đang, sẽ,...)* +Khẳng định/phủ định*(không, chưa, chẳng...)* + Tiếp diễn*(đều, vẫn, cứ,...)*. + Mức độ của trạng thái *(rất, hơi, quá,...)* ... + Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về : + Đối tượng *(đọc sách),* + Địa điểm *(đi Hà Nội),* + Thời gian *(làm việc từ sáng),...* - Từ HV: Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt, **II. So sánh** - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng.

B. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1

Trong truyện *Thánh Gióng* (Nguyễn Đổng Chi kể) có những cụm từ: *lớn như thổi* (miêu tả Gióng), *hét lên một tiếng như tiếng sấm* (miêu tả tiếng hét của Gióng), *phi như bay* (miêu tả ngựa của Gióng), *loangloáng như chớp giật* (miêu tả lưỡi gươm của Gióng), *khóc như ri* (miêu tả tiếng kêu khóc của quân giặc).

Giải thích nghĩa của mỗi cụm từ trên và cho biết biện pháp tu từ nào được dùng và

chỉ ra tác dụng của việc dùng biện pháp tu từ đó trong những cụm từ trên.

Hướng dẫn làm bài:

* Nghĩa của mỗi cụm từ và tác dụng của việc dùng biện pháp tu từ so sánh trong những cụm từ:

- Lớn như thổi: lớn rất nhanh, thay đổi một cách nhanh chóng.
- Hét lên như một tiếng sấm: âm thanh to vang như sấm.
- Phi như bay: Tốc độ nhanh đến chóng mặt, nhanh và xa.
- Loang loáng như chớp giật: Bóng nhẵn, phản chiếu ánh sáng như tia chớp.

Tác dụng của việc dùng biện pháp tu từ so sánh này: Đặc tả Thánh Gióng là một người anh hùng phi thường, khẳng định sức mạnh,, tầm vóc anh hùng.

- Biện pháp tu từ được dùng trong các cụm từ trên: So sánh.
- Tác dụng của việc dùng biện pháp tu từ trên: Việc sử dụng BPTT so sánh trong những cụm từ trên góp phần đặc tả Thánh Gióng là một người anh hùng phi thường, khẳng định sức mạnh, tầm vóc anh hùng.

Bài tập 2

Viết đoạn văn (5-7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng. Trong đoạn văn có sử dụng từ ghép, từ láy, biện pháp nghệ thuật so sánh.

Đoạn văn tham khảo

Đọc truyện Thánh Gióng em rất ấn tượng với nhân vật Gióng. Gióng không phải là đứa trẻ tật nguyền. Ba năm không nói năng nhưng lời nói đầu tiên của Gióng là lời yêu nước; còn đang nằm ngửa mà đòi có áo giáp sắt, ngựa sắt, roi sắt để đánh giặc! Trong khi chờ đợi thì lớn nhanh như thổi: "Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ". Dân gian truyền tụng rằng: ăn thì "bảy nong cơm với ba nong cà"; uống thì "uống một hơi, nước cạn đi khúc sông". Vậy là Gióng cũng được nuôi dưỡng bằng cơm, gạo, những thứ vẫn nuôi sống con người. Gióng không hề xa lạ với nhân dân. Gióng là con em của nhân dân. Gióng ăn nhiều, ăn khoẻ phi thường như vậy là để cho mau lớn. Phải lớn nhanh thì mới kịp đi cứu nước được chứ. Việc cứu nước là rất hệ trọng và cấp bách nên càng thôi thúc Gióng phải lớnthật nhanh. Mà Gióng lớn không chỉ do sự nỗ lực của mình mà còn nhờ sự chăm bẵm của toàn dân. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh của cộng đồng. Gióng tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài
- Hoàn thiện các bài tập

- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: Văn bản **Sơn Tinh Thủy Tinh** và **Ai ơi mồng chín tháng tư; THTV: Dấu chấm phẩy, Điệp ngữ.**

BUỔI 18: *Ngày soạn: / /2022*
Ngày dạy: / /2022

VĂN BẢN 2: SƠN TINH THỦY TINH
VĂN BẢN 3: AI ƠI MỒNG CHÍN THÁNG TƯ
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: DẤU CHẤM PHẨY, ĐIỆP NGỮ

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Củng cố kiến thức 2 văn bản *Sơn Tinh, Thủy Tinh; Ai ơi mồng chín tháng tư.*
- HS biết vận dụng tình huống giả định: Nếu là một nhân vật trong truyện thì sẽ có suy nghĩ, cảm xúc như thế nào?
- Nhận biết được văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian.
- HS nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng dấu chấm phẩy trong việc viết câu và đoạn văn.
- Củng cố kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ qua việc tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ cũng như chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ này.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực nhận biết và sử dụng dấu chấm phẩy trong viết câu, đoạn văn.
- Năng lực nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc ta, có ước mơ khát vọng chế ngự thiên tai, giữ gìn bảo vệ môi trường.

- Bồi dưỡng tinh thần học tập và niềm đam mê môn học.
- Bồi dưỡng tình cảm tự hào và tôn vinh giá trị văn hoá truyền thống của quê hương, đất nước. Từ đó giúp học sinh hiểu biết và hòa nhập hơn với môi trường mà mình đang sống, có ý thức tìm hiểu, phát huy và truyền bá tinh hoa văn hoá quê hương trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Đồng thời giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: SƠN TINH THỦY TINH

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức **1.**	**I. KIẾN THỨC CHUNG:** **a. Thể loại:** Truyện truyền thuyết. **b. Phương thức biểu đạt:** Tự sự **c. Ngôi kể :** Ngôi thứ 3 **d. Nhân vật chính:** Sơn Tinh, Thủy Tinh **e. Bố cục:** 3 phần. +Từ đầu → "Một đôi":Vua Hùng kén rể. +Tiếp →"Rút quân": Sơn Tinh, Thủy Tinh cầu hôn và cuộc giao tranh giữa hai vị thần. + Còn lại: Việc trả thù của Thủy Tinh. **f. Kể tóm tắt:** - Tóm lược cốt truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* HS kẻ bảng vào vở: + Sơn Tinh đến trước được vợ, Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ đùng đùng nổi giận, gây chiến đánh nhau với Sơn Tinh. + Sơn Tinh thắng, Thủy Tinh thua và hằng năm Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh. **g. Nghệ thuật** - Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo có tính

<table>
<tr>
<td>GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.
- Hình thức vấn đáp.
- HS trả lời.
- GV chốt kiến thức</td>
<td>
khái quát cao.
- Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.
h. Nội dung,Ý nghĩa
* Nội dung: Truyện giải thích hiện tượng mưa bão, lụt xảy ra hàng năm ở đồng bằng Bắc Bộ thuở các vua Hùng dựng nước.
* Ý nghĩa: Thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự thiên tai bảo vệ cuộc sống của người Việt cổ.
II. Kiến thức trọng tâm:
1. Vua Hùng kén rể
a. Hoàn cảnh của việc kén rể
- Vua có một người con gái tên là Mị Nương.
- Mị Nương người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu.
- Vua Hùng rất mực yêu con.

b) Mục đích: Muốn chọn cho con một người chồng thật xứng đáng.
→ Việc chọn dâu, kén rể là mô tuýp mang tính truyền thống trong truyền thuyết và cổ tích.

c) Hệ quả: Hai chàng trai đến cầu hôn
<table>
<tr><th>P/ diện ss</th><th>Sơn Tinh</th><th>Thuỷ Tinh</th></tr>
<tr><td>Nguồn gốc</td><td>- Chúa vùng non cao.</td><td>- Chúa vùng nước thẳm.</td></tr>
<tr><td>Tài năng</td><td>- Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi.
- Vẫy tay về phía tây, phía tây mọc dãy núi đồi.</td><td>- Gọi gió gió đến.
- Hô mưa, mưa về.</td></tr>
<tr><td>Nhận xét</td><td colspan="2">→ Ngang tài ngang sức.
Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thuỷ Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt).</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

d) **Giải pháp:** Thi tài dâng lễ vật sớm: chỉ trong 1 ngày ai dâng lễ vật trước sẽ được chọn.

* Lễ vật : "100 ván cơm nếp , 100 nệp bánh chưng,voi chín ngà,gà chín cựa,ngựa chín hồng mao".

→ Giải pháp kén rể có lợi cho Sơn Tinh. Vì đó là các sản vật nơi rừng núi thuộc Sơn Tinh cai quản.

→ Vua Hùng nghiêng về phía Sơn Tinh vì nhận ra sức tàn phá của Thuỷ Tinh. Đồng thời ngài tin vào sức mạnh của Sơn Tinh có thể chiến thắng Thủy tinh, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

2. Cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh

	Cuộc giao chiến	
Nguyên nhân	Thuỷ Tinh đến sau không lấy được vợ liền đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương.	
Diễn biến	**Thuỷ Tinh**	**Sơn Tinh**
	- Hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão, rung chuyển cả đất trời. - Dâng nước đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, thành Phong Châu nổi lênh bềnh trên biển nước.	- Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi,dựng thành lũy đất ngăn chặn dòng nước lũ . - Nước dâng cao bao nhiêu,đồi núi cao lên bấy nhiêu.
Nhận xét	=> Sức mạnh và sự tàn phá ghê gớm.Thế gian ngập nước,	=>Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh là hành động tự bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhà

		không còn sự sống con người. - Thủy Tinh tượng trưng cho sức mạnh của thiên tai bão lụt, sự đe dọa thường xuyên của thiên tai với cuộc sống con người .	cửa,đất đai và cuộc sống muôn loài trên mặt đất. - Sơn Tinh có nhiều sức mạnh hơn: Chàng có sức mạnh tinh thần của vua Hùng; có sức mạnh vật chất: trận địa,đồi núi cao hơn,vững chắc hơn; có tinh thần bền bỉ. - Sơn Tinh tượng trưng sức mạnh chế ngự thiên tai ,bão lụt của nhân dân.
	Kết quả	Cuối cùng Thủy Tinh đã mệt mà Sơn Tinh vẫn vững vàng, Thủy Tinh đành rút quân về. Hằng năm dâng nước đánh Sơn Tinh.	
	Nhận xét	⇨ Thể hiện ước mơ, khát vọngnhân dân sẽ chế ngự được thiên nhiên. - Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm ở miền Bắc nước ta.	

III. LUYỆN TẬP VỀ VĂN BẢN: SƠN TINH THỦY TINH

Bài tập 1

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Hay đâu thần tiên đi lấy vợ
Sơn Tinh, Thủy Tinh lòng tơ vương
Không quản rừng cao, sông cách trở
Cùng đến Phong Châu xin Mị Nương
Sơn Tinh có một mắt ở trán
Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì
Một thần phi bạch hổ trên cạn
Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi"

(*SGK Ngữ văn 6, trang 34*)

Câu 1: Đoạn thơ cho em liên tưởng tới văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 6? Văn bản đó thuộc thể loại nào? Hãy trình bày các sự việc chính của văn bản đó.

Câu 2: Hãy giải thích nghĩa và cho biết nguồn gốc của các từ: Sơn Tinh, Thủy Tinh, bạch hổ

Câu 3: Từ "râu ria" trong câu "Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì" thuộc loại từ nào theo cấu tạo? Hãy giải thích lựa chọn của em

Câu 4: Xác định thành phần câu trong các câu sau:

- Sơn Tinh, Thủy Tinh lòng tơ vương
- Sơn Tinh có một mắt ở trán
- Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì
- Một thần phi bạch hổ trên cạn
- Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

-Văn bản: Sơn Tinh Thủy Tinh

- Thể loại: Truyền thuyết

- Các sự việc chính:

(1) Vua Hùng kén rể.

(2) Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn.

(3) Vua Hùng ra điều kiện kén rể.

(4) Sơn Tinh đến trước, được vợ.

(5) Thủy Tinh đến sau, tức giận, dâng nước đánh Sơn Tinh.

(6) Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua, rút về.

(7) Hằng năm Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh, nhưng đều thua.

Câu 2

- Sơn Tinh: thần núi. Thủy Tinh: thần nước. bạch hổ: hổ trắng

- Nguồn gốc: Từ mượn tiếng Hán

Câu 3

- Từ ***râu ria*** là **từ ghép**

- Dù hình thức, từ ***râu ria*** có sự lặp lại âm đầu **r**, nhưng khi tách ra, cả hai tiếng ***râu*** và ***ria*** đều có nghĩa nên ***râu ria*** là **từ ghép**

Câu 4

Sơn Tinh, Thủy Tinh **CN**/lòng tơ vương **VN**

Sơn Tinh **CN** /có một mắt ở trán **VN**

Thủy Tinh **CN** /râu ria quăn xanh rì **VN**

Một thần **CN** / phi bạch hổ trên cạn **VN**

Một thần **CN** / cưỡi lưng rồng uy nghi **VN**

Bài tập 2

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. Một người là chúa vùng non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Vua Hùng băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai, bèn cho mời các Lạc hầu vào bàn bạc. Xong vua phán:

- Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.

Câu 1: Đoạn văn trên trích ở tác phẩm nào? Thuộc thể loại gì? Nêu khái niệm về thể loại đó.

Câu 2: Nhân vật chính trong văn bản chứa đoạn văn trên là những ai? Tìm những chi tiết giới thiệu về các nhân vật đó?

Câu 3: Giải thích nghĩa của từ "băn khoăn" ? Cho biết em giải thích nghĩa của từ bằng cách nào?

Câu 4: Tìm các từ láy có trong đoạn văn trên.

Câu 5: Hãy viết đoạn văn trình **bày ý nghĩa biểu tượngcủa những nhân vật chính** em vừa tìm được trong đoạn văn.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

-Văn bản: Sơn Tinh Thủy Tinh

- Thể loại: Truyền thuyết

- Khái niệm:

+ Truyền thuyết (TT) là loại truyện dân gian truyền miệng kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.

+Thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo.

+ Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với nhân vật và sự kiện được kể

Câu 2

- Biện pháp tu từ: Nhân hóa (núi Trùm Cát : đứng sừng sững, uy nghi, trầm mặc, những con sóng nhỏ mơn man vỗ vào bờ cát)
- Tác dụng: Làm cảnh vật dưới trăng thêm lung linh, sống động, giàu sức sống, gần gũi với con người

Câu 3

- Từ ***băn khoăn***: không yên lòng vì đang có điều phải suy nghĩ, cân nhắc.
- Giải thích bằng cách ***trình bày khái niệm mà từ biểu thị***

Câu 4

- Từ láy: lấp loáng, sừng sững, mơn man.

Câu 5:

HS trình bày hình thức đoạn văn, có câu chủ đề

Hướng dẫn làm bài Xác định vấn đề: Ý nghĩa của nhân vật chính tức là ý nghĩa của nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh

Câu mở đoạn: Trong truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh, hai nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh mang nhiều ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.

Thân đoạn:

- Thủy Tinh: chính là hiện tượng lũ lụt ghê gớm hằng năm,
- Sơn Tinh chính là lực lượng cư dân Việt cổ đắp đê chống lũ lụt, là mơ ước chinh phục, chế ngự thiên tai của nhân dân ta.

Kết đoạn:Sơn Tinh, Thủy Tinh là những nhân vật hoang đường, không có thật, thể hiện trí tưởng tượng bay bổng của nhân dân ta. Qua đó, ta có thể thấy vẻ đẹp tâm hồn của nhân dân lao động, những quan niệm về con người, về thiên nhiên của cha ông ta từ cách đây hàng mấy nghìn năm.

Bài tập 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

"Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành giông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước".

(Ngữ Văn 6, tập 2, trang 32)

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại nào của văn học dân gian? Hãy kể tên các văn bản thuộc thể loại đó mà em đã học.

Câu 2: Nhân vật chính trong văn bản là ai? Nêu ý nghĩa tượng trưng của các nhân vật đó?

Câu 3: Tìm các từ láy có trong đoạn văn?

Câu 4: Đoạn văn trên là sự kết hợp hai phương thức biểu đạt. Đó là hai phương thức nào?

Câu 5: Viết một đoạn văn **trình bày giá trị nội dung, nghệ thuật** của văn bản em vừa xác định được .

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

-Văn bản: Sơn Tinh Thủy Tinh

- Thể loại: Truyền thuyết

- Các văn bản thuộc thể loại đó: Bánh chưng bánh giầy, Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm

Câu 2

- Nhân vật chính: Sơn Tinh và Thủy Tinh

- Thủy Tinh: chính là hiện tượng lũ lụt ghê gớm hằng năm,

- Sơn Tinh chính là lực lượng cư dân Việt cổ đắp đê chống lũ lụt, là mơ ước chinh phục, chế ngự thiên tai của nhân dân ta.người

Câu 3

- Từ láy: đùng đùng, cuồn cuộn, lềnh bềnh

Câu 4: Hai phương thức biểu đạt: Tự sự và miêu tả

Câu 5:

HS trình bày hình thức đoạn văn, có câu chủ đề

Hướng dẫn làm bài Xác định yêu cầu: Trình bày giá trị nội dung – nghệ thuật văn bản Sơn Tinh Thủy Tinh

Câu mở đoạn:Sơn Tinh Thủy Tinh là truyền thuyết mang giá trị nội dung, nghệ thuật sâu sắc

Thân đoạn:

Về giá trị nội dung: Sơn Tinh Thủy Tinh là câu chuyện tưởng tượng kì ảo, truyện tái hiện thành công cuộc kén rể của vua Hùng và cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh, qua đó

+ Giải thích hiện tượng lũ lụt hằng năm xảy ra ở vùng châu thổ đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam thưở các vua Hùng dựng nước.

+ Truyện thể hiện khát vọng chế ngự thiên tai lũ lụt, bảo vệ cuộc sống của cư dân Việt cổ ở đây.

+ Truyện cũng nhằm suy tôn, ca ngợi công lao của các vua Hùng trong công cuộc dựng nước đầy khó khăn, gian khổ.

Về giá trị nghệ thuật: Truyện sử dụng nhiều yếu tố tưởng tượng kì ảođể xây dựng nhân vật, khiến nhân vật có tầm vóc lớn lao, làm tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện, tạo tình huống hấp dẫn và có nhiều chi tiết liên quan đến lịch sử thời quá khứ

Kết đoạn:Với giá trị sâu sắc ấy, STTT là truyền thuyết hấp dẫn nhiều thế hệ.

Bài tập 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc dời từng quả đồi, dời từng quả núi, dựng thành lũy đất ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng cao lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã suốt mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại nào của văn học dân gian?

Câu 2: Phương thức biểu đạt trong văn bản là gì? Xác định ngôi kể của đoạn văn trên.

Câu 3: Từ ***nao núng*** thuộc kiểu từ nào theo cấu tạo và có ý nghĩa là gì?

Câu 4: Từ nội dung đoạn trích trên, em cảm nhận Sơn Tinh là người như thế nào?

Câu 5: Viết một đoạn văn trình bày **ý nghĩa** của văn bản em vừa xác định được trong đoạn văn trên.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

-Văn bản: Sơn Tinh Thủy Tinh

- Thể loại: Truyền thuyết

Câu 2

- PTBĐ chính: Tự sự kết hợp miêu tả

- Ngôi kể: ngôi thứ ba

Câu 3

- Từ nao núng thuộc từ láy

- Nao núng: bắt đầu thấy lung lay, không còn vững vàng tinh thần nữa

Câu 4

Qua đoạn trích, Sơn Tinh là người có ý chí, sức mạnh, tinh thần quyết tâm ngăn lũ, bảo vệ muôn vật muôn loài, chàng là người nhân hậu, vững vàng, bền bỉ

Câu 5

- Từ láy: lấp loáng, sừng sững, mơn man.

Câu 6:

HS trình bày hình thức đoạn văn, có câu chủ đề

Hướng dẫn làm bài Xác định yêu cầu: Ý nghĩa văn bản STTT

Câu mở đoạn: Sơn Tinh Thủy Tinh là truyền thuyết mang ý nghĩa sâu sắc

Thân đoạn:

- Sơn Tinh Thủy Tinh là câu chuyện tưởng tượng, kì ảo giải thích hiện tượng lũ lụt ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

- Qua hình tượng hai vị thần và cuộc giao tranh ác liệt của họ, tác giả dân gian đã thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự bão lũ của người Việt cổ.

- Truyện cũng thể hiện thái độ của nhân dân với các vua Hùng, đó là thái độ đề cao, ca ngợi và suy tôn.

Kết đoạn: Với ý nghĩa sâu sắc ấy, STTT là truyền thuyết hấp dẫn nhiều thế hệ.

Bài tập 5

Đọc đoạn trích:

"Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió gió đến; hô mưa mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. Một người là chúa vùng non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng "

(*Ngữ văn 6 - Tập 2, tr.31 NXB giáo dục Việt Nam năm 2017)*

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Thể loại của văn bản là gì?

Câu 2 Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 3 Em hãy giải nghĩa từ *"cầu hôn"*?

Câu 4 Xác định chủ ngữ và vị ngữ của câu văn sau**:** *Người ta gọi chàng là Sơn Tinh*

Câu 5 Nêu ý nghĩa tượng trưng của hai nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh?

Câu 6 Theo em, tại sao hội thi thể thao trong nhà trường phổ thông lại mang tên **Hội khỏe Phù Đổng**. Hãy lí giải bằng một đoạn văn ngắn.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

- Đoạn văn trên trích từ văn bản: Sơn Tinh, Thủy Tinh
- Thể loại của văn bản: truyền thuyết.

Câu 2:

Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

Câu 3:

Giải nghĩa từ "cầu hôn": xin được lấy làm vợ.

Câu 4:

- Chủ ngữ: Người ta
- Vị ngữ : gọi chàng là Sơn Tinh

Câu 5:

- Sơn Tinh tượng trưng cho sức mạnh của của nhân dân, thể hiện ước mơ chiến thắng thiên nhiên của nhân dân ta.
- Thủy Tinh tượng trưng cho sức mạnh của của thiên tai, bão lũ (đe dọa đến tính mạng con người) xảy ra hàng năm.

Câu 6

- Đảm bảo thể thức của một đoạn văn: Viết hoa lùi đầu dòng và có câu đầu đoạn giới thiệu ý khái quát.
- Xác định đúng vấn đề. tại sao hội thi thể thao trong nhà trường phổ thông lại mang tên Hội khỏe Phù Đổng
- Có thể viết đoạn văn theo gợi ý sau:

Hội thi thể thao trong nhà trường phổ thông mang tên Hội khỏe Phù Đổng vì:

- Đây là hội thi thể thao dành cho lứa tuổi thiếu niên , học sinh – lứa tuổi của Gióng trong thời đại mới
- Mục đích của hội thi là khỏe để học tập tốt, lao động tốt, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.
- Hình ảnh Thánh Gióng là hình ảnh của sức mạnh, của tinh thần chiến thắng rất phù hợp với ý nghĩa của một hội thi thể thao.

Bài tập 6

Cho đoạn văn sau:

"Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi dời từng dãy núi. Nước sông dâng cao bao nhiêu đồi núi dâng cao bấy nhiêu. Cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã cạn kiệt. Thủy Tinh đành rút quân về."

(*Sơn Tinh Thủy Tinh*, sgk Ngữ văn 6 tập I, nxb GDVN)

a) Phương thức biểu đạt của đoạn trích là gì?

b) Em hiểu thế nào là "không hề nao núng"?

c) Tìm hai câu ca dao, tục ngữ có nội dung tương tự như phần em giải thích ở câu b?

d) Từ chiến thắng của Sơn Tinh, hãy nêu cách giải quyết của em khi gặp phải thử thách bất ngờ trong cuộc sống, chia sẻ bằng 4-5 câu văn.

Hướng dẫn làm bài:

a) Phương thức biểu đạt: Tự sự

b) Không hề nao núng: không lung lay, luôn vững lòng tin vào bản thân.

c) Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.
- Ai ơi giữ chí cho bền

Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

...

d) Học sinh trả lời đảm bảo:

*) Hình thức: Đủ 4-5 câu văn hoàn chỉnh.

*) Nội dung:

- Sơn Tinh đã chiến thắng Thủy Tinh vì chàng luôn bình tĩnh, tự tin vào bản thân, chủ động tìm cách đối phó, kiên trì.

- Trong cuộc sống không tránh khỏi những thử thách bất ngờ. Khi đứng trước các thử thách đó thì cần phải bình tĩnh, tin vào bản thân có thể làm được. Chủ động tìm ra cách giải quyết. Luôn kiên trì, không nóng vội, giận dữ...

Đây là câu hỏi mở. Tùy theo cách lý giải của học sinh cho điểm. Nếu lý giải tốt cho điểm tối đa. Lý giải chung chung cho 0,5 điểm. Sai không cho điểm.

TIẾT 2: ÔN TẬP VĂN BẢN: AI ƠI MỒNG CHÍN THÁNG TƯ

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**I. KIẾN THỨC CHUNG** **1. Tác giả: Anh Thư.** **2. Tác phẩm.** **a. Xuất xứ**: Báo điện tử Hà Nội mới, 2004. **b. Thể loại:** VB thông tin**.** **c. PTBĐ chính:** Thuyết minh. **d. Bố cục: 3 phần:** - Phần 1: một từ đầu --> *"...đồng bằng Bắc Bộ":* Bộ giới thiệu về Hội Gióng. - Phần 2: tiếp theo --> *"...viên hầu cận..."*: tiến trình hội Gióng. - Phần 3: Còn lại: Ý nghĩa của hội Gióng. **e. Nội dung, ý nghĩa.** Giới thiệu về lễ hội đền Gióng, qua đó thể hiện được nét đẹp văn hóa tâm linh và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc. **f. Nghệ thuật.** - Trật tự thời gian khi tường thuật sự kiện. - Cách triển khai nội dung trong từng phần, mục: mở đầu - diễn biến - kết thúc - tổng kết ý nghĩa, giá trị. - Ngôn ngữ: giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao. → Đặc điểm của VB thông tin tường thuật lại một sự kiện. - Sử dụng các phương thức thuyết minh ngắn gọn, súc tích. **II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:** ***1. Giới thiệu hội Gióng*** - Tên: lễ hội Gióng hay hội làng Phù Đổng. - Thời gian: 9/4 âm lịch

	- Địa điểm: xã Phù Đổng – Gia Lâm - Hà Nội ***2. Tiến trình của hội Gióng*** - Thời gian chuẩn bị: 1/4-5/4 - Lễ hội bắt đâu + Mùng 6: lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay lên đền Thượng + Mùng 9: chính hội, có múa hát thờ, hội trận và khao quân + Mùng 10: lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh + Ngày 11,12: lễ rửa khí giới và lễ rước cờ báo tin thắng trận. → Lễ hội diễn ra trang trọng, đủ nghi thức với nhiều hoạt động. - Lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc và thể hiện sự tôn kính, trân trọng truyền thống lịch sử dân tộc. ***3. Ý nghĩa của hội Gióng*** - Di sản văn hoá vô giá của dân tộc. → cần được bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của muôn đời.

TIẾT 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
DẤU CHẤM PHẨY, ĐIỆP NGỮ

I. CỦNG CỐ LÝ THUYẾT

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về dấu chấm phẩy và BPTT điệp ngữ - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**1. Dấu chấm phẩy:** - Vị trí: Trong câu, dấu chấm phẩy nằm ở đầu hoặc cuối câu - Công dụng của dấu chấm phẩy: + Đánh dấu ranh giới giữa các vế trong một câu ghép có cấu tạo phức tạp. + Đánh dấu các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp. **2. Điệp ngữ** **a. Khái niệm:** *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) **b. Tác dụng**: làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh, tăng ự gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. **c. Các kiểu điệp ngữ:** Điệp ngữ có 3 dạng: + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng

	tiến. + Điệp ngữ cách quãng + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

II. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1

Đọc đoạn văn sau trong truyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh và cho biết công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn:

Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cơn bão, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thuỷ Tinh.

Hướng dẫn làm bài:

Công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn là:

- Dấu chấm phẩy trong câu văn: *Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi*: Đây là một câu ghép được tạo thành từ 2 vế câu. Giữa về câu thứ 1 (phía đông) đã có dấu phẩy nên ranh giới giữa 2 vế trong câu ghép cần được đánh dấu bằng dấu chấm phẩy.
- Dấu chấm phẩy trong câu văn: *Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về*: Đây là một câu ghép được tạo thành từ 2 vế câu. Giữa về câu thứ 1 (gió đến) đã có dấu phẩy nên ranh giới giữa 2 vế trong câu ghép cần được đánh dấu bằng dấu chấm phẩy.

Bài tập 2

Tìm câu văn có sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong văn bản *"Sơn Tinh, Thuỷ Tinh"* và nêu tác dụng của biện pháp tu từ này?

Hướng dẫn làm bài:

Các câu văn có sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong văn bản *"Sơn Tinh, Thuỷ Tinh"* và tác dụng của biện pháp tu từ này:

- Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng.

⇨ Nhấn mạnh sự ngang tài, ngang sức. Mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.

- Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. […] Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió gió đến, hô mưa mưa về.

⇨ Liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì.

- Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.

Liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh cũng như sự tức giận của Thuỷ Tinh.

Bài tập 3

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) có dùng dấu chấm phẩy.

Hướng dẫn làm bài:

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập.

Gọi HS đọc đọc đoạn văn và chỉ ra dấu chấm phẩy đã dùng trong đoạn văn có tác dụng như thế nào?

Vẻ đẹp với rừng núi và biển xanh rộng mênh mông như một bức tranh phong cảnh thiên nhiên sơn thủy hữu tình của Nha Trang sẽ khiến chẳng ai có thể khước từ hay buông lời chê bai. Màu vàng của những đồi cát rộng mênh mang và màu xanh biếc của những hàng dừa cao vút uốn mình quanh bờ biển Mũi Né chính là một trong những cảnh đẹp không thể không nhắc đến. Ngược lên miền núi cao, ta có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp của các cung đèo Hà Giang; vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa; vẻ đẹp hùng vĩ của thác Bản Giốc. Bất cứ nơi đâu, con người đều có thể có cơ hội chiêm ngưỡng vẻ đẹp sơn thủy hữu tình trên dải đất hình chữ S này.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập

Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: ***Viết bài văn tuyết minh thuật lại một sự kiện (Một sinh hoạt văn hóa)***

BUỔI 19: ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN

(MỘT SINH HOẠT VĂN HOÁ)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Củng cố cách làm một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh.

2. Về năng lực:

- Biết thuyết minh một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) ở ngôi thứ nhất.
- Bước đầu biết viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh.
- Biết tập trung vào diễn biến sự việc đã xảy ra.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV: Em hãy nhắc lại khái niệm văn bản thuyết minh? HS trả lời **GV bổ sung:** Văn thuyết minh khác các loại văn bản khác chủ yếu ở tính chất thuyết minh, giới thiệu. Văn Thuyết minh không nặng về kể chuyện như văn Tự sự, không miêu tả chi tiết, tỉ mỉ như văn miêu tả, không biểu cảm mạnh mẽ như văn biểu cảm, cũng không lập	**I. Khái niệm văn bản thuyết minh** Văn bản thuyết minh là văn bản thông dụng dùng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,… của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích. **II. Đặc điểm của văn thuyết minh:**

luận như văn Nghị luận. Văn Thuyết minh trình bày, giải thích, giới thiệu khách quan, xác thực, rõ ràng về đối tượng cần thuyết minh.) GV giới thiệu đặc điểm của văn bản thuyết minh. GV:? Em đã được học mấy phương pháp thuyết minh? Đó là những phương pháp nào? HS trả lời: Có 6 phương pháp thuyết minh: PP nêu định nghĩa, giải thích, PP liệt kê, Pp nêu ví dụ, PP dùng số liệu, PP so sánh, PP phân loại, phân tích. **GV nhấn mạnh:** Phương pháp thuyết minh là cách thức người viết sử dụng trong bài văn thuyết minh. Khi làm bài văn thuyết minh, cần biết vận dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh để bài làm có sức thuyết phục và sâu sắc hơn.	- Tính khách quan, chính xác, mang lại lợi ích cho con người phục vụ công việc và cuộc sống tốt nhất - Trình bày văn bản rõ ràng, mạch lạc, đủ nội dung đúng ý, kết cấu phân chia rõ - Người viết am hiểu về nội dung mình đang viết tới để trình bày đúng, đủ ý, truyền đạt cho những người đọc hiểu và sử dụng có ích. **III. Các phương pháp thuyết minh** Có 6 phương pháp thuyết minh: **1. PP nêu định nghĩa, giải thích.** Mô hình : A là B + A : đối tượng cần thuyết minh. + B: tri thức về đối tượng. + Là: từ thường được dùng trong phương pháp định nghĩa **2. PP liệt kê.** + PP liệt kê là: kể ra lần lượt các đặc điểm, tính chất…của sự vật theo một trình tự nào đó. + Vai trò: Giúp người đọc hiểu sâu sắc, toàn diện và có ấn tượng về nội dung được thuyết minh. **3. PP nêu ví dụ.** + PP nêu ví dụ là: Dẫn ra những ví dụ cụ thể để người đọc tin vào nội dung thuyết minh. + Vai trò: Các ví dụ có thể có tác dụng thuyết phục người đọc, khiến người đọc tin. **4. PP dùng số liệu.** + PP dùng số liệu là: Dùng các số liệu chính xác để khẳng định độ tin cậy cao của các tri thức được cung cấp. + Tác dụng: làm cho người đọc tin vào nội dung thuyết minh. **5. PP so sánh.** + PP so sánh là: đối chiếu hai đối tượng cùng loại nhằm làm nổi bật các đặc điểm, tính chất của đối tượng cần thuyết minh. + Vai trò: làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh **6. PP phân loại, phân tích.** + PP phân tích là chia nhỏ đối tượng ra để xem xét, còn

phân loại là chia đối tượng vốn có nhiều cá thể thành từng loại theo tiêu chí.

+ Tác dụng: Giúp cho người đọc hiểu dần từng mặt của đối tượng một cách có hệ thống, cơ sở để hiểu đối tượng một cách đầy đủ, toàn diện.

IV. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)

- Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp (Sử dụng ngôi kể thứ nhất: xưng "tôi" hoặc "chúng tôi")
- Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian)
- Thuật lại được điễn biến chính, sắp xếp các trình tự theo một trình tự hợp lí.
- Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút dược sự chú ý của người đọc.
- Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.

V. Thực hành viết theo các bước

1. Trước khi viết

a) Lựa chọn đề tài

+ Hãy nhớ lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) mà em trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu, quan sát được qua các phương tiện thông tin.

+ Có thể chọn một số đề tài sau: Hội chợ sách, hội chợ xuân ở thành phố, làng quê của em, lễ hội dân gian, hội khỏe phù đổng ở trường hoặc địa phương em.

b) Tìm ý

Sau khi lựa chọn được sự kiện định tường thuật. Hãy tìm ý cho bài viết bằng một số hoạt động sau:

Sự kiện gì?
Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì ?
Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?
Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?
Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?

	Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì? **c) Lập dàn ý** - *Mở bài*: Giới thiệu sự kiện (Không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện). - *Thân bài*: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian + Những nhân vật tham gia sự kiện. + Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động. + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất - *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết **2. Viết bài** **3. Chỉnh sửa bài viết**

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Đề bài: **Em hãy thuyết minh về một lễ hội/một sự kiện văn hóa để lại trong em nhiều ấn tượng đẹp đẽ nhất.**

- GV tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:*Em biết những ngày lễ lớn nào ở nước ta ? Trong những ngày lễ đó thì ngày nào thường được tổ chức thành lễ hội? Em hãy nêu tên lễ hội đó? Lễ hội đó thường diễn ra ở ở đâu? Vào thời điểm nào? Diễn ra như thế nào?*

Dàn ý thuyết minh về lễ hội đền Hùng

Lễ hội đền Hùng là lễ hội truyền thống lớn nhất của dân tộc Việt Nam, để ghi nhớ công ơn dựng nước của 18 vị vua Hùng.

I. Mở bài:

- Giới thiệu về lễ hội đền Hùng, dẫn dắt vào đề bài.
- Hướng dẫn làm bài Cứ hàng năm, những người con dân tộc Việt luôn hướng về quê hương Phú Thọ thân yêu dịp 10/3 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của các vua Hùng khi có công to lớn trong việc dựng nước và giữ nước từ hàng nghìn năm trước. Đây cũng là dịp mà lễ hội Đền Hùng- một trong những lễ hội lớn nhất của nước ta diễn ra và dù có đi đâu, ở đâu

con cháu Việt Nam đều muốn đến đây để thể hiện lòng biết ơn của mình.

II. Thân bài:

1. Lịch sử lễ hội

- Đây là lễ hội đã có từ lâu đời
- Từ thời Đinh, Lý, Tiền Lê, thời Trần, người dân cả nước đều tụ hội về đây lễ bái gửi lòng cảm tạ thành kính đến công ơn của mười tám đời vua Hùng.
- Thời gian diễn ra mồng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm

+ Năm lẻ: Lễ hội được tổ chức bởi tỉnh Phú Thọ

+ Năm chẵn: Trung ương phối hợp với ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và bộ văn hóa tổ chức

2. Quy mô

- Đây được xem là quốc lễ vì vậy có quy mô cực kỳ lớn.

3. Hình thức

- Về phần lễ:

+ Bao gồm lễ rước kiệu và lễ dâng hương

+ Lễ rước kiệu được diễn ra trong không khí đầy long trọng với cờ, lộng, hoa đầy màu sắc.

+ Đoàn đại biểu trung ương, tỉnh và thành phố tập trung tại một địa điểm cùng đoàn xã tiểu binh rước hoa long trọng tới chân núi Hùng.

+ Sau khi rước hoa đến đền, đoàn người kính cẩn dâng lễ vào thượng cung

+ Đại biểu đại diện bộ Văn hoá thay mặt cho lãnh đạo tỉnh và nhân dân cả nước trịnh trọng đọc chúc căn lễ tổ.

+ Lễ dâng hương là nghi thức mà mỗi người con đều mong muốn thắp lên đền thờ nén nhang thành kính, nhờ hương khói nói hộ tâm nguyện của lòng mình với tổ tiên.

Về phần hội:

+ Các trò chơi dân gian được diễn ra nhiều chọi gà, đu quay, đấu vật.

+ Dân ca diễn xướng, hát quan họ hay kịch nói được thi tài giữa các làng, các thôn.

III. Kết bài

- Khái quát lại về lễ hội đền Hùng
- Nếu cảm nghĩ của em về lễ hội
- Hướng dẫn làm bài Lễ hội đền Hùng là một lễ hội lớn, là một trong những nét đẹp truyền thống của dân tộc ta, niềm tự hào với nguồn gốc con rồng cháu tiên. Đây cũng là một cơ hội để chúng ta bày tỏ lòng thành kính biết ơn đối với công lao của 18 đời vua Hùng. Chúng ta- những thế hệ sau phải có trách nhiệm gìn giữ nét đẹp truyền thống này, gìn giữ cội nguồn của chúng ta.

TIẾT 3: LUYỆN TẬP (Tiếp)

Đề bài: Thuyết minh về lễ hội Gióng

DÀN Ý CHI TIẾT

I. MỞ BÀI

- Một lễ hội tôn giáo của làng Phù Đổng.
- Nét đẹp truyền thống của người dân nước Nam.

II. THÂN BÀI

1. Nguồn gốc, xuất xứ

Xuất phát từ truyền thuyết Thánh Gióng.

2. Đặc điểm

- Hội làng Phù Đổng hàng năm diễn ra ngày 9 tháng Tư âm lịch.
- Các làng trong tổng đều đến tế, tất cả đến trăm người của họ các làng mặc áo thụng xanh, đội mũ đen, đi hia đề trắng. Họ đứng thành hàng hai bên, tay cầm hốt ngả.
- Chủ tế đi từng bước nhịp nhàng hai tay chấp lại nâng cao chén rượu, có hai trợ tế đi theo, đến quỳ trước một trong các cửa của hậu cung.

-Nhạc hạ thấp dần gần như không nghe thấy nữa. Bỗng vang lên một tiếng ầm ầm và hai cánh cửa hậu cung bỗng nhiên hé mở ra. Bên trong tối om, bỗng hiện ra một nhân vật lạ lùng. Đầu chít một khăn đen dài bỏ xõa ra sau lưng, và quan lấy thân mình; nửa dưới mặt bịt vải vàng, thắt lại sau gáy chỉ để lộ đôi mắt.

- Nhân vật này đi ra quỳ xuống ngưỡng cửa hậu cung, nhận chén rượu trên một cái mâm đồng, rồi đi giật lùi dần vào hậu cung.
- Hai cánh cửa đóng lại từ từ. Mọi người phủ phục xuống lễ.
- Một giây yên lặng rồi nghe một tiếng chuông từ hậu cung vẳng ra. rượu đã dâng lên bàn thờ Thánh rồi, và nhạc lại cử, trong khi mọi người trở về chỗ chuẩn bị dâng lễ khác tiếp theo.
- Lễ cử hành nghiêm trang thành kính.
- Thật ngạc nhiên khi thấy những người nông thôn bình thường đã biến đổi lạ lùng vì tính cách long trọng của nghi thức. Vì cử chỉ của họ thường rụt rè bỗng đường hoàng khoáng đạt lên, thái độ của họ thường khúm núm, e dè bỗng trở thành cao quý trong khi hành lễ vì lòng biết ơn của người yêu nước.
- Tiếp đó là một nghi thức ảnh hưởng của Đạo giáo; con hổ tượng trưng cho điều ác và kẻ thù đến xin quy phục Đức Thánh.

Người đóng vai con hổ mặc áo vài vẽ vằn vện, đội cái đầu bằng giấy bồi có hai chục người hóa trang di theo, hát và gõ sênh. Hổ đến trước bàn thờ múa và phù phục hồi lâu...

- Tiếp theo là những cảnh diễn lại lịch :sử đánh trận giả, và đoàn tù binh diễu qua trước đền.
- Một trăm trai tráng đón quân Nam họ quấn vai màu đen quanh bụng, đóng khố bỏ thõng múi ra phía trước, cởi trần, chỉ khoác một dải vải hồng trên vai bên phải, buộc hai đâu lại ở bên sườn trái và buông thõng xuống; lại còn đeo cái túi lụa nhỏ hình bán

nguyệt, có tua lụa dài. Đầu đội mũ đen, phía sau có rèm che gáy giống như là những tượng trong đền Lý Bát Đểở Đình Bảng.
- Bọn tướng giặc thì do hai mươi bốn cô gái đồng trinh đóng.
- Nhiều cô gái trong đám ấy đến mười tuổi. Mỗi cô đều mặc quần áo lụa màu sắc tươi thắm, đeo kiềng, hoa tai bằng vàng, mỗi làng được cử đến một cô và phải lo may mặc cho người của mình.
- Các cô chỉ đứng mỗi người trên một cái bệ hoàn toàn im lặng, không cử động, cách nhau độ 10 đến 15m; quanh họ là đám đàn bà làng họ.
- Hai mươi bốn cô xếp thành hàng trên mặt để phía trước đền rải dải đề cho đám rước diễu qua trước mặt.
- Bốn cô khác đóng vai bốn tướng giặc bị giết trong trận, một cô mặc áo vàng, đội mũ thái tử đóng vai con vua Trung Quốc.
- Một trăm quân sĩ nước Nam múa rất nhiều điệu thật dẻo và thật nhịp nhàng tiến thoái rất đẹp...

3. Lễ hội nhắc nhở con cháu nhớ về người anh hùng dân tộc: Thánh Gióng.
- Khơi gợi trong lòng con cháu Việt Nam lòng yêu nước và lòng biết ơn sâu sắc.

III. KẾT BÀI
Lễ hội Gióng là một trong những lễ hội truyền thống cần phải gìn giữ và phát huy.

BÀI VĂN THAM KHẢO

Cách Hà Nội 10km bên phải đường đi Bắc Ninh có một làng phù mật: Phù Đổng, Hội làng Phù Đổng hàng năm kỷ niệm một sự kiện lịch sử đã diễn ra trước công nguyên bốn thế kỷ. Đó là chiến thắng quân xâm lược của nước Văn Lang. Quân tiên phong của họ đã tiến đến Bắc Ninh; thua trận hoàng tử Trung Quốc là TchaoOuangvà bốn tướng bị giết, nghe tin giặc từ phương Bắc tràn xuống xâm phạm bờ cõi, Hùng Vương bèn sai Lý Công Dật cầm quân chống cự. Hai bên giao chiến ở hai mạn núi Tam Lung và Lý Công Dật thua phải rút về Long Đô, rồi tự sát. Cả nước lo sợ, nhà vua phải phái sứ đi triệu tập hiền tài.

Ở Phù Đổng có ông lão nghèo sáu mươi tuổi sinh được đứa con đã ba tuổi mà chỉ im không biết ngồi, không nói cũng không cười, tương truyền là bà mẹ đã có thai vì đã đem chân mình ướm lên một lốt chân to lớn khi đi qua Bến Tàu (Thị Cầu).

Nghe mẹ than phiền vì mình vô dụng, chú bé bỗng biết nói và bảo mẹ mời sứ giả vào, xin nhà vua cho đánh giặc, cho con ngựa sắt nghìn cân. chiếc roi sắt trăm cân. Khi ngựa đem đến chú bé không bằng lòng vì ngựa rỗng, không có gan ruộ bất phải đánh thêm cho đủ.

Xong cậu mới đòi ăn, mẹ không chạy đủ, cả làng phải mang cơm gạo đến, ăn suốt hai ngày thì cao to lớn lên phi thường, cậu bé bèn lên ngựa cầm roi đi đánh giặc. Hai anh em họ Nguyễn ở Nghiêm Xá đang cày cũng bó trâu vác cày chạy theo.

Hùng Vương cùng cho hoàng tử thứ chín là Long Sơn và thứ mười là Uy Sơn theo Gióng đánh giặc. Quân Văn Lang chia làm ba đạo, mỗi đạo ba vạn đường. Đánh nhau to ở chân núi Trâu. Hoàng tử Trung Quốc và bốn tướng bị giết, quân giặc bị đuổi chạy dài. Hai mươi bốn tướng khác nhau bị bắt, thề không sang đánh Văn Lang nữa, đều được tha về. Hoàng tử Trung Quốc chết thì chôn ở chân núi Vệ Linh, nay còn mả.

Giữa trận đánh, roi sắt bị gãy, Gióng bèn nhổ tre đánh tiếp. Thắng xong, Gióng phi ngựa về phía Kim Anh, tới núi Vu Linh cởi áo giáp treo lên cành cây, vứt bụi tre lại, rồi bay lên trời, còn để lại lốt chân của mình trên đá ở đỉnh núi.

Con ngựa thì tự mình chạy về Đông Vi. Nơi ngựa dừng lại nay là làng Phù Ninh, đó có đền thờ. Nơi sinh Thánh cũng có đền, tại chỗ nền nhà cũ có bia đá. Năm 1020 nhà Lý lập hai đền thờở Phù Đổng và ở sườn núi Vu Linh, ở đó có tượng.

Đen Phù Đổng gồm ba lớp, trong cùng là hậu cung, cột gỗ to, mái cong vút, rồng trên nóc vảy đều toàn là bằng mảnh sứ xanh.

Đường đi từ cổng đền đến hậu cung lát đá cẩm thạch đen đẽo thô sơ nhưng những bước chân của thiện nam tín nữ bao đời đã làm cho nhẵn bóng, cổng đồ sộ ba cửa, lợp mái rộng. Kinh lược sử Bắc Kỳ vừa tu bổ và có bia. Hai bên cổng phía trong có hai sư tử đá. Phía ngoài là một đôi rồng năm móng. Trước cửa giữa có một con rùa đá cao hơn mặt đất một chút.

Hội làng Phù Đổng hàng năm diễn ra ngày 9 tháng Tư âm lịch.

Các làng trong tổng đều đến tế, tất cả đến trăm người của họ các làng mặc áo thụng xanh, đội mu đen, đi hia để trắng. Họ đứng thành hàng hai bên, tay cầm hốt ngà.

Đàn sáo dịu dàng không thể tưởng tượng được, hài hòa làm một cách bất ngờ. Chủ tế đi từng bước nhịp nhàng hai tay chắp lại nâng cao chén rượu, có hai trợ tế đi neo, đến quỳ trước một trong các cửa của hậu cung. Nhạc hạ thấp dần gần như không nghe thấy nữa. Bỗng vang lên một tiếng ầm ầm và hai cánh cửa hậu cung bỗng nhiên hé mở. Bên trong tối om, bỗng hiện ra một nhân vật lạ lùng. Đầu chít một khăn đen dài bó ra sau lưng và quấn lấy thân mình; nửa dưới mặt bịt vải vàng, thắt lại sau gáy chỉ để lộ đôi mắt. Nhân vật ấy đi ra quỳ xuống ngưỡng cửa hậu cung, nhận chén rượu trên một cái mâm đồng, rồi đi giật lùi dần vào hậu cung. Hai cánh cửa đóng lại từ từ. Mọi người phủ phục xuống lễ. Một giây yên lặng rồi nghe một tiếng chuông từ hậu cung vẳng ra, rượu đà dâng lên bàn thờ Thánh rồi, và nhạc lại cử, trong khi mọi người trở về cho chuẩn bị dâng lễ khác tiếp theo.

Lễ cử hành nghiêm trang thành kính. Chắc chắn là chưa bao giờ có lễ mi-xa nào của giáo hoàng cử hành mà người dự lễ yên tĩnh chú ý hơn, mà có những người trợ tế thấm nhuần sâu sắc hơn phận sự đáng kính của họ và việc làm thiêng liêng của họ hơn. Thật ngạc nhiên khi thấy những người nông thôn bình thường đã biến đổi lạ lùng vì tính cách long trọng của nghi thức, và cử chỉ cua họ thường rụt rè bỗng đường hoàng khoáng đạt lên, thái độ của họ thường khúm núm, e dè bỗng trở thành cao quý trong khi hành lễ vì lòng biết ơn của người yêu nước.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: ***Kể lại một truyền thuyết.***

BUỔI 20: ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

LUYỆN NÓI: KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: :

- HS nói được về một truyền thuyết mình yêu thích
- Hoàn cảnh và sự kiện được kể.
- Những đặc điểm chính của nhân vật Lang Liêu.
- Những truyền thống tốt đẹp của Người Việt được câu chuyện ca ngợi

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về dạng bài. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**1. Chuẩn bị nội dung** - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Học sinh đọc lại,nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng cuả truyền thuyết; lập bảng tóm tắt những sự việc chính, xác định giọng kể. **2. Tập luyện** - Tập nói một mình. - Luyện nói theo nhóm cặp. - Có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như âm nhạc, tranh ảnh, đạo cụ... **3. Yêu cầu nói:** + Nói đúng mục đích (kể lại một Truyền thuyết). + Nội dung nói đảm bản các sự việc chính theo trình tự nhất đinh, có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Trong vai Thánh Gióng, hãy kể lại câu chuyện *Thánh Gióng*.

Bài tham khảo

Các cháu có biết ta là ai không? Ta chính là Thánh Gióng, người năm xa đã một mình đánh thắng lũ giặc Ân hung ác. Bây giờ ta sẽ kể cho các cháu nghe về cuộc đời của ta lúc bấy giờ nhé!

Các cháu ạ! Ta vốn là sứ thần của Ngọc Hoàng sai xuống giúp đỡ dân làng đánh đuổi quân xâm lược đang nhăm nhe xâm chiếm nước ta. Muốn được sống cùng với nhân dân, Ngọc Hoàng ra lệnh cho ta đầu thai xuống một gia đình lão nông hiếm muộn đường con cái. Một ngày đẹp trời ta thấy bà lão phúc hậu vào rừng, ta liền hoá thành một vết chân to và bà lão đã tò mò ớm thử vậy là ta đầu thai vào bà cụ. Khỏi phải nói hai ông bà đã vô cùng mừng rỡ khi chờ mãi, sau mời hai tháng ta mới ra đời. Ông bà càng vui hơn khi thấy ta rất khôi ngô tuấn tú. Hai ông bà chăm sóc yêu thương ta hết lòng, ông bà ngày ngày mong ta khôn lớn như những đứa trẻ khác ấy vậy mà mãi đến tận năm ba tuổi ta vẫn chẳng biết cười, nói, cũng chẳng biết đi. Các cụ rất buồn, thấy vậy ta rất thương

nhưng vì sứ mệnh mà Ngọc Hoàng đã trao cho nên ta vẫn phải im lặng.

Thế rồi giặc Ân đến xâm lược nước ta, chúng kéo đến đông và mạnh khiến ai ai cũng lo sợ. Nhìn khuôn mặt lo âu của dân làng và cha mẹ, ta biết rằng đã đến lúc ta phải ra tay giúp đỡ họ. Một hôm, đang nằm trên giường nghe thấy sứ giả đi qua rao tìm người giỏi cứu nước, thấy mẹ đang ngồi buồn rầu lo lắng, ta liền cất tiếng bảo mẹ:

- Mẹ ơi! Mẹ đừng buồn nữa, mẹ hãy ra mời sứ giả vào đây cho con nói chuyện.

Nghe ta cất tiếng nói mẹ vô cùng ngạc nhiên, mừng rỡ và mẹ ta càng ngạc nhiên hơn khi ta đòi gặp sứ giả vì đó không phải là chuyện đùa, đọc thấy nỗi lo của mẹ ta vội trấn an mẹ:

- Mẹ đừng lo lắng gì cả cứ ra mời sứ giả vào đây!

Nửa tin nửa ngờ nhưng mẹ ta vẫn vội vã ra mới sứ giả vào. Sứ giả bước vào căn nhà nhỏ tuềnh toàng của cha mẹ ta, ông ta vô cùng ngạc nhiên nhìn thấy ta lúc này vẫn chỉ là thằng bé nằm ở trên giường, sứ giả có vẻ không tin tưởng lắm nhưng khi nghe ta nói: "Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này". Nghe những lời nói đầy quả quyết của ta sứ giả hiểu rằng ta không phải là một đứa trẻ bình thường, sứ giả vội vã trở về tâu với vua và vua cũng vui mừng truyền thợ giỏi ở khắp nơi đến làm gấp những thứ ta cần. Ai ai cũng phấn khởi khi thấy vua đã tìm được người tài.

Còn ta khi sứ giả đi rồi ta liền vùng dậy và vươn vai mấy cái đã thành người lớn. Ta bảo mẹ nấu cho ta nồi cơm ăn cho no để chuẩn bị đi đánh giặc. Mâm cơm vừa bưng lên ta ăn một loáng đã hết nhẵn mà chẳng thấy no gì cả, mẹ lại đi nấu nồi khác cho đến khi nhà không còn gì để ăn. Ta ăn vào bao nhiêu thì lớn nh thổi bấy nhiêu, đến nỗi quần áo phải thay liên tục. Mẹ ta thấy ta ăn ba nhiêu cũng cha no trong khi gạo thì đã hết, bà cụ liền chạy nhờ bà con hàng xóm. Bà con đều vui lòng giúp mẹ ta vì biết ta là người sẽ đi đánh giặc cứu dân làng. Mọi người đến nhà ta nườm nượp, người có gạo góp gạo, người có rau, cà góp rau cà, tóm lại ai có gì góp nấy. Mọi người còn đến giúp mẹ ta thổi cơm cho ta ăn, ta ăn bao nhiêu lại to lớn lừng lững bấy nhiêu. Những ngày đó làng ta ai cũng khấp khởi vui mừng vì mong đợi ta nhanh chóng đi giết giặc, cứu nước.

Một ngày, dân làng nhận được tin giặc đã kéo đến chân núi Trâu. Làng ta lại được một phen khiếp sợ, trẻ con kêu khóc, người lớn thì lo âu, các cụ già thì trầm ngâm, ai ai cũng khiếp sợ. Mọi người nhìn ta nh cầu cứu. Ta rất hiểu tâm trạng của họ và đúng lúc đó sứ giả đem những thứ ta cần đến. Lúc này, ta vùng đứng dậy, vươn vai một cái đã biến thành một tráng sĩ cao lớn phi thường, thế nên tất cả những thứ sứ giả vừa mưang đến chẳng còn vừa với ta nữa. Thấy vậy, mọi người lại tức tốc đi tìm thợ về rèn ngựa sắt, áo giáp sắt cho ta, họ làm ra chiếc nào lại cho ta thử chiếc ấy và ta chỉ khẽ bẻ đã gẫy, mãi sau mới có những thứ vừa với sức ta. Mọi thứ đã được chuẩn bị sẵn sàng, ta liền

mặc áo giáp sắt, tay cầm roi sắt, nhảy lên mình ngựa, oai phong lẫm liệt. Ta nhớ hôm đó bà con ra tiễn ta rất đông mọi người nhìn ta đầy tin tưởng, khắp nơi vang lên lời chúc chiến thắng và ta còn nhìn thấy cả những giọt nước mắt tự hào, yêu thương của cha mẹ ta. Từ biệt bà con xóm giềng, cha mẹ những người đã yêu thương, nuôi nấng, ta thầm hứa sẽ chiến đấu hết lòng để không phụ công của bà con dân làng, cha mẹ.

Sau phút chia tay, một mình một ngựa ta lao thẳng vào trận đánh. Ngựa đi đến đâu phun lửa rừng rực đến đó, lũ giặc vô cùng khiếp sợ. Chúng đổ rạp và tan xác dưới roi sắt của ta và ngọn lửa của con chiến mã. Cả bãi chiến trường đầy thây quân giặc. Đúng lúc thế trận đang lên nh vũ bão thì cây roi sắt trong tay ta gẫy gập, ta liền nhổ lấy những khóm tre quanh mình quật liên tiếp vào lũ giặc. Lũ giặc lại được một phen khiếp sợ, rơi vào thế hỗn loạn và chẳng mấy chốc bỏ chạy tan tác khắp nơi. Những tên mưay mắn sống sót vội vã thoát thân bỏ chạy vào hẻm núi sâu, tìm cách trở về nước. Làng quê sạch bóng quân thù. Tiếng reo vui của dân làng vang lên rộn rã.

Nhìn trăm họ hạnh phúc ta vô cùng sung sướng, vậy là sứ mệnh Ngọc Hoàng giao cho ta đã hoàn thành, chợt nhớ đến cha mẹ già ta cũng muốn về thăm nhưng lời Ngọc Hoàng dặn dò khi hoàn thành sứ mệnh phải trở về trời khiến ta chẳng dám trái lệnh. Nhìn đất nước, dân làng một lần cuối ta thúc ngựa phi lên đỉnh núi, cởi bỏ áo giáp sắt, rồi cả người và ngựa lẳng lặng bay về trời. Ta ra đi nhưng trong lòng đầy tiếc nuối vì không được sống cùng những người dân hiền lành tốt bụng. Dẫu vậy, ta cũng hài lòng vì từ đây ai ai cũng được sống trong cảnh thanh bình, hạnh phúc.

Sau đó, vua đã phong cho ta là Phù Đổng Thiên Vương. Ta cảm thấy rất vui khi được nhận danh hiệu đó, bởi ta đã đem đến sự bình yên và hạnh phúc cho mọi người. Đó chính là điều quý giá nhất đối với ta, nó còn quý hơn cả ngọc ngà châu báu mà nhà vua hứa ban tặng cho ta sau khi đánh thắng quân giặc.

TIẾT 3: LUYỆN TẬP (Tiếp)

Đóng vai Thủy Tinh kể lại truyện Sơn Tinh Thủy Tinh

+ Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện là Thạch Sanh.
+ Người kể xưng "ta" phù hợp với cách xưng hô của vị vua đứng đầu một nước.
+ Đoạn đầu có vai trò như mở bài, cách chào, đặt câu hỏi…thu hút người đọc
+ Các chi tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian, tập trung vào các chi tiết kì ảo.
+ Người viết có thêm vào một số lời kể, chi tiết: đoạn phát hiện và đánh nhau với đại bàng; các bình luận, đánh giá của nhân vật; lời kết;...
+ Cách kết thúc truyện: nêu lí do kết thúc, tóm lược các sự kiện tiếp theo, nêu bài học tâm đắc.

Bài tham khảo

Chào các bạn trẻ! Ta là Thuỷ Tinh, một người đã không biết bao nhiêu lần đánh nhau với Sơn Tinh để cướp Mỵ Nương, nhưng không hiểu tại sao lần nào ta cũng thua.

Nguyên do cũng vì hôm ấy, ta nghe bọn thuỷ binh bàn tán xôn xao rằng: Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mỵ Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu, ngài thương yêu con gái hết mực, muốn kén cho con một người chồng xứng đáng. Không đợi chờ gì nữa, ta liền đến xin cầu hôn nàng. Nào ngờ khi vừa đến thì gặp một người cùng chung mục đích. Anh ta mặc bộ áo giáp, bước đi rất mạnh mẽ. Cúi xuống lạy vua Hùng: rồi anh ta bắt đầu trổ tài: vẫy tay về phía đông, bỗng dưng phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Mọi người đồn rằng, anh ta vốn là Sơn Tinh, là chúa tể của vùng non cao. Anh chàng giỏi giang đấy, nhưng so sao được với ta, chúa miền nước thẳm. Ta vuốt nhẹ bộ quần áo được thêu bằng những chiếc vảy cá to và cứng đang mặc rồi xin được trổ tài. Ta vung tay, cất tiếng gọi oang oang.

Bỗng đâu một luồng gió mạnh nổi lớn, rồi mây đen ùn ùn kéo đến, mưa trút xuống ào ào.

Nhìn xung quanh nhà vua và triều thần, ai nấy đều khiếp sợ, ta vui lắm. Trổ tài xong, ta cũng lạy tạ vua Hùng. Ngài băn khoăn không biết chọn ai, từ chối ai, Ngài phán:

- Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái. Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước ta sẽ gả con gái cho.

Chúng ta tâu hỏi đồ sính lễ cần sắm những gì, ngài nghĩ ngại một lúc rồi bảo:

- Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ phải đủ một đôi.

Thật tức, những thứ đó sẵn có ở chỗ Sơn Tinh, ta tìm kiếm thì khó khăn lắm. Nhưng một người tài giỏi như ta, không có gì là không làm được. Nào ngờ hôm sau, mới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi.

Ta đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo đánh Sơn Tinh. Vừa đuổi theo, ta vừa hét; "Sơn Tinh, trả Mỵ Nương cho ta!" Trận đánh giữa hai chúng la diễn ra thật ác liệt. Ta hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão rung chuyển cả đất trời.

Nước ngập nhà cửa, ruộng đồng, tưởng như thành Phong Châu đang nổi lềnh bềnh trên biển nước. Ta đinh ninh chắc hẳn mình giành lại được Mỵ Nương nên rất đắc chí. Nhưng không, dù gió thét ào ào, mưa trút như thác, Sơn Tinh vẫn đứng vững vàng, nét mặt bình thản bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi ngăn chặn dòng nước lũ. Hắn và ta đánh nhau ròng rã mấy tháng trời. Cuối cùng, ta đuối sức, đành rút quân về.

Từ đó oán nặng, thù sâu, năm nào ta cũng làm mưa gió bão lụt dâng nước đánh hắn. Nhưng lần nào cũng vậy, vẫn không thắng nổi hắn để cướp lại My Nương, ta lại lủi thủi rút quân về, với tâm trạng đầy oán hận.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức đã được ôn tập.

Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Văn bản: ***Thạch Sanh*; *Cây khế.***

.....

Bài 7. THẾ GIỚI CỔ TÍCH

BUỔI 21 : ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

VĂN BẢN 1. THẠCH SANH
VĂN BẢN 2: CÂY KHẾ

(Truyện cổ tích)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS nêu được ấn tượng chung về 2 VB.
- HS xác định được chủ đê' của câu chuyện.
- HS tóm tắt được câu chuyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo;* lời kể chuyện,...
- HS biết nhận xét, đánh giá vế bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo;* lời kể chuyện,...
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của nhân vật Thạch Sanh; mẹ con Lý Thông, rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thạch Sanh*; *Cây khế.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thạch Sanh*; *Cây khế*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích Thạch Sanh với các truyện cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt, sống vị tha và yêu thương con người.
- Biết ghét cái ác, yêu cái thiện, sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi. Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Trung thực, khiêm tốn, lòng biết ơn,

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ LOẠI** **1. Truyện cổ tích** Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận va cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa. **2. Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích** - Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ đổi thay số phận của chính họ. - Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu

người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).
- Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo.
- Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.
- Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tuỳ thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đổi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện.

3. So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích:

- Giống nhau :

+ Đều là truyện dân gian.
+ Đều có yếu tố hoang đường kì ảo.

- Khác nhau:

+ Truyền thuyết kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử.
+ Cổ tích kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật.
+ Truyền thuyết sử dụng yếu tố kì ảo nhằm mục đích thiêng liêng hoá nhân vật, sự kiện.
+ Cổ tích sử dụng yếu tố hoang đường để gửi gắm ước mơ công lí . . .

II. KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

a. Thể loại: Truyện cổ tích.

b. Kiểu nhân vật:

Truyện Thạch Sanh kể về kiểu nhân vật dũng sĩ.

c.Tóm tắt

Khi tóm tắt cần dảm bảo các sự việc chính:

- Thạch Sanh ra đời
- Thạch Sanh lớn lên học võ và phép thần thông
- Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông
- Mẹ con LT lừa TS đi chết thay cho mình.
- Thạch Sanh diệt chằn tinh bị LT cướp công.
- TS diệt đại bàng cứu công chúa, lại bị cướp công.

	- TS diệt hồ tinh, cứu thái tử, bị vu oan vào tù. - TS được giải oan lấy công chúa. - TS chiến thắng quân 18 nước chư hầu. -TS lấy công chúa và lên ngôi vua. **d. Bố cục.** - Gồm 3 phần . + Phần 1 : Từ đầu .....“thần thông”: Giới thiệu lai lịch nguồn gốc Thạch Sanh. + Phần 2 : Tiếp …đến “hoá kiếp bọ hung” : những chiến công của Thạch Sanh. + Phần 3 : Còn lại : Thạch Sanh lấy công chúa và lên ngôi vua. **e. Phương thức biểu đạt:** tự sự **f. Ngôi kể**: ngôi thứ 3 **g. Nội dung – Ý nghĩa** - Truyện kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người bị hại vạch mặt kẻ vong ân, chống quân xâm lược - Truyện thể hiện ước mơ của, niềm tin về đạo đức công lý xã hội… **h. Nghệ thuật.** - Nhiều chi tiết tưởng tượng thần kỳ độc đáo và giàu ý nghĩa.
GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**III. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM** **1. Xuất thân, ý nghĩa các chi tiết kì ảo:** ***a. Xuất thân:*** - Chàng trai nhà nghèo, sống trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa, hằng ngày lên rừng đốn củi kiếm ăn. - Sống lủi thủi một mình (mồ côi, không người thân thích). => Cất lên tiếng nói ước mơ đổi thay số phận. ***b. Ý nghĩa các chi tiết kì ảo:***

Con vật	
- Chằn tinh:	- Một yêu quái khổng lồ, có sức mạnh ghê gớm, lại biết tàng hình, lắm phép lạ, người đời khiếp sợ, vua quan chịu bó

	tay.
- Đại bàng:	- Ở hang sâu bí mật, có mỏ sắc, vuốt nhọn, có sức mạnh ghê gớm, quắp công chúa đi trước mặt bá quan văn võ và các anh tài trong thiên hạ. => Đại diện cho cái ác, gieo rắc nỗi kinh hoàng và gây tai họa cho người dân, đồng thời giúp Thạch Sanh thể hiện phẩm chất của người dũng sĩ.
Đồ vật	
- Cây đàn: - Niêu cơm:	- Là nhạc cụ đồng thời là vũ khí. → Đại diện cho tình yêu, công lí, nhân đạo, hoà bình. - Hàng vạn người ăn mãi không hết. → Lòng nhân đạo, đoàn kết, hòa bình. => Góp phần tô đậm vẻ đẹp kì diệu của truyện.

3. Đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông:

Thạch Sanh	Lý Thông
- Giết chằn tinh. - Diệt đại bàng - Cứu thái tử con vua thủy tề. - Gảy đàn trong ngục giam. - Vạch mặt mẹ con Lý Thông, tha tội chết cho họ, cưới công chúa. - Dùng cây đàn để đánh đuổi quân xâm lược. - Ban niêu cơm thần. - Nối ngôi vua.	- Lừa Thạch Sanh đi canh miếu thờ, cướp công. - Nhờ Thạch Sanh tìm hang ổ đại bàng, ám hại, cướp công. - Về quê, bị sét đánh, bị biến thành bọ hung. → Độc ác, mưu mô, xảo quyệt, tham lam, vong ân bội nghĩa

	→ Thật thà, nhân hậu, dũng cảm, không màng vật chất; đại diện cho chính nghĩa, lương thiện	
	/cách sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo; kết thúc có hậu/ => Ước mơ, niềm tin vào đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, hòa bình của nhân dân.	

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Bài tập 1:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

"Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một cái lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, Ngọc Hoàng đã sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông."

(Trích Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1: Đoạn trích trên nói về nội dung gì?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên? Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

Câu 3: Tìm cụm danh từ có trong đoạn trích trên?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Đoạn trích giới thiệu lai lịch của Thạch Sanh.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên là tự sự.

Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi, dũng sĩ.

Câu 3: Cụm danh từ: *một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài, một lưỡi búa của cha để lại, các môn võ nghệ, mọi phép thần thông.*

Bài tập 2:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"...Năm ấy, đến lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lý Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:

- Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.

Thạch Sanh thật thà nhận lời đi ngay..."

(Thạch Sanh - Ngữ văn 6)

Câu 1: Truyện Thạch Sanh thuộc thể loại truyện dân gian nào? Hãy trình bày đặc điểm của thể loại truyện đó.

Câu 2: Đoạn trích trên giúp em nhận ra được tính cách gì của Thạch Sanh và Lý Thông?

Câu 3: Đặt 1 câu với danh từ tìm được trong đoạn trích trên.

Câu 4: Hãy viết đoạn văn ngắn (4 - 6 câu) trình bày suy nghĩ của em về nhân vật Thạch Sanh, trong đó có sử dụng số từ (gạch chân dưới số từ đó).

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Truyện Thạch Sanh thuộc thể loại truyện cổ tích.
- Đặc điểm của thể loại truyện đó:

+ Truyện kể về cuộc đời một số kiểu nhân vật: nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật là động vật…

+ Truyện có yếu tố hoang đường kì ảo, thể hiện ước mơ của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.

Câu 2: Tính cách của nhân vật Thạch Sanh, tính cách của Lý Thông:

- Thạch Sanh: thật thà, tốt bụng.
- Lý Thông: gian xảo, mưu mô.

Câu 3: Học sinh đặt 1 câu với danh từ có trong đoạn trích.

Câu 4:Đoạn văn cảm thụ văn bản đảm bảo được các ý sau:

- Giới thiệu về Thạch Sanh.
- Ngoại hình, chiến công của Thạch Sanh.
- Cảm nhận của em: yêu mến và khâm phục chàng dũng sĩ tài đức vẹn toàn.
- Có sử dụng số từ và gạch chân dưới số từ ấy.

Bài tập 3:

Đọc đoạn trích sau, trả lời câu hỏi:

"Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận.... Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước".

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào?

Câu 2: Thể loại của văn bản có chứa đoạn trích?

Câu 3: Tìm chi tiết tưởng tượng kì ảo có trong đoạn trích trên.

Câu 4: Trình bày cảm nhận của em về chi tiết kì ảo đó bằng một đoạn văn ngắn.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: - VB: Thạch Sanh

Câu 2:- Thể loại: Truyện cổ tích

Câu 3: - Chi tiết niêu cơm thần

Câu 4. Gv gợi ý các ý chính trong đoạn văn.

- Giới thiệu TCT TS: *Thạch Sanh* là câu chuyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lý xã hội và lý tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta.
- Nêu được chi tiết kì ảo: Trong đoạn trích trên, niêu cơm thần là một chi tiết tưởng tượng kì ảo giàu ý nghĩa.
- Cảm nhận của em về chi tiết đó: Niêu cơm có khả năng phi thường, cứ ăn hết lại đầy, làm cho quân sĩ 18 nước chư hầu ban đầu coi thường, chế giễu, nhưng sau đó phải ngạc nhiên, khâm phục. Niêu cơm thần không những đã cảm hóa được quân thù mà còn khiến chúng phải cúi đầu khâm phục. Vì thế, niêu cơm tượng trưng cho tình thương, lòng nhân ái, ước vọng đoàn kết, tư tưởng yêu hòa bình của dân ta. Ngoài ra, hình ảnh đó còn mang ước mơ lãng mạn về sự no đủ của cư dân nông nghiệp VN ta khi có được niêu cơm cứ ăn hết lại đầy thì lao động của con người sẽ trở nên đỡ vất vả hơn, mọi người sẽ có được cuộc sống no đủ, hạnh phúc.

Bài tập 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"Ngày xưa ở quận Cao Bình có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con. Tuy nhà nghèo, hằng ngày phải lên rừng chặt củi về đổi lấy gạo nuôi thân, họ vẫn thường giúp mọi người. Thấy họ tốt bụng, Ngọc Hoàng bèn sai thái tử xuống đầu thai làm con. Từ đó người vợ có mang, nhưng đã qua mấy năm mà không sinh nở. Rồi người chồng lâm bệnh, chết. Mãi về sau người vợ mới sinh được một cậu con trai...."

(Ngữ văn 6- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản nào?

Câu 2: Văn bản ấy thuộc thể loại nào của truyện dân gian? Cho biết khái niệm thể loại đó

Câu 3: *Kể thêm 3 văn bản cùng thể loại với văn bản trên mà em biết.*

Câu 4: Hãy tìm 2 danh từ chỉ sự vật và 2 cụm DT trong đoạn văn trên

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: -Văn bản: Thạch Sanh

Câu 2:

- Thể loại: Truyện cổ tích
- Khái niệm: Truyện cổ tích là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số nhân vật quen thuộc: Nhân vật bất hạnh; nhân vật thông minh; nhân vật ngu ngốc; nhân vật dũng sĩ; nhân vật có tà năng kì lạ; nhân vật là động vật.

Câu 3:

Kể 3 văn bản thuộc thể loại cổ tích: Sọ Dừa, Cây Khế, Em bé thông minh

Câu 4

2 DT: vợ chồng, nhà

2 CDT: hai vợ chồng, mọi người

Bài tập 5:

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

"Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đố họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước"

(SGK Ngữ văn 6 - Tập 2)

***Câu 1**:* Đoạn văn trên trích ra từ văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại gì? Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được? Hãy kể tên một văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn 6 cùng thể loại với truyện đó?

***Câu 2**:* Nhân vật chính của văn bản là ai? Đoạn văn được kể theo ngôi thứ mấy? Tìm từ láy có trong đoạn văn?

Câu 3: Đoạn văn trên xuất hiện một vật thần kì, đó là gì? Kể tên những vật thần kì khác xuất hiện trong văn bản em vừa tìm được.

Câu 4: Tìm cụm 1 cụm động từ trong đoạn văn

Câu 5 : Hãy viết một đoạn văn trình bày ý nghĩa của hình tượng vật thần kì xuất hiện trong đoạn văn trên.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

-Văn bản: Thạch Sanh

- Thể loại: Truyện cổ tích

- PTBD chính: Tự sự

- Một tác phẩm: Em bé thông minh

Câu 2:

- Nhân vật chính: Thạch Sanh

- Ngôi kể: Ngôi 3

- Từ láy: vẻn vẹn

Câu 3:

- Vật thần kì: niêu cơm thần

- Vật thần kì khác:cây đàn thần

Câu 4

thết đãi những kẻ thua trận

Câu 5:

HS trình bày hình thức đoạn văn, có câu chủ đề

Hướng dẫn làm bài Xác định yêu cầu: Ý nghĩa niêu cơm thần

⇨ Ở truyện "Thạch Sanh", **chi tiết niêu cơm thần có một số ý nghĩa sau**:

+ Niêu cơm thần kì của Thạch Sanh có khả năng phi thường, cứ ăn hết lại đầy làm cho quân chư hầu mười tám nước lúc đầu coi thường, chế giễu nhưng sau đó lại khâm phục.

+ Niêu cơm thần kì với lời thách đố của Thạch Sanh và sự thua cuộc của quân sĩ mười tám nước chư hầu chứng tỏ thêm tính chất kì lạ của niêu cơm với sự tài giỏi của Thạch Sanh.

+ Niêu cơm thần kì tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hòa bình của nhân dân ta.

TIẾT 3: ÔN TẬP VĂN BẢN: CÂY KHẾ

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức.	**I. KIẾN THỨC CHUNG:** ***1. Cốt truyện:*** - Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế. - Cây khế có quả, chim đến ăn, người anh phàn nàn, chim hẹn trả ơn. - Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ đó người em trở nên giàu có. - Người anh biết chuyện, đổi gia tài lấy cây khế, người em bằng lòng. - Chim lại đến ăn, rồi lại chở người anh ra đảo. - Người anh may túi quá to nên chim không bay nổi, người anh bị rơi xuống biển chết. ***2. Thời gian và không gian trần thuật:*** *- Thời gian: ngày xửa ngày xưa* *- Không gian: ở một nhà kia* *→ Không gian, thời gian phiếm chỉ.* ***3. Nhân vật:*** *- Người em: kiểu nhân vật bất hạnh.* *- Chim phượng hoàng: nhân vật là loài vật kì ảo (đại diện cho lực lượng siêu nhiên bảo vệ những điều tốt đẹp).* ***4. Bố cục:*** 3 phần

	- P_1: Từ đầu ->*không đi lại với em nữa*: giới thiệu về hai anh em và việc chia gia tài. - P_2: Tiếp theo ->*đâm bổ xuống biển:* Cuộc sống của hai anh em khi ra ở riêng. - P_3: Còn lại: Kết thúc truyện. ***5. Nội dung – Ý nghĩa:*** * *Nội dung*: Truyện kể về người anh tham lam, độc ác đã phải trả giá và người em chăm chỉ, hiền lành, lương thiện đã được đền đáp xứng đáng. * *Ý nghĩa*: Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác. ***6. Nghệ thuật*** - Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện. - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.
GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:** **1. Ý nghĩa chi tiết kì ảo:** - Chim thần: biết nói tiếng người, biết chỗ cất giấu của cải. → Con vật kì ảo nằm trong danh sách lực lượng thần kì của thế giới cổ tích; xuất hiện nhằm tạo ra những điều kì diệu; thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật tốt hoặc trừng phạt nhân vật xấu. - Câu nói của con chim lớn: *Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng* → Câu nói có vần, dễ thuộc, dễ nhớ. Ngày nay câu ăn một quả, trả cục vàng hay ăn khế, trả vàng cũng thường được nhân dân dùng để chỉ một việc làm được trả công hậu hĩnh, có kết quả tốt đẹp. - Không gian kì ảo (đảo xa): + Đặc điểm: chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả, ra tới giữa biển. + Giúp người em có cuộc sống giàu có. → Nhấn mạnh ý nghĩa của không gian kì ảo cùng rất nhiều bất ngờ mà không gian kì ảo đó mang lại cho nhân vật trong thế giới cổ tích.

2. Nhân vật người anh, người em và bài học từ truyện:

a. Hai nhân vật:

Nhân vật Đối lập	Người anh	Người em
Hành động	- Chiếm hết tài sản. - Nịnh nọt người em đổi hết tài sản lấy cây khế. - May túi 12 gang. - Cố vơ vét hết vàng trên đảo.	- Thương anh, biết phận mình nên không đòi hỏi. - Chăm sóc cây khế. - May túi ba gang, lấy vàng trên đảo. - Sẵn sàng chia sẻ cây khế với anh.
Kết cục	Bị rơi xuống biển, "tham thì thâm"	Sống sung túc, "ở hiền gặp lành"
Nhận xét	Ích kỷ, keo kiệt, tham lam, vô ơn, sống không có tình nghĩa.	Tốt bụng, thật thà, lương thiện, biết ơn, giàu tình nghĩa

b. Bài học:

- Không tham lam, biết vừa đủ.
- Sống nhân hậu, tình nghĩa, biết giữ lời hứa, biết đền đáp ơn nghĩa.
- Anh em trong gia đình phải biết thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau.
- Trung thực, chăm chỉ, hiểu được ý nghĩa của lao động chân chính.

III. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1:

Hình tượng con chim trong Cây khế có ý nghĩa gì?

Hướng dẫn làm bài:

Con chim trong **Cây khế** là con vật kì ảo, khác thường: hình dáng to lớn, đẹp đẽ; sức mạnh phi thường (có thể chở được con người trên lưng); biết nói tiếng người, lại là

những lời có vần điệu dễ nghe; biết trọng sức lao động của con người (ăn khế thì trả vàng); biết giữ lời hứa (ngày hôm sau quay lại đưa chủ của cây khế đi lấy vàng); biết nơi đảo xa có vàng bạc, kim cương để đưa người đến lấy. Hình tượng này là sáng tạo độc đáo của người dân lao động. Nhân dân gửi gắm ước mơ có một lực lượng siêu nhiên để thực thi công lí: giúp đỡ, ban tặng cho những người yếu thế, hiền lành, tốt bụng; trừng phạt những kẻ xấu xa, độc ác. Qua hình tượng con chim, nhân dân lao động cũng thể hiện tinh thần lạc quan, tin tưởng rằng những người tốt sẽ được sung sướng, hạnh phúc.

Bài tập 2:

Trong truyện **Cây khế** hai anh em có nguồn gốc xuất thân, hoàn cảnh gặp gỡ con chim giống nhau nhưng cách ứng xử, hành động khác nhau; dẫn đến kết cục trái ngược nhau. Kiểu kết cấu kể chuyện như vậy có ý nghĩa gì?

Hướng dẫn làm bài:

Trước hết, kết cấu này làm cho sự đối lập về phẩm chất của hai nhân vật trở nên rõ ràng hơn, như trắng với đen, như sáng với tối. Thứ 2, kết cấu này khẳng định kết cục số phận của mỗi người do chính cách lựa chọn xử sự, hành động của họ, mà sâu xa là do bản chất, tính cách con người quyết định. Thử tưởng tượng, nếu người anh cũng may túi ba gang và lấy đủ phần của cải vừa trong túi thì sẽ không phải chịu kết cục bi thảm. Người anh phải gánh chịu hậu quả do chính anh ta gây ra.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức 2 văn bản vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau:

BUỔI 22: ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

VĂN BẢN 3: VUA CHÍCH CHÒE
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGHĨA CỦA TỪ, THÀNH NGỮ, ĐIỆP NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh xác định được chủ đề của truyện *Vua chích chòe.*
- Biết được những đặc điểm cơ bản làm nên truyện cổ tích.
- Nhận xét đánh giá về bài học đạo đức mà nhân gian gửi gắm

- HS hiểu và vận dụng được cách nhận biết nghĩa của từ ngữ trong VB (suy đoán, tra từ điển; đặc biệt là cách suy đoán).
- HS hiểu nghĩa của từ ngữ trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp của văn bản hay biểu đạt dụng ý của người dùng.
- Củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.
- HS thấy được mối quan hệ giữa một số thành ngữ và các câu chuyện kể.
- Năng lực nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.
- Có ý thức vận dụng kiến thức về từ và thành ngữ vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: VUA CHÍCH CHÒE

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức.	**I. KIẾN THỨC CHUNG:** **1.Truyện cổ Gờ- rim (Grimm)** **- Là truyện kể gia đình cho trẻ em** là một tập hợp các truyện cổ tích tiếng Đức lần đầu tiên được xuất bản năm 1812 bởi Anh em nhà Grimm, Jacob và Wilhelm. - UNESCO chính thức công nhận Truyện cổ Grimm là di sản văn hóa thế giới. 2. Thể loại: Văn bản là truyện cổ tích **3. Ngôi kể:** ngôi thứ ba **4. Kể theo trình tự thời gian** và sử dụng PTBD tự sự. **5. Các sự việc chính** + Nhà vua có một cô con gái xinh đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng kiêu ngạo, ngông cuồng. + Vua cha mở buổi yến tiệc, mời các chàng trai đến dự tiệc để tìm phò mã. + Công chúa chê hết người này đến người khác, khiến nhà vua tức giận và ban sẽ gả công chúa cho người ăn xin đầu tiên đến điện kiến. + Nhà vua gả công chúa cho gã hát rong, công chúa theo gã về nhà. + Công chúa tiếc nuối vì không cưới Vua chích chòe khi thấy rừng, thảo nguyên, thành phố của vua. + Công chúa dần dần làm qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp. + Vua chích chòe giải thích mọi việc cho công chúa khi cô làm phụ bếp cho đám cưới của vua. + Công chúa khóc hối lỗi và hai người làm đám cưới với nhau. **6. Bố cục:** Truyện có bố cục 3 phần theo công thức của truyện cổ tích (giới thiệu nhân vật và tính huống truyện, các thử thách, kết thúc có hậu) **7. Nghệ thuật** Truyện cổ tích có nhiều tình tiết hấp dẫn, cuốn hút, lời kể hấp dẫn, khéo léo , sử dụng biện pháp điệp cấu trúc.

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.
- Hình thức vấn đáp.
- HS trả lời.
- GV chốt kiến thức

8. Nội dung

Vua chích chòe khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng thích nhạo báng người khác. Đồng thời thể hiện sự bao dung, tình yêu thương của nhân dân với những người biết quay đầu, hoàn lương.

II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:

1. Đặc điểm các nhân vật

Nội dung	Công chúa	Vua chính chòe
Xuất thân	con gái duy nhất của nhà vua	Vua một nước
Ngoại hình	Xinh đẹp tuyệt trần	Giống chim chích chòe
Lời nói, hành động	Từ chối hết người này đến người khác còn chế giễu, nhạo báng họ.	Giả làm người ăn mày , tạo ra các thử thách
Kiểu nhân vật trong truyện cổ tích	Kiểu nhân có tính tình không tốt hoặc mắc lỗi sai	Nhân vật người ra thử thách, người giả mạo
Đánh giá về tính cách của nhân vật	->Kiêu ngạo và ngông cuồng vì qua được nuông chiều	->Thông minh, kiên nhẫn, điềm tĩnh

2. Ý nghĩa của việc trừng phạt và những thử thách

- Nhà vua quá tức giận nên đã gả công chúa cho người ăn mày

-> Hình phạt nặng nề để trừng trị con gái.

- Người hát rong đã yêu cầu công chúa:

	+ trở thành thường dân ra khỏi cung. + Sống trong một căn lều nhỏ không có người hầu hạ. + Dậy sớm nhóm bếp, náu ăn, đan sọt, dệt sợi, bán sành sứ, phụ bếp =>trừng phạt tính kiêu căng, ngông cuồng, thể hiện tình yêu , giúp công chúa nhận ra những điều sai trái của mình mà biết sửa sai. => mô típ quen thuộc trong truyện cổ tích **3. Kết thúc và bài học rút ra** - Kết thúc có hậu: công chúa nhận ra sai lầm của mình và biết sữa lỗi và kết hôn với vua chích chòe. - Câu " tôi tin...lễ cưới"-> lời nói bông đùa, cho thấy đây chỉ là một câu chuyện hư cấu. => Công thức kết truyện quen thuộc trong truyện cổ tích nước ngoài. - Bài học: khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng, nhạo báng người khác, phải biết tôn trọng và sống hòa nhã, phải cố gắng hoàn thiện bản thân và thay đổi mình phù hợp với hoàn cảnh, biết nhận ra sai lầm và sửa lỗi.

TIẾT 2 +3:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGHĨA CỦA TỪ, THÀNH NGỮ, ĐIỆP NGỮ

I. CỦNG CỐ LÝ THUYẾT:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về nghĩa của từ, thành ngữ, BPTT điệp ngữ. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**I. Nghĩa của từ:** **1. Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.** **VD:** ***- Thủy phủ:*** *Dinh dự dưới nước,nơi ở của thủy thần.* ***- Sinh nhai:*** *Kiếm sống.* **2. Hiểu nghĩa của từ bằng cách:** - Tra từ điển; - Suy đoán nghĩa của từ nhờ nghĩa của những yếu tố tạo nên nó. **VD: gia tài.** + gia: nhà

	+ tài: của cải. - Dựa vào từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa. **II. Thành ngữ:** - Thành ngữ là loại cụm từ cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. - Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa giữ ẩn dụ, so sánh . **III. Điệp ngữ:** **a. Khái niệm:** *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) **b. Tác dụng**: làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh, tăng ự gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. **c. Các kiểu điệp ngữ:** Điệp ngữ có 3 dạng: + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến. + Điệp ngữ cách quãng + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng) Ví dụ:Một bầy gà mà bươi trong bếp Chết ba con hỏi còn mấy con

II. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1:

Em hãy dựa vào hiểu biết của mình đẻ giải thích nghĩa của các từ sau: gia cảnh, gia bảo, gia chủ, gia dụng, gia đạo, gia sản.

Hướng dẫn làm bài

- Gia cảnh: Gia là nhà, cảnh là cảnh ngộ, hoàn cảnh. Gia cảnh là hoàn cảnh khó khăn của gia đình.
- Gia bảo: Gia là nhà, bảo là bảo vật, bảo bối. Gia bảo là báu vật của gia đình.
- Gia chủ: Gia là nhà, chủ là người đứng đầu. Gia chủ là chủ nhà.
- Gia dụng: Gia là nhà, dụng là vật dụng, đồ dùng. Gia dụng là đồ dùng vật trong trong gia đình.
- Gia đạo: Gia là nhà, đạo là đạo lý. Gia đạo là lề lối, phép tắc trong gia đình.
- Gia sản: Gia là nhà, sản là tài sản. Gia sản là tài sản của gia đình.

Bài tập 2:

Hãy tìm một số thành ngữ trong các truyện cổ tích và truyền thuyết mà các em đã học trong Bài 6 và 7 chương trình ngữ văn 6.

Hướng dẫn làm bài

GV hướng dẫn HS tìm các thành ngữ trong các văn bản đã học và hướng dẫn các em giải thích.

Ví dụ:

+Hô mưa gọi gió: người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kỳ diệu, to lớn

+Oán nặng thù sâu: sự hận thù sâu sắc, khắc cốt ghi tâm, ghi nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên được.

- *Niêu cơm Thạch Sanh*: niêu cơm ăn không bao giờ hết, suy rộng ra là nguồn cung cấp vô hạn.
- *Hiền như cô Tấm*: rất hiền.
- *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho*: Trên đời khó có ai được hoàn toàn đầy đủ.

...

Bài tập 3:

Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu văn sau và nêu tác dụng:

a. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hét lại đầy.

b. Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả.

Hướng dẫn làm bài

a. Biện pháp tu từ: điệpngữ (ăn mãi được lặp lại 2 lần)

-Tác dụng của biện pháp tu từ:

+ Niêu cơm thần kì với lời thách đố của Thạch Sanh và sự thua cuộc của quân sĩ 18 nước chư hầu chứng tỏ thêm tính chất kì lạ của niêu cơm với sự tài giỏi của Thạch Sanh.

+ Niêu cơm thần tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta.

+ Niêu cơm thần tượng trưng cho lòng nhân đạo yêu hoà bình.

b. Biện pháp tu từ: điệp ngữ (bay mãi (2 lần), hết (2 lần), đến (2 lần)).

Tác dụng của biện pháp tu từ: Tăng sức gợi hình cho câu văn, thể hiện sự bao la, rộng lớn với những nơi mà chim thần bay qua.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập

Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: ***Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.***

BUỔI 23: ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI TRUYỆN CỔ TÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS biết dùng ngôi thứ nhất để kể lại một truyện cổ tích đã biết. HS biết chọn nhân vật kể chuyện, điểm nhìn thích hợp; sử dụng lời kể phù hợp; biết cách kể lại truyện vừa đảm bảo nội dung của truyện gốc vừa có những sáng tạo mới mẻ.
- HS biết tóm tắt và kể lại một câu chuyện một cách trọn vẹn, đồng thời phát huy được trí tưởng tượng, năng lực sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ trần thuật, miêu tả.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố	**I. Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể**

những kiến thức về cách làm bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức.	**lại một truyện cổ tích:** - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện. - Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ờ truyện gốc. - Cần có sự sắp xếp hợp li các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo. - Có thể bổ sung các yếu tốmiêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật. **II. Các bước tiến hành viết bài văn** **1. Trước khi viết** + Lựa chọn truyện cổ tích định kể, người nghe (đọc). + Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng. + Chọn lời kể phù hợp. + Ghi lại những nội dung chính của câu chuyện. *** Lập dàn ý:** **+ Mở bài** Giới thiệu nhân vật kể chuyện và câu chuyện được kể. **+ Thân bài** Trình bày diễn biến của câu chuyện bằng cách bám sát truyện gốc. **+ Kết bài:** Nêu kết thúc truyện và suy nghĩ của bản thân mình. **2. Viết bài.** **3. Chỉnh sửa bài viết**

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Đề bài 1: Đóng vai Lý Thông kể lại truyện Thạch Sanh

a. Mở bài:

- Lý Thông tự giới thiệu về mình (trước đây là người nhưng hiện giờ đang là một con

bọ hung xấu xí).
- Gợi ra nguyên nhân dẫn đến bi kịch của mình.

b. Thân bài:

- Lý Thông gặp Thạch Sanh, những toan tính của Lý Thông và việc hai người kết nghĩa, lời thề của Lý Thông.
- Chuyện Thạch Sanh ở nhà Lý Thông: dốc sức làm việc cho mẹ con Lý Thông.
- Chuyện con chằn tinh trong vùng và những mưu toan của Lý Thông dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh đi canh miếu.
- Chuyện Lý Thông và mẹ đang ngủ thì Thạch Sanh về gọi cửa – tâm trạng sợ sệt hốt hoảng tưởng hồn Thạch Sanh về đòi mạng chuyển sang những toan tính rất nhanh khi biết Thạch Sanh đã giết chết chằn tinh dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh bỏ đi.
- Chuyện Lý Thông đem đầu mãng xà đi lãnh thưởng, được hưởng vinh hoa phú quý; những suy nghĩ của Lý Thông về Thạch Sanh (ngu ngốc).
- Chuyện công chúa bị đại bàng bắt đi, Lý Thông phải tìm công chúa, tâm trạng và suy nghĩ của Lý Thông dẫn đến kế tìm Thạch Sanh.
- Chuyện Thạch Sanh tìm và cứu được công chúa; Lý Thông lấp cửa hang hãm hại Thạch Sanh cướp công cứu công chúa rồi được lãnh thưởng; công chúa bị câm.
- Nhận được tin Thạch Sanh bị bắt giam vì tội ăn trộm vàng bạc, Lý Thông vừa kinh ngạc (vì Thạch Sanh còn sống) vừa vui mừng (vì Thạch Sanh bị khép vào trọng tội).
- Chuyện Thạch Sanh được tiếng đàn minh oan, công chúa nói được; Lý Thông bị trừng phạt đúng như lời thề năm xưa.
- Thạch Sanh lấy công chúa, được làm vua và hưởng hạnh phúc lâu bền.

c. Kết bài:

Những suy nghĩ về tình cảm anh em, về triết lí "ác giả ác báo" của nhân dân ta.

Bài tham khảo 1

Lý Thông tôi là một người chuyên bán rượu trong làng. Nhờ vào tay nghề ủ rượu ngon, nên gần xa trong làng ai cũng biết đến.

Một lần, tôi trong một chuyến đi xa, tôi ghé lại nghỉ chân ở quán nước. Chợt tôi thấy một chàng trai vạm vỡ, nước da bánh mật, gánh một bó củi to trên lưng. Tôi tò mò, hỏi ra mới biết đó là Thạch Sanh, một chàng trai mồ côi sống bằng nghề kiếm củi. Thấy Thạch Sanh hiền lành, khỏe mạnh lại mồ côi, tôi ngẫm nghĩ: “Thạch Sanh khỏe mạnh lại khù khờ thế này, mang nó về nhà giúp việc chắc tôi đỡ được bao nhiêu”. Vậy là tôi ngỏ ý kết nghĩa anh em với Thạch Sanh, Thạch Sanh thấy có người thương mình thì vui vẻ nhận lời. Kết nghĩa xong, tôi bèn mời Thạch Sanh về nhà ở để dễ bề lợi dụng.

Từ ngày có nó mẹ con tôi đỡ vất vả đi nhiều. Những công việc nặng nhọc trong nhà, thằng bé tranh làm hết. Hai mẹ con tôi từ đó nhàn nhã nhiều. Nhưng rồi cuộc sống không êm đềm như tôi vẫn thường nghĩ. Trong vùng lúc bấy giờ chợt xuất hiện một con chằn tinh rất hung ác, phép thuật vô song, thường xuyên bắt người ăn thịt. Nó thần thông quảng đại thế nên dân làng đành bó tay, không ai có thể diệt trừ được nó. Để yên ổn, dân làng họp lại đưa ra kế sách đành tình nguyện nộp người cho nó để nó ăn thịt, không quấy phá dân làng nữa. Lệ làng phép nước, sao có thể tránh khỏi, cuối cùng cũng đến ngày tôi phải nộp mạng. Tôi về nhà, nhìn nhà cửa, nhìn mẹ già mà không khỏi đành lòng chịu chết như thế. Chợt Thạch Sanh từ núi gánh củi về, tôi chợt nghĩ ra cách là nhờ Thạch Sanh đi thay mình. Tối đó, tôi mời Thạch Sanh ăn uống no say, rồi cất lời nhờ cậy:

- Mấy nữa, anh có chuyến giao rượu xa, ngặt nỗi, làng lại cử anh đi canh miếu. Chuyến hàng này rất quan trọng anh không đi không yên tâm, em có thể giúp anh đi canh miếu thay anh được không?

Thấy tôi nhờ vả, Thạch Sanh không chần chừ đáp:

- Anh cứ yên tâm giao em.

Nghe vậy, tôi và mẹ vui mừng lắm. Hôm Thạch Sanh đi canh miếu tôi thấp thỏm không thôi. Phần vì cũng cảm thấy có lỗi, thằng bé hiền lành, nhưng rồi nghĩ:" Nó không thay mình thì người chết đêm nay là mình". Trời về khuya, tôi cũng thôi, không nghĩ gì nữa mà tắt đèn đi ngủ. Vừa thiu thiu ngủ thì bỗng có tiếng gọi của Thạch Sanh:

- Anh ơi.... anh ơi.... anh....

Nghe tiếng gọi, mẹ con tôi nghĩ Thạch Sanh về đòi mạng, ,mẹ con tôi van xin khẩn thiết:

-Em ơi, em sống khôn chết thiêng tha cho mẹ và anh…. Anh xin lỗi…..

Thạch Sanh không hiểu chuyện gì đang xảy ra, bèn phân chần:

- Anh ơi, là em, em đây, em nào đã chết, em là người mà anh

Lúc bấy giờ tôi mới tôi mới tin là Thạch Sanh còn sống. Nhưng làm sao mà nó còn sống trở về được. Chẳng lẽ nó biết được ở miếu có chằn tính, bản thân nó chỉ là thế mạng nên quay về đây trả thù.

- Thế sao chú về sớm thế, anh nhờ chú canh miếu mà.

Nghe hỏi, Thạch Sanh thật thà kể lại chuyện giết chằn tinh, bây giờ mẹ con tôi mới an tâm. Nhìn con trăn sau lưng Thạch Sanh tôi chợt nghĩ ra kế:

- Trời ơi, con trăn ấy là của nhà vua nuôi đã lâu. Nay em bắt giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng, em hãy lo trốn ngay đi! Có chuyện gì để mặc anh ở nhà lo liệu!

Sau khi xúi Thạch Sanh bỏ trốn, tôi cùng mẹ hăm hở đem xác chằn tinh lên kinh đô lĩnh thưởng. Tôi được vua khen ngợi và phong làm đô đốc.

Năm đó, Vua có một người con gái đến tuổi lấy chồng nhưng chưa chọn được ai thích hợp, vua cha bèn nghĩ ra cách ném cầu kén rể, ai bắt được cầu sẽ được làm phò mã. Tôi cũng hăm hở đến dự lễ ném cầu này, vì biết đâu tôi lại giành được tú cầu, một bước lên tiên. Nhưng khi công chúa vừa lên lầu chuẩn bị ném cầu thì bị một con đại bàng cắp đi mất. Cả kinh thành náo loạn đi tìm công chúa.

Tôi được đức vua cho nhiệm vụ đi tìm công chúa và hứa sẽ gả con gái, truyền ngôi cho tôi nữa. Nhưng tôi chỉ vừa mừng vừa lo, không biết tìm công chưa kiểu gi cả. Tôi liền nghĩ đến Thạch Sanh, tôi về lại gốc đa năm xưa tìm nó. Thật vui mừng khi nó chính là người bắn trúng con đại bàng. Thạch Sanh còn tình nguyện xuống hang sâu để tìm công chúa. Tôi buộc dây vào thắt lưng hắn, dặn rằng khi vào cứu được công chúa thì hãy lấy dây để kéo công chua lên, sau đó sẽ thả dây xuống để cứu em. Khi hắn cứu được công chúa, tôi đã không thả dây xuống cứu hắn nữa mà vít luôn cửa hang lại đề phòng nó tranh công của tôi.

Thế nhưng, từ lúc công chúa về cung không nói không rằng, vua cha rất lo lắng. Tôi đã mời rất nhiều nhà sư, đạo gia về để lễ tế nhưng không có tác dụng. Một hôm, trong từ trong tù phát ra một tiếng đàn của ai đó. Bỗng công chúa cất tiếng nói và muốn gặp người đánh đàn. Vua liền truyền người đánh đàn vào cung. Trước mặt mọi người tôi đã bị Thạch Sanh vạch mặt, Thạch Sanh vẫn thương tình tôi nên tha cho mẹ con tôi về quê làm ăn. Nhưng giữa đường do giữ lời thề năm xưa lúc kết nghĩa anh em. Tôi đã bị sét đánh chết.

Bài tham khảo 2

Tôi là Lý Thông, một người chuyên bán rượu. Trong một lần đi bán rượu ở xã Cao Bình, ngồi nghỉ chân tại một quán nước gần gốc đa, tôi thấy một người vác về một đống củi to, tôi nghĩ bụng đây chắc chắn là một người có sức khỏe phi thường, liền lấn lá làm quen. Anh ta tên là Thạch Sanh, từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, của cải chẳng có gì ngoài chiếc búa cha để lại. Tôi biết tên này thật thà, dễ lợi dụng nên đã quyết định kết nghĩa anh em với nó và cho nó về nhà tôi ở.

Thật đúng là gặp phải của hớ, từ ngày có nó mẹ con tôi đỡ vất vả đi nhiều. Bấy giờ, trong vùng có một con chằn tinh rất hung ác, phép thuật vô song, thường xuyên bắt người ăn thịt. Để yên ổn, dân làng tình nguyện nộp người cho nó để nó ăn thịt, không quấy phá dân làng nữa. Lần đó, đến lượt tôi, tôi bèn nghĩ ra cách là nhờ Thạch Sanh đi thay mình. Tối đó, tôi mời Thạch Sanh ăn uống no say, rồi cất lời nhờ cậy đi

trông miếu thay mình vì mình còn phải cất mẻ rượu mới. Thạch Sanh không nghĩ ngợi nhiều liền nhận lời ngay. Tôi và mẹ vui mừng lắm.

Đêm hôm đó, tôi đang ngủ say thì bỗng có tiếng gọi của Thạch Sanh, mẹ con tôi nghĩ Thạch Sanh về đòi mạng, ,mẹ con tôi van xin khẩn thiết. Thạch Sanh mới kể lại chuyện giết chằn tinh, bây giờ mẹ con tôi mới an tâm. Tôi còn nghĩ ra một kế lừa Thạch Sanh rằng đó là con vật Vua nuôi, không giết được và bảo Thạch Sanh về lại gốc đa cũ đi, không sẽ bị trách tôi. Việc ở đây cứ để anh xử lý cho. Lừa được Thạch Sanh, tôi liền mang đầu chằn tinh lên quan lĩnh thưởng. Tôi được vua khen ngợi và phong làm đô đốc.

Năm đó, Vua có một người con gái đến tuổi lấy chồng nhưng chưa chọn được ai thích hợp, vua cha bèn nghĩ ra cách ném cầu kén rể, ai bắt được cầu sẽ được làm phò mã.Nhưng khi công chúa vừa lên lầu chuẩn bị ném cầu thì bị một con đại bàng cắp đi mất. Thạch Sanh đang ngồi gốc đa, thấy đại bàng cắp người đi qua, chàng bèn lấy tên bắn trúng nó 1 phát, nhưng do đại bàng quá khỏe mạnh, nên nó vẫn bay được về hang. Chàng lần theo vết máu tìm được hang của Đại bàng.

Tôi được vua cha giao cho nhiệm vụ đi tìm công chúa và hứa sẽ gả con gái, truyền ngôi cho tôi nữa. Nhưng tôi chỉ vừa mừng vừa lo, không biết tìm công chưa kiểu gì cả. Tôi liền nghĩ đến Thạch Sanh, tôi về lại gốc đa năm xưa tìm nó. Thật vui mừng khi nó chính là người bắn trúng con đại bàng. Thạch Sanh còn tình nguyện xuống hang sâu để tìm công chúa. Tôi buộc dây vào thắt lưng hắn, dặn rằng khi vào cứu được công chúa thì hãy lấy dây để kéo công chua lên, sau đó sẽ thả dây xuống để cứu em. Khi hắn cứu được công chúa, tôi đã không thả dây xuống cứu hắn nữa mà vít luôn cửa hang lại.

Từ lúc công chúa về cung không nói không rằng, vua cha rất lo lắng. Tôi đã mời rất nhiều nhà sư, đạo gia về để lễ tế nhưng không có tác dụng. Một hôm, trong từ trong tù phát ra một tiếng đàn của ai đó. Bỗng công chúa cất tiếng nói và muốn gặp người đánh đàn. Vua liền truyền người đánh đàn vào cung. Trước mặt mọi người tôi đã bị Thạch Sanh vạch mặt, Thạch Sanh vẫn thương tình tôi nên tha cho mẹ con tôi về quê làm ăn. Nhưng giữa đường do giữ lời thề năm xưa lúc kết nghĩa anh em. Tôi đã bị sét đánh chết.

TIẾT 3: LUYỆN TẬP (Tiếp)

Đề 2: Đóng vai Thủy Tinh kể lại truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh

Bài tham khảo 1

Chào các bạn trẻ! Ta là Thuỷ Tinh, một người đã không biết bao nhiêu lần đánh nhau với Sơn Tinh để cướp Mỵ Nương, nhưng không hiểu tại sao lần nào ta cũng thua.

Nguyên do cũng vì hôm ấy, ta nghe bọn thuỷ binh bàn tán xôn xao rằng: Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mỵ Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu, ngài thương yêu con gái hết mực, muốn kén cho con một người chồng xứng đáng. Không đợi chờ gì nữa, ta liền đến xin cầu hôn nàng. Nào ngờ khi vừa đến thì gặp một người cùng chung mục đích. Anh ta mặc bộ áo giáp, bước đi rất mạnh mẽ. Cúi xuống lạy vua Hùng: rồi anh ta bắt đầu trổ tài: vẫy tay về phía đông, bỗng dưng phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Mọi người đồn rằng, anh ta vốn là Sơn Tinh, là chúa tể của vùng non cao. Anh chàng giỏi giang đấy, nhưng so sao được với ta, chúa miền nước thẳm. Ta vuốt nhẹ bộ quần áo được thêu bằng những chiếc vảy cá to và cứng đang mặc rồi xin được trổ tài. Ta vung tay, cất tiếng gọi oang oang.

Bỗng đâu một luồng gió mạnh nổi lớn, rồi mây đen ùn ùn kéo đến, mưa trút xuống ào ào.

Nhìn xung quanh nhà vua và triều thần, ai nấy đều khiếp sợ, ta vui lắm. Trổ tài xong, ta cũng lạy tạ vua Hùng. Ngài băn khoăn không biết chọn ai, từ chối ai, Ngài phán:

- Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái. Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước ta sẽ gả con gái cho.

Chúng ta tâu hỏi đồ sính lễ cần sắm những gì, ngài nghĩ ngại một lúc rồi bảo:

- Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ phải đủ một đôi.

Thật tức, những thứ đó sẵn có ở chỗ Sơn Tinh, ta tìm kiếm thì khó khăn lắm. Nhưng một người tài giỏi như ta, không có gì là không làm được. Nào ngờ hôm sau, mới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi.

Ta đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo đánh Sơn Tinh. Vừa đuổi theo, ta vừa hét; "Sơn Tinh, trả Mỵ Nương cho ta!" Trận đánh giữa hai chúng la diễn ra thật ác liệt. Ta hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão rung chuyển cả đất trời.

Nước ngập nhà cửa, ruộng đồng, tưởng như thành Phong Châu đang nổi lềnh bềnh trên biển nước. Ta đinh ninh chắc hẳn mình giành lại được Mỵ Nương nên rất đắc chí. Nhưng không, dù gió thét ào ào, mưa trút như thác, Sơn Tinh vẫn đứng vững vàng, nét mặt bình thản bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi ngăn chặn dòng nước lũ. Hắn và ta đánh nhau ròng rã mấy tháng trời. Cuối cùng, ta đuối sức, đành rút quân về.

Từ đó oán nặng, thù sâu, năm nào ta cũng làm mưa gió bão lụt dâng nước đánh hắn. Nhưng lần nào cũng vậy, vẫn không thắng nổi hắn để cướp lại Mỵ Nương, ta lại lủi thủi rút quân về, với tâm trạng đầy oán hận.

Bài tham khảo 2

Ta là Thủy Tinh, chúa tể vùng nước thẳm. Lâu lắm rồi, cách đây ước khoảng hai nghìn năm, vua Hùng Vương thứ 18 đang trị vì nước Văn Lang có cô con gái đẹp tuyệt trần tên là Mị Nương. Năm ấy Mị Nương vừa đến tuổi gả chồng, tin nhà vua kén rể được truyền khắp vùng quê kẻ chợ.

Ta nghe tin, vội vàng lên đường đến Phong Châu, tin chắc chắn, với tài năng phi thường của ta, ngôi vị phò mã nước Văn Lang không thể về tay ai khác.

Hôm ấy, ta vừa bước vào cổng thành Phong Châu thì một kẻ khác cũng liền bước tới. Xem bộ dạng, ta cũng biết ngay hắn đến đây vì mục đích như ta. Trước mặt vua Hùng,

hắn tự xưng là Sơn Tinh, ở vùng núi Tản Viên. Tài còn ngạo nghễ khoe rằng hắn có tài vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Hắn còn khoe có thể dời non lấp bể một cách dễ dàng.

Quả thực, tài năng ấy thật phi thường, trên đời này thật hiếm có người như thế. Thế nhưng, tài năng của ta cũng đâu kém. Ta là Thủy Tinh, người thống trị miền biển sâu. Ta có thể gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về, tạo sấm, tạo sét, dâng nước sông lên khiến đồng ruộng, nhà cửa ngập chìm trong nước.

Vua Hùng xem chừng khó nghĩ lắm. Vì so sánh ta với Sơn Tinh, một người là chúa miền nước thẳm, một người là chúa vùng non cao, cả hai xứng đáng làm rể. Nhà vua bèn cho vời các Lạc hầu, Lạc tướng vào điện bàn bạc. Rồi vua khiêm nhường phán:

– Hai người đều xứng đáng làm rể quý của ta. Nhưng ta chỉ có một đứa con gái, biết gả cho ngài nào? Thôi thì, sáng mai, ai đem sính lễ đến trước, người ấy sẽ là rể ta.

Ta hỏi sính lễ thế nào thì vua phán: “Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng; voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi”.

Sính lễ như thế, đối với ta, rất khó, nhưng trong đêm ta cũng cho người lo liệu đủ. Hôm sau, mặt trời mới vừa ló dạng, ta đã có mặt trước thành Phong Châu. Nhưng, hỡi ơi! Ở phía tây kinh thành, quân tướng , của Sơn Tinh đang hô”i hả rước Mị Nương về núi. Thì ra Sơn Tinh đã đến sớm hơn ta, từ lúc mới mở sáng.

Ta vô cùng tức giận, hét to một tiếng rồi tức tém cho quân đuổi theo. Ta hô mưa, gọi gió, làm dông bão rung trời chuyển đất, dâng nước sông lên quyết đánh Sơn Tinh. Thật chưa bao giờ cơn giận dữ của ta lại lên đều như vậy. Nước ngập hết đồng ruộng làng mạc, dâng lên đến lưng sườn đồi núi. Thành Phong Châu trông như lềnh bềnh trên mặt biển.

Sơn Tinh liền hóa phép chống lại. Hắn ném đất, dời núi, dựng thành đế ngăn dòng nước lũ. Nước ta dâng lên đên đâu, hắn lại cho núi đồi cao lên đến đó. Ta liên tiếp đánh hắn mấy tháng ròng, hắn thì vẫn vững vàng mà sức ta thì mỗi ngày một kiệt. Cuối cùng ta đành rút quân về.

Từ đó, mỗi năm, cứ đến dịp này, nhớ lại việc Sơn Tinh đã cướp mất nàng Mị Nương xinh đẹp của ta, lòng lại căm giận như sôi, ta lại làm mưa gió, dông bão, dâng nước đánh hắn. Ta biết ta không thể chiến thắng được hắn, nhưng mấy ngàn năm đã qua, nỗi căm tức của ta đối với Sơn Tinh vẫn không hề vơi cạn.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức làm bài văn kể lại một truyền thuyết trong vai 1 nhân vật trong truyện.
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Văn bản: **Xem người ta kìa!** và **THTV: Trạng ngữ, Nghĩa của từ.**

.....

Bài 8. KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI (3 buổi)

BUỔI 24: ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

VĂN BẢN 1. XEM NGƯỜI TA KÌA! *(Lạc Thanh)*

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TRẠNG NGỮ, NGHĨA CỦA TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.
- Nhận biết được vấn đề văn bản đặt ra: ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.
- Trình bày được phương thức biểu đạt chính (phương thức nghị luận) bên cạnh một số phương thức khác (tự sự, biểu cảm) mà người viết sử dụng đan xen trong văn bản nghị luận.
- HS củng cố kiến thức về trạng ngữ, nắm vững đặc điểm về hình thức và chức năng của trạng ngữ, nhận ra những câu có trạng ngữ và giá trị biểu đạt của chúng, biết cách thêm phần trạng ngữ vào câu theo yêu cầu.
- HS nhận diện được thành ngữ trong văn bản đọc, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ được sử dụng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.
- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong văn bản và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng cái riêng biệt nhưng phải biết hoà đồng, gần gũi với mọi người.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về truyện;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: XEM NGƯỜI TA KÌA!

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ	**I. KIẾN THỨC CHUNG** **1. Kiểu văn bản:** Nghị luận (Là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc- người nghe về một vấn đề).

bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**2. Ngôi kể** - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng "tôi". **3. PTBĐ:** Nghị luận **4. Bố cục:**3 phần <u>Phần 1:</u> - Đoạn 1: *Từ đầu => ước mong điều đó (nêu vấn đề):*Cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác. <u>Phần 2:</u> - Đoạn 2: *Tiếp => mười phân vẹn mười:* Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác - Đoạn 3: *Tiếp => trong mỗi con người*: Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người. <u>Phần 3:</u> - Đoạn 4: *Phần còn lại* (kết luận vấn đề): Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưn cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình. **5. Nội dung – Ý nghĩa** - Văn bản đề cập đến đến vấn đề tôn trọng sự khác biệt ở mỗi người nhưng cần hoà đồng, gần gũi với mọi người. **6. Nghệ thuật** - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục. **II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:** **1. Mong muốn của mẹ**
GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	- Câu nói của người mẹ: "Xem người ta kìa!" - Mục đích: Để con bằng người, không làm xấu mặt gia đình, không ai phàn nàn, kêu ca. => Mong ước: ***Mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác.*** => Là điều ước mong rất giản dị, đời thường của mỗi một người mẹ. ***2. Suy ngẫm của người con*** **a. Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác.** - Mặc dù mỗi người là một cá thể riêng biệt nhưng vẫn có điểm giống nhau. - Việc noi theo những ưu điểm, chuẩn mực của người khác

	để tiến bộ là điều nên làm. **b. Sự khác biệt trong mỗi cá nhân** - Các dẫn chứng: Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao (SGK). - Nghệ thuật: Dẫn chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu, phù hợp. => Sự khác biệt là một phần đáng quý trong mỗi con người. ***3. Ý nghĩa văn bản*** - Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình.

III. LUYỆN TẬP

Bài tập 1.

Biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. **Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?**

Hướng dẫn làm bài:

Em đồng ý với ý kiến ***Biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt***. Hòa đồng, gần gũi với mọi người thể hiện cách sống chan hòa, vui vẻ, có thiện chí, xây dựng mối quan hệ với bạn bè thể hiện sự tự tin trong giao tiếp và ứng xử của mỗi con người. Tuy nhiên cũng cần "sống thành thật với chính mình" nghĩa là "biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt". Chính điều đó sẽ làm nên giá trị bản thân cho mỗi con người. Cũng chính nhờ việc giữ được những cái riêng sẽ càng làm cho con người hòa đồng, gần gũi với nhau nhiều hơn. Trong bài văn nghị luận, tác giả đã được ra lý lẽ cho ý kiến rất thuyết phục đó là: "Ai cũng cần hoà nhập, nhưng sự hoà nhập có nhiều lối chứ không phải một. Mỗi người phải được tôn trọng, với tất cả những cái khác biệt vốn có. Sự độc đáo của từng cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú. Nếu chỉ ao ước được giống người khác, thì làm sao ta có hi vọng đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó của chính mình. Đòi hỏi chung sức chung lòng không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người".

Bài tập 2.

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Mỗi người cần có cái riêng của mình.

Hướng dẫn làm bài:

Trong cuộc sống, ngoài sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng, mỗi chúng ta cần phải ý thức được cái riêng, giá trị của bản thân mình. Khi ý thức được giá trị của bản thân là

khi biết được điểm mạnh, điểm yếu của chính mình. Và lúc ấy chúng ta sẽ biết làm thế nào để phát huy tối đa những khả năng, sở thích vốn có của mình và sửa chữa những khuyết điểm còn tồn tại. Đồng thời khi đã biết những điểm mạnh của bản thân cũng giúp chúng ta tự tin trong hành động, luôn luôn cố gắng để đạt tới cái đích mà mình đã lựa chọn.

Ngược lại, nếu đến chính giá trị của bản thân mình chúng ta cũng không hiểu thì thật hó để lựa chọn được con đường đúng đắn, thiếu tự tin với chính quyết định của mình. Hành trình để khẳng định cái riêng của mình khôn đòi hỏi bản thân mỗi người cần nỗ lực, cố gắng hết mình để tìm thấy giá trị đích thực của bản thân.

TIẾT 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TRẠNG NGỮ, NGHĨA CỦA TỪ

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- Giáo viên tổ chức cho học sinh ôn tập lại kiến thức bằng hình thức đặt câu hỏi, hỏi nhanh đáp gọn - GV chốt kiến thức:	**1. Khái niệm** ***Trạng ngữ*** là thành phần phụ của câu, xác định **thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức ...** của sự việc nêu ở trong câu. ***Trạng ngữ*** trả lời cho các câu hỏi **Khi nào ?, Ở đâu ?, Vì sao ?, Để làm gì ?.** - Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu. **2. Nêu đặc điểm của trạng ngữ** * Về ý nghĩa: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định: **- Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho câu.** *Trạng ngữ chỉ thời gian* dùng để xác định thời gian diễn ra sự việc nêu ở trong câu. *Trạng ngữ chỉ thời gian* trả lời cho các câu hỏi **Bao giờ ?, Khi nào ?, Mấy giờ? .** VD: *Buổi sáng hôm ấy*, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước. **- Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu.** *Trạng ngữ chỉ nơi chốn* để làm rõ nơi chốn diễn ra sự việc nêu trong câu. *Trạng ngữ chỉ nơi chốn* trả lời cho câu hỏi **Ở đâu ? .** VD : *Trên bờ*, tiếng trống càng thúc dữ dội. **- Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu.** *Trạng ngữ chỉ nguyên nhân* để giải thích nguyên nhân

	của sự việc hoặc tình trạng nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân trả lời các câu hỏi **Vì sao ?, Nhờ đâu ?, Tại đâu ?** . VD*: Nhờ học giỏi*, Nam được cô giáo khen. **- Thêm trạng ngữ chỉ mục đích cho câu.** *Trạng ngữ chỉ mục đích* nói lên mục đích tiến hành sự việc nêu trong câu. *Trạng ngữ chỉ mục đích* trả lời cho các cau hỏi **Để làm gì ?, Nhằm mục đích gì ?, Vì cái gì ?.** VD: *Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh*, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực. **- Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu.** *Trạng ngữ chỉ phương tiện* thường mở đầu bằng các từ bằng, với, và trả lời cho các câu hỏi Bằng cái gì ?, Với cái gì ? . VD : *Bằng một giọng thân tình*, thầy khuyên chúng em cố gắng học cho tốt * Về hình thức: Trạng ngữ có thể đứng ở giữa câu, đầu câu hay cuối câu. Vd: - Qua màng nước mắt, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe. (Khánh Hoài) -Tôi, qua màng nước mắt, nhìn theo mẹ và em trèo lên xe. **3. Trạng ngữ có những công dụng gì?** - Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễ ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung câu được đầy đủ, chính xác - Nối kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc

TIẾT 3: LUYỆN TẬP VỀ TRẠNG NGỮ, NGHĨA CỦA TỪ

Bài tập 1

Tìm các trạng ngữ có trong câu sau và cho biết có thể lược bỏ chúng không? Tại sao?

a. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng- những màu vàng rất khác nhau.

b. Hôm qua, ai làm trực nhật.

- Thưa cô, hôm qua, em làm trực nhật ạ!

c. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôI lại đánh một hồi mỏ rồi tung thóc ra sân.

Hướng dẫn làm bài:

a. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng- những màu vàng rất khác nhau.

b– Hôm qua, ai làm trực nhật.

- Thưa cô, hôm qua, em làm trực nhật ạ!

c. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôI lại đánh một hồi mỏ rồi tung thóc ra sân.

`

(=> TN tuy là thành phần phụ nhưng có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho sự việc được nói tới trong câu và có giá trị thông tin nhất định. Do đó trạng ngữ trong các câu a,c ý 1 câu b không thể lược bỏ, chỉ có thể bỏ trạng ngữ ở ý 2 câu b(Hôm qua, em làm trực nhật ạ!) vì ý nghĩa thời gian đã được người nói và người nghe biết trước.)

Bài tập 2

Xác định ý nghĩa của trạng ngữ trong những câu sau:

a) Nhà bên, cây cối trong vườn trĩu quả.

b) Con chó nhà tôi chết bởi ngộ độc thức ăn.

c) Tôi tiến bộ nhờ sự giúp đỡ của anh.

d) Một cây súng Mát với ba viên đạn, Kơ Long bám gót giặc từ sáng đến trưa.

(Nguyễn Trung Thành)

e) Rít lên một tiếng ghê gớm, chiếc " Mích" vòng lại. ***(Nguyễn Đình Thi)***

g) Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con không có mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dạy cho kịp giờ.

h) Mọi ngày, khi con đã ngủ, mẹ dọn dẹp nhà cửa. ***(Lí Lan)***

i) Nhìn con ngủ một lát rồi mẹ đi xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con.

(Lí lan)

Hướng dẫn làm bài:

a) Nhà bên, cây cối trong vườn trĩu quả. (***TN chỉ nơi chốn***)

b) Con chó nhà tôi chết bởi ngộ độc thức ăn.(***TN chỉ Nguyên nhâ***n)

c) Tôi tiến bộ nhờ sự giúp đỡ của anh. (***TN chỉ nguyên nhân***)

d) Một cây súng Mát với ba viên đạn, Kơ Long bám gót giặc từ sáng đến trưa.(nguyễn trung Thành) (***TN chỉ phương tiện***)

e) Rít lên một tiếng ghê gớm, chiếc " Mích" vòng lại. (nguyễn Đình Thi) - ***TN chỉ trạng thái.***

g) Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con không có mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dạy cho kịp giờ.

(Lí Lan) - ***TN chỉ sự so sánh***.

h) Mọi ngày, khi con đã ngủ, mẹ dọn dẹp nhà cửa. (Lí Lan) - ***TN thời gian,*** cách thức.

i) Nhìn con ngủ một lát rồi mẹ đi xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con. (Lí lan) – TN chỉ cách thức.

Bài tập 3

Thêm vào các câu sau một trạng ngữ thích hợp:

a) Bạn lan được cô giáo khen.
b) Cây cối đâm chồi nảy lộc.
c) Em làm sai mất bài toán cuối.
d) Tất cả học sinh đều chăm chú lắng nghe.

Hướng dẫn làm bài:

a. Bạn lan được cô giáo khen. (Hôm nay)
b. Cây cối đâm chồi nảy lộc. (MX)
c. Em làm sai mất bài toán cuối. (Vì không chú ý)
d. Tất cả học sinh đều chăm chú lắng nghe. (Trong giờ học toán)

Bài tập 4

Tìm trạng ngữ trong các câu sau và cho biết tên các loại trạng ngữ:

a) Thỉnh thoảng, tôi lại về thăm Ngoại.
b) Trước cổng trường, từng tốp các em nhỏ tíu tít ra về.
c) Cô bé dậy thật sớm thổi giúp mẹ nồi cơm vì muốn mẹ đỡ vất vả.
d) Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ, chúng ta phải học tập và rèn luyện thật tốt.
e) Với giọng nói từ tốn, bà kể em nghe về tuổi thơ của bà.

Hướng dẫn làm bài:

- Cho học sinh nhắc lại kiến thức về trạng ngữ.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh đặt câu hỏi:

a) Khi nào tôi về thăm ngoại ? *(thỉnh thoảng - TN chỉ thời gian);*
b) Từng tốp các em nhỏ tíu tít ra về ở đâu? *(Trước cổng trường - TN chỉ nơi chốn);*
c) Vì sao cô bé dậy thật sớm thổi giúp mẹ nồi cơm? *(vì muốn mẹ đỡ vất vả - TN chỉ nguyên nhân);* Nhiều học sinh không xác định "vì muốn mẹ đỡ vất vả" là trạng ngừ mà coi đó là vị ngữ.
+ Chúng ta phải học tập và rèn luyện thật tốt để làm gì ? *(Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ - TN chỉ mục đích)*
+ Bà kể em nghe về tuổi thơ của bà với cái gì ? *(Với giọng nói từ tốn - TN chỉ phương tiện)*

Kết quả trạng ngữ được gạch chân như sau:

a) <u>Thỉnh thoảng</u>, tôi lại về thăm Ngoại.
b) <u>Trước cổng trường</u>, từng tốp các em nhỏ tíu tít ra về.
c) Cô bé dậy thật sớm thổi giúp mẹ nồi cơm <u>vì muốn mẹ đỡ vất vả</u>.

d) Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ, chúng ta phải học tập và rèn luyện thật tốt.

e) Với giọng nói từ tốn, bà kể em nghe về tuổi thơ của bà.

Bài tập 5

Đặt mỗi câu có một trong các trạng ngữ sau: trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích, trạng ngữ chỉ phương tiện và trạng ngữ chỉ cách thức diễn ra sự việc.

Hướng dẫn làm bài:

Đặt câu:

- Trạng ngữ chỉ thời gian: Mùa hè, khi hoa phượng nở đỏ rực những khu phố, tôi lại chuẩn bị một chuyến hành trình mới.
- Trạng ngữ chỉ nơi chốn: Trước con ngõ nhỏ, một cây gạo không biết có tự bao giờ, nở rực đỏ.
- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: Vì trời mưa rất lớn, con đường này đã bị cấm lưu thông.
- Trạng ngữ chỉ mục đích: Chúng tôi nỗ lực hết mình, làm việc ngày đêm để hoàn thành dự án này kịp thời.
- Trạng ngữ chỉ phương tiện: Tôi đến trường bằng xe buýt.
- Trạng ngữ chỉ cách thức diễn ra sự việc: Chúng tôi đã xem xét sự việc này và đưa ra kết luận một cách cẩn trọng và công khai.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập

Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Văn bản: *Hai loại khác biệt* và *Bài tập làm văn*, THTV: lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong câu.

.....

BUỔI 25: ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

VĂN BẢN 2. HAI LOẠI KHÁC BIỆT *(Giong-mi Mun)*

VĂN BẢN 3. BÀI TẬP LÀM VĂN

(Trích *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể,*

Rơ-nê Gô-xi-nhi, Giăng-giắc Xăng-pê*)*

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: LỰA CHỌN TỪ NGỮ TRONG CÂU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được sự khác nhau căn bản giữa văn bản nghị luận và văn bản văn học, ngay cả khi chúng cùng đề cập đến một vấn đế nào đó trong cuộc sống.
- Củng cố kiến thức 2 văn bản: *Hai loại khác biệt* và *Bài tập làm văn*
- Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong câu để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.
- Nắm được thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu văn bản với mục đích viết/ nói cụ thể.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản - Năng lực bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.
- Năng lực nhận biết,phân tích vai trò của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong câu.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Tôn trọng sự khác biệt của mọi người xung quanh; cần tạo nên sự khác biệt, nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của cá nhân mình.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành viết các đoạn văn, văn bản và cuộc sống hàng ngày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: HAI LOẠI KHÁC BIỆT

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt

GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về tác giả và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**I. KIẾN THỨC CHUNG** ***1. Tác giả*** - Giong-mi Mun (1964) - Quốc tịch: Hàn Quốc. - Là Tiến sĩ Trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt (Harvard). ***2. Tác phẩm*** **a. Xuất xứ:** *Khác biệt - thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh*, theo Dương Ngọc Lâm dịch. **b. Thể loại:** Nghị luận; **c. Ngôi kể:** ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng "tôi". ***d. Nghệ thuật*** - Trong văn bản có những đoạn kể chuyện, nhưng mục đích vẫn là bàn luận, đánh giá về hai loại khác biệt mà lớp trẻ thường thể hiện. Cách trình bày như thế làm cho bài nghị luận trở nên nhẹ nhàng, hấp dẫn, dễ tiếp nhận. - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng, dẫn chứng xác thực. ***e. Nội dung – ý nghĩa*** - Truyện kể về một kỉ niệm thời trung học của nhân vật tôi khi phải hoàn thành Bài tập của giáo viên. Qua đó, "tôi" đưa ra những bàn luận về **hai loại khác biệt: sự "khác biệt vô nghĩa" (qua cách thể hiện của số đông các bạn trong lớp) và sự "khác biệt có ý nghĩa" (qua cách thể hiện của J).** - Bài học về sự khác biệt, nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người. Người ta chỉ thực sự chú ý và nể phục những khác biệt có ý nghĩa.
GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:** ***1. Hoàn cảnh*** - Kể qua lời nhân vật "tôi" khi ở độ tuổi Trung học. → Tăng tính chân thực, sức thuyết phục. - Thầy giáo ra một bài tập: *Trong suốt 24 tiếng đồng*

hồ, chúng tôi phải trở nên khác biệt.

- Mục đích của bài tập: Giúp học sinh bộc lộ phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh.

- Quy định: Không được làm điều gì gây hại, làm phiền người khác hoặc vi phạm nội quy nhà trường.

2. Sự khác nhau của hai loại khác biệt

	Khác biệt vô nghĩa	**Khác biệt có nghĩa**
Biểu hiện	- "Tôi": Đến trường với bộ trang phục kì dị, đồ pi-gia-ma kết hợp với áo thun dài tay. - Các cách thể hiện khác: + Để kiểu tóc kì quặc. + Làm trò quái đản với trang sức và hộp phấn trang điểm. + Tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý. → Nhiều bạn làm tương tự: Không còn khác biệt.	J - khác biệt. - Đứng lên trả lời câu hỏi. - Phát biểu một cách từ tốn, dõng dạc, lễ độ. - Nói với giáo viên là "Thưa thầy/cô", gọi bạn là "anh chị". - Cuối tiết học, tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.
Kết quả	- Trở nên lố bịch, kì lạ nhưng lại không khác biệt. - Nhận ra mình chọn cách đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn, mình là khác biệt vô nghĩa.	- Ban đầu: Các bạn cười khúc khích vì cho là kì quặc. - Về sau: Nể phục và được mọi người đặc biệt chú ý.

=> Khẳng định vấn đề qua một câu chuyện gần gũi.

	=>**Bài học:** Muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có tư duy nhạy bén, sự quan sát lâu dài, hiểu biết sâu rộng, hứng thú khám phá kiến thức,... ***3. Ý nghĩa văn bản*** -Hiện nay, học sinh cũng rất thích thể hiện cá tính, những nét khác biệt của mình. Chạy theo những sự khác biệt dễ dãi bề ngoài như trang phục, kiểu tóc, lời nói,... là chuyện phổ biến. Trong tình hình đó, vấn đề được bàn trong đoạn trích thật sự có ý nghĩa. Nó cảnh báo một xu hướng sai lệch, đồng thời gợi ý về cách lựa chọn đúng đắn, cần thiết. - Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản có giá trị với mọi lứa tuổi. Vì bất kì lứa tuổi nào cũng cần trở nên khác biệt có nghĩa.

III. LUYỆN TẬP

Bài tập 1:

Cho câu mở đầu: *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa...*, hãy viết tiếp 5 - 7 câu để hoàn thành một đoạn văn.

Hướng dẫn làm bài

Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa. Tôi không muốn người khác nhìn vào mình và chỉ thấy mình lập dị, khác loài, vô ích,... mà muốn được công nhận như một người đem lại những giá trị trong cuộc sống. Để khác biệt rất đơn giản nhưng để khác biệt có nghĩa lại vô cùng khó khăn. Để làm được điều này, trước hết con người không được thỏa mãn bởi những thứ quá đơn giản và tầm thường. Chúng ta cần tìm kiếm những điều có nghĩa lý hơn với bản thân cũng như xã hội. Ví dụ như nếu bạn học giỏi một cách xuất chúng, bạn sẽ thành ngôi sao. Nhưng nếu bạn chọn cách khác biệt bằng lối sống sa đọa, không lành mạnh, sự chú ý bạn nhận được không phải ngưỡng mộ mà là tức giận hay thương hại. Mỗi người đều có quyền lựa chọn người mà mình muốn trở thành. Với tôi, tôi muốn trở thành người khác biệt có ý nghĩa.

TIẾT 2: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: BÀI TẬP LÀM VĂN

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến	**I. KIẾN THỨC CHUNG** **1.Tác giả:**

thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	- Nhà văn Rơ –nê Gô – xi – nhi (1926 -1977) là nhà văn Pháp, chuyên sáng tác truyện tranh,Viết kịch, làm phim. - Họa sĩ Giăng- giắc Xăng – pê (Sinh năm 1932) là họa sĩ người Pháp, chuyên vẽ truyện tranh và tranh biếm họa. **2.Tác phẩm** a. Xuất xứ: Bài tập làm văn trích trong Nhóc Ni - cô - la: những chuyện chưa kể, xuất bản lần đầu năm 2004. b. Thể loại: truyện ngắn; c. Nhân vật: Cậu bé Ni – cô – la, bố của cậu và bác hàng xóm; d. Ngôi kể: ngôi thứ nhất. e. Bố cục: Văn bản chia làm 2 phần + Phần 1: Từ đầu đến "ông ta nói với bố": Ni-cô-la nhờ bố làm giúp Bài tập làm văn. + Phần 2: Đoạn còn lại: Ni-cô-la tự mình làm Bài tập làm văn. **f. Nghệ thuật** - Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn. - Lời đối thoại của các nhân vật có nhiều sắc thái. **g. Nội dung – Ý nghĩa** - Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên viết một bài TLV phải là hoạt động cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác. - Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân. **II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:** **1. Lí do mà Ni – cô – la nhờ bố làm bài tập.** + Có thể: - Ni – cô – la vốn học yếu về môn văn, không tự tin khi làm bài. - Đề văn hơi khó, Ni – cô – la cảm thấy chật vật. - Trong học tập, Ni – cô – la thường có thói quen dựa dẫm, không tự lực…. => Cho dù là lí do nào đi nữa thì việc nhờ bố làm hộ bài văn cũng là điều không thể chấp nhận được. **2.Cuộc trò chuyện của hai bố con** ***a) Thái độ của bố Ni – cô – la khi được con nhờ làm hộ bài tập văn.***

	- Cần thiết - Chỉ làm giúp lần này thôi. - Vì bố muốn thấu hiểu và làm bạn với con. - Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn. **b) Ai là người bạn thân nhất của Ni – cô – la** - Nếu không biết ai là người bạn thân nhất của Ni – cô – la mà bố hay ông Blê – đúc vẫn làm bài thì bài văn ấy nói về người nào chứ không phải bạn của Ni – cô – la. - Không đáp ứng được yêu cầu của đề cô giáo giao. - Cô giáo nhận ra bài văn đã viết về một nhân vật tưởng tưởng nào đó, chứ không phải nói về người bạn thân nhất của Ni – cô – la. **=> Không thể làm bài văn hộ con.** **3. Bài học mà Ni – cô – la rút ra sau cuộc trò chuyện với bố.** - Đồng ý với bài học mà Ni - cô - la rút ra được qua những gì đã xảy ra. - Bài học này không chỉ đúng với Ni - cô – la mà đúng với mỗi chúng ta. - Chỉ có làm bài bằng chính sức của mình, mới biết điểm mạnh, điểm yếu. Điểm mạnh phát huy, điểm yếu khắc phục. =>**Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.**

TIẾT 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: LỰA CHỌN TỪ NGỮ TRONG CÂU

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong tạo lập văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	***1. Lựa chọn từ ngữ*** a. Ví dụ b. Nhận xét - Trong nói và viết, lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu là thao tác diễn ra thường xuyên. - Trong nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp nhất. ***2. Lựa chọn cấu trúc câu trong tạo lập văn bản*** a. Ví dụ b. Nhận xét

	- Trong viết và nói, việc lựa chọn cấu trúc câu phải là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng. - Cách tiến hành: + Tạo câu đúng ngữ pháp + Chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/ nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập

Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)

BUỔI 26: ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.
- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực nhận biết, phân tích, trình bày ý kiến của bản thân bằng bài nghị luận về một hiện tượng, vấn đề

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao Nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**I. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)** - Nêu được hiệ tượng, vấn đề cần bàn - Thể hiện được ý kiến của người viết - Dùng lý lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đọc. **II. Các bước khi làm bài văn nghị luận về một hiện tượng (vấn đề) trong cuộc sống:** **a. Trước khi viết** - Lựa chọn đề tài: Đề tài có thể được ấn định (Đề kiểm tra, đề thi) hoặc do người viết tự lựa chọn. **- Tìm ý** + Cần hiểu thế nào là hiện tượng vấn đề này + Những khía cạnh cần bàn bạc + Bài học cần rút ra từ vấn đề bàn luận. **- Lập dàn ý** Sắp xếp các ý vừa tìm được thành một dàn ý: *** Mở bài:** Giới thiệu hiện tượng, vấn đề cần bàn luận *** Thân bài:** Đưa ra ý kiến cần bàn luận: + Nêu ý 1 (Lý lẽ, bằng chứng) + Nêu ý 2 (Lý lẽ, bằng chứng) + Nêu ý 3 (Lý lẽ, bằng chứng) ... *** Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến của bản thân **b. Viết bài** Bám sát dàn ý để viết bài. Khi viết cần chú ý: - Có thể mở bài trực tiếp: Nêu thẳng hiện tượng (vấn

	đề), hoặc mở bài gián tiếp bằng cách kể một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng (vấn đề) - Mỗi ý trong bài trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể. **c. Chỉnh sửa bài viết** Đọc lại bài viết, rà soát từng phần, từng đoạn để chỉnh sửa theo gợi ý sau đây: - Nêu được hiện tượng, vấn đề cần bàn - Thể hiện được ý kiến, tình cảm, thái độ cách đánh giá của người viết về hiện tượng, vấn đề - Đưa ra được các lý lẽ và bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục. - Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Đề bài 1: Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay.

I. MỞ BÀI

Dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng nghiện game của học sinh trong xã hội hiện nay. Khái quát suy nghĩ, nhận định của bản thân về vấn đề này (nghiêm trọng, cấp thiết, mang tính xã hội,…)

II.THÂN BÀI

1. Giải thích:

+ Game là gì? => Cách gọi chung của các trò chơi điện tử có thể tìm thấy trên các thiết bị như máy tính, điện thoại di động,… nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của con người ngày nay.

+ Nghiện là gì? =>Là trạng thái tâm lý tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó.

+ Nghiện game là gì? => Là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến những tác hại không mong muốn.

2. Thực trạng:

+ Nhiều học sinh, sinh viên dành phần lớn thời gian mỗi ngày cho việc chơi game.

+ Nhiều tiệm net vẫn hoạt động ngoài giờ cho phép do nhu cầu chơi game về đêm của học sinh.

+ Ngày càng nhiều hậu quả tiêu cực xảy ra trong xã hội có liên quan đến nghiện game

3. Nguyên nhân:

+ Các trò chơi ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều tính năng thu hút giới trẻ.
+ Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo.
+ Nhu cầu chứng tỏ bản thân và ganh đua với bè bạn do tuổi nhỏ.
+ Phụ huynh và nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ.

4. Hậu quả:

+ Học sinh bỏ bê việc học, thành tích học tập giảm sút.
+ Ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lí, hao tốn tiền của.
+ Dễ bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội.

- Lời khuyên:

+ Bản thân học sinh nên tự xây dựng ý thức học tập tốt, giải trí lành mạnh.
+ Cần có biện pháp giáo dục, nâng cao ý cho học sinh đồng thời tuyên truyền tác hại của việc nghiện game trong nhà trường, gia đình và xã hội.
+ Các cơ quan nên có biện pháp kiểm soát chặt chẽ vấn đề phát hành và phổ biến game.

III. KẾT BÀI

- Khẳng định lại vấn đề (tác hại của nghiện game online, vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết kịp thời,…).
- Đúc kết bài học kinh nghiệm, đưa ra lời kêu gọi, nhắn nhủ.

Đề bài 2: Bắt nạt học đường.

I. Mở bài: Giới thiệu về bắt nạt học đường.

- Là vấn nạn hiện nay trong xã hội
- Tình trạng ngày càng lan rộng hơn đặc biệt trong thời đại công nghệ số

II. Thân bài:

1.Giải thích vấn đề

- Bắt nạt học đường là những hành vi thô bạo, thiếu đạo đức với bạn mình.
- Cách cư xử thiếu văn minh, không có giáo dục của thế hệ học sinh.
- Xúc phạm đến tinh thần và thể xác người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng.
- Hành vi này càng ngày càng phổ biến.

2. Hiện trạng.

- Lăng mạ, xúc phạm, chửi bậy đối với người khác.
- Làm tổn thương đến tinh thần bạn bè.
- Học sinh có thái độ không đúng với thầy cô.

3. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng bắt nạt học đường:

- Do ảnh hưởng của môi trường bạo lực, thiếu văn hóa.
- Chưa có sự quan tâm từ gia đình.

- Sự phát triển chưa toàn diện của học sinh.

4. Hậu quả của bắt nạt học đường:

a. Với người bị bạo lực:

- Bị ảnh hưởng về tinh thần và thể chất.

b. Với người gây ra bạo lực:

- Phát triển không toàn diện.
- Mọi người chê trách.
- Mất hết tương lai, sự nghiệp.

5. Cách khắc phục nạn bắt nạt học đường:

- Nhà trường cần nâng cao nhận thức và dạy bảo học sinh hiệu quả nhất.
- Cha mẹ nên chăm lo và quan tâm đến con cái.
- Tự bản thân có trách nhiệm xa lánh tình trạng bắt nạt học đường.

III. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về bắt nạt học đường.

- Đây là một hành vi không tốt.
- Em sẽ làm gì để ngăn chặn tình trạng này.

TIẾT 3: LUYỆN TẬP (Tiếp)

Đề bài 3: Suy nghĩ của em về hiện tượng nói chuyện riêng trong giờ học.

Hướng dẫn làm bài

A. MỞ BÀI:

- Giới thiệu hiện tượng
- Nhấn mạnh hậu quả của bệnh -> Là một căn bệnh vô cùng khó chữa.

B. THÂN BÀI:

1. Giải thích thế nào là nói chuyện riêng trong giờ học:

Nói chuyện riêng trong giờ học tức là học sinh nói, bàn bạc và thảo luận về những vấn đề không liên quan đến những gì giáo viên đang giảng dạy trên lớp, chẳng hạn như: "bộ phim hôm qua kết thúc như thế nào", "kiểu tóc mới của mình ra sao"...

2. Thực trạng của hiện tượng:

Tình trạng nói chuyện riêng trong các giờ học của học sinh hiện nay diễn ra nhiều và ngày càng gia tăng. Chúng ta không lạ gì với việc hai, ba bạn học sinh ngồi chung một bàn hay ngồi bàn trên bàn dưới thậm chí ngồi cách xa mấy bàn bàn tán với nhau một bạn, một sự việc nào đó, hay chỉ đơn giản nói về đôi giày của bạn nam, chiếc nơ buộc tóc của bạn nữ...Những câu chuyện không thành chuyện đó vẫn xảy ra hàng ngày trong các tiết học và dường như đã trở thành "chuyện thường ngày" ở hầu hết các trường học, lớp học ở nước ta.

3. Nguyên nhân:

- Hành vi này là sự kết hợp giữa những học sinh đã đánh mất đi lòng tự trọng, họ không tôn trọng người khác và chính bản thân mình.
- Thiếu tinh thần tự giác trong học tập, không hững thú say mê trong việc học, không xác định được mục đích đúng đắn của việc học tập: học để có kiến thức, với họ đến lớp chỉ là điểm danh có mặt, buôn chuyện...
- Do môn học, bài học, phương pháp dạy của giáo viên chưa hay, chưa cuốn hút học sinh, khiến học sinh không hứng thú với việc học...

4. Tác hại:

Nói chuyện – hiện tượng nhiều em coi đó là bình thường, lại ẩn chứa những tác hại nghiêm trọng, nó ảnh hưởng không nhỏ tới bản thân và những người xung quanh.
- Nói chuyện riêng trong lớp tác hại đầu tiên là các em đã đánh mất lợi ích của cá nhân mình, vì nó khiến các em không thể tiếp thu hết kiến thức trên lớp mà thầy cô giảng, các em sẽ bỏ lỡ một phần hoặc tất cả những kiến thức mà thầy cô giảng dạy. Bởi bộ não của con người chỉ hoạt động có mức độ và phạm vi nhất định, nên ta không thể vừa nghe giảng lại vừa hăng say nói chuyện riêng được. Nếu các em không hiểu bài trên lớp thì về nhà không làm bài tập được, vì thế lực học giảm sút, dần sẽ mất gốc kiến thức.
- Hơn nữa thói quen nói chuyện riêng trong lớp lại gây ảnh hưởng không tốt tới bạn bè và thầy cô. Các em thử nghĩ mà xem khi bạn mình đang chăm chú nghe giảng còn mình lại đang thao thao nói chuyện thì bạn ấy sẽ rất khó chịu, khó tập trung vào bài giảng. Thầy cô đang giảng bài mà phải dừng lại vì một số học sinh nói chuyện riêng thì không chỉ mất thời gian cho bài giảng mà còn gây ức chế, nản lòng và có ấn tượng không tốt với học sinh đó.
- Trên tất cả, hành vi nói chuyện riêng trong giờ học có thể nói là hành vi vô cùng vô văn hóa, thật khó có thể chấp nhận được khi nó được thực hiện bởi những người đã và đang học văn hóa trong trường lớp. Hành vi này vô văn hóa ở chỗ những người thực hiện nó không dành sự tôn trọng cho người đang truyền giảng kiến thức, cho những người xung quanh và cho chính bản thân mình.

5. Hướng khắc phục:

Vậy để loại bỏ hiện tượng nói chuyện riêng trong lớp chúng ta phải làm như thế nào?
- Xác định mục đích chính của người học sinh là học tập từ đó có ý thức tốt hơn trong giờ học.
- Chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu xây dựng bài, khi bị lôi cuốn vào bài giảng của thầy cô chúng ta sẽ mất dần thói quen nói chuyện.
- Các thầy cô cũng cần xem lại phương pháp giảng dạy để học sinh dễ hiểu bài, gây được sự hứng thú hơn với học sinh.

- Có biện pháp nhắc nhở xử phạt nghiêm khắc của cán bộ lớp, giáo viên chủ nhiệm và thái độ đấu tranh của các bạn học sinh trong lớp – những người không nói chuyện cũng sẽ khiến hiện tượng này dần biến mất trong lớp học.

C. KẾT BÀI:

- Khẳng định lại tác hại
- Liên hệ rút ra bài học cho bản thân.

Đề bài 4: Trong nhiều năm trở lại đây, vấn đề tai nạn giao thông đang là điểm nóng thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận bởi mức độ thiệt hại về vấn đề này gây ra. Em hãy viết một bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về vấn đề này.

Hướng dẫn làm bài

A. MỞ BÀI: Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận

B. THÂN BÀI:

1.Giải thích, nêu vấn đề:

Tai nạn giao thông là các vụ tai nạn xảy ra trong quá trình tham gia giao thông của con người. Trong nhiều năm trở lại đây, vấn đề tai nạn giao thông là điểm nóng thu hút sự quan tâm của dư luận bởi mức độ thiệt hại mà vấn đề này gây ra.

2. Bàn luận:

- Tai nạn giao thông ở nước ta diễn ra hàng ngày hàng giờ trên cả nước, bình quân có khoảng 33 đến 34 người chết và bị thương/ 1ngày. Trong đó có không ít các bạn học sinh, sinh viên là lại nhân hoặc là thủ phạm gây ra các vụ tai nạn giao thông.
- Tai xảy ra nhiều là bởi ý thức tham gia giao thông của người dân còn hạn chế, thiếu hiểu biết và không chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông (lạng lách, đánh võng, vượt đèn đỏ, coi thường việc đội mũ bảo hiểm...) ; thiếu hiểu biết về các quy định an toàn giao thông (lấy trộm ốc vít đường ray, chiếm dụng lòng đường ...)
- Tai nạn giao thông còn do những nguyên nhân khách quan như sự hạn chế về cơ sở vật chất (chất lượng đường thấp, xe cộ không đảm bảo an toàn, do thiên tai khốc liệt (lũ lụt, sạt lở đất ...)
- Hậu quả của tai nạn giao thông gây nên nhiều thiệt hại về người và của, để lại những thương tật vĩnh viễn cho các nạn nhân và hậu quả nặng nề cho cả cộng đồng; gây đau đớn, mất mát, thương tâm cho người thân, xã hội ...
- Là HS,cần tích cực tham gia học tập Luật giao thông đường bộ ở trường lớp. Ngoài ra, bản thân mỗi người phải tìm hiểu, nắm vững thêm các luật lệ và quy định đảm bảo an toàn giao thông; chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn giao thông : không lạng lách đánh võng trên đường đi, không đi xe máy khi chưa có bằng lái, không vượt đèn đỏ, đi đúng phần đường, dừng đỗ đúng quy định, khi rẽ ngang hoặc dừng phải quan sát cẩn

thận và có tín hiệu báo hiệu cho người sau biết, đi chậm và quan sát cẩn thận khi qua ngã tư ...

3. Mở rộng: Khẳng định tai nạn giao thông là vấn đề đáng quan tâm của tất cả mọi người người; phán những người chỉ có ý thức tốt khi tham gia giao thông, chưa có ý thức tìm hiểu Luật giao thông đường bộ.

4. Bài học nhận thức và hành động:

Tuổi trẻ học đường với tư cách là chủ nhân tương lai của đất nước, là thế hệ tiên phong trong nhiều lĩnh vực, có sức khỏe, có tri thức... cần có những suy nghĩ đúng đắn và gương mẫu thực hiện những giải pháp thiết thực để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông

C. KẾT BÀI: Rút ra bài học, liên hệ bản thân.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Văn bản: ***Trái đất – cái nôi của sự sống*** và ***Nhận biết đặc điểm và chức năng văn bản, đoạn văn.***

VĂN BẢN THÔNG TIN
BÀI 9: TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG

BUỔI 27: ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

VĂN BẢN 1: TRÁI ĐẤT – CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG

(Hồ Thanh Trang)

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG VĂN BẢN, ĐOẠN VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được các thành phần của VB thông tin gồm: nhan đề, sa pô, đề mục, đoạn (chứa đựng ý và dữ liệu), tranh ảnh,...
- HS nhận biết và phân tích được một cách triển khai VB: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.
- HS thấy được những nhân tố đe doạ môi trường sống trên Trái Đất.
- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của VB và đoạn văn

- HS thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như *nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá,...)* khi đối diện với đoạn văn hay VB.

2. Năng lực:

a) Đọc:

- Nêu được nhan đề, đề mục,….VB thông tin
- Nhận biết được các chi tiết trong VB thông tin..
- HS hiểu được các nhân tố đe dọa môi trường

b) Viết : Viết được đoạn văn có chủ đề

c) Nói và nghe

- Biết thảo luận về một vấn đế cần có giải pháp thống nhất.
- Chỉ ra được những vấn đế đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân; có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: tự nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình khi là thành viên của ngôi nhà chúng- Trái đất.
- Chăm chỉ: ham học và chăm làm các công việc giúp ích cho bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao Nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ:

Kiểm tra việc làm bài tập ở nhà của HS

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP VĂN BẢN: TRÁI ĐẤT – CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**I. KIẾN THỨC CHUNG:** a. Thể loại: Văn bản thông tin. b. Các thành phần: nhan đề, sa pô, đề mục, tranh ảnh. c. Yếu tố cấu thành + Trái đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời. + Nước chiếm 2/3 bề mặt Trái đất.

	+ Trái đất là nơi cư ngụ của muôn loài. + Con người là đỉnh cao ỳ diệu của sự sống trên trái đất. + Tình trạng của Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương. d. Bố cục: Văn bản chia làm 3 phần + Phần 1 từ đầu đến "365,25 ngày", giới thiệu về trái đất. + Phần 2: Tiếp đến "sự sống trên trái đất" Vai trò của trái đất. + Phần 3: còn lại Thực trạng của trái đất. **e. Nghệ thuật** - Nghệ thuật vừa theo trình tự thời gian vừa theo trình tự nhân quả giữa các phần trong văn bản. Cái trước làm nẩy sinh cho cái sau chúng có quan hệ rằng buộc với nhau **f. Nội dung** Trái đất là cái nôi của sự sống con người phải biết bảo vệ trái đất. Bảo trái đất là bảo vệ sự sống của chính mình. **g. Ý nghĩa** Kêu gọi mọi người luôn phải có ý thức bảo vệ trái đất. **II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM** **1.Trái Đất trong hệ Mặt Trời** - Là một hành tinh trong hệ Mặt Trời. - Vừa tự quay quanh trục của nó (một vòng hết 23.934 giờ), vừa quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình e-lip (vận tốc ~ 30km/s, hết 365.25 ngày). **2. Nước và sự sống trên Trái Đất** - Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống. - Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất. - Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. - Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú. **3. Trái Đất - nơi cư ngụ của muôn loài** - Kích thước của sinh vật tồn tại trên Trái Đất vô cùng đa dạng. - Động vật được con người khai thác hằng ngày để phục vụ cho cuộc sống của mình.

	-Tất cả mọi dạng sự sống đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn. **4. Con người trên Trái Đất** - Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, - Con người cải tạo tự nhiên khiến nó "người" hơn, thân thiện hơn. - Đáng buồn thay, con người đã khai thác thiên nhiên bừa bãi, gây ảnh hưởng xấu đến sự sống trên Trái Đất**.** **5. Tình trạng Trái Đất** - Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người. - Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấm chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muôn loài. - Câu hỏi nhức nhối: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Con người đứng trước thách thức lớn.

TIẾT 2 + 3: ÔN TẬP THTV: NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG VĂN BẢN, ĐOẠN VĂN

I. LÝ THUYẾT

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về văn bản và đoạn văn - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**1. Văn bản:** Văn bản là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc… **2. Đoạn văn:** **a. Khái niệm:** *Đoạn văn* là một bộ phận cấu thành quan trọng của VB, gồm một tập hợp câu có sự thống nhất về' chủ đề. Trong VB viết, đoạn văn thường được trình bày thành một khối dễ nhận biết bằng mắt: chữ đầu tiên được viết lùi đầu dòng; sau chữ cuối cùng có dấu ngắt xuống dòng.

	b. Từ ngữ và câu trong đoạn văn. **** Từ ngữ chủ đề*** - Từ ngữ chủ đề: Là các từ ngữ được dùng làm các đề mục hoặc các từ ngữ được lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được biểu đạt. - Dấu hiệu nhận biết: + Lặp lại nhiều lần trong đoạn văn. + Có tác dụng duy trì đối tượng được nói đến. + Xét về mặt từ loại, hình thức: Thường là những đại từ, chỉ từ. **b. Câu chủ đề:** - Câu chủ đề là câu mang ý khái quát, lời lẽ trong sáng, ngắn gọn, thường có đủ 2 thành phần chính và đứng đầu đoạn văn hoặc cuối đoạn. - Dấu hiệu nhận biết: + Nội dung: Nêu khái quát được cả nội dung đoạn văn. + Hình thức: Câu chủ đề thường ngắn gọn có đủ C-V. + Vị trí xuất hiện: Thường ở đầu đoạn hoặc cuối đoạn.

II. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1:

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"Trong xã hội Truyện Kiều, đồng tiền đã trở thành một sức mạnh tác quái rất ghê. Quan lại vì tiền mà bất chấp công lý.Sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông. Tú bà, Mã Giám Sinh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người.Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm.Khuyển , Ưng vì tiền mà làm những điều ác."

(Sưu tầm)

a. Đoạn văn trên có câu chủ đề không? Nếu có thì nó ở vị trí nào?

b. Chủ đề của đoạn văn trên là gì ? Qua đó em có hiểu biết gì về số phận của người dân trong xã hội phong kiến.

Hướng dẫn làm bài

a.

- Có câu chủ đề.
- Đoạn văn trên có câu chủ đề nằm ở vị trí đầu đoạn văn.

b. Chủ đề của đoạn văn trên là *Sức mạnh của đồng tiền có thể làm thay đổi nhân cách của con người…*

-Những người dân trong xã hội xưa bị vùi dập, chà đạp, trở thành nô lệ cho đồng tiền… XHPK đầy bất công

Bài tập 2:

Viết đoạn văn theo kiểu diễn dịch có câu chủ đề : ***Nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn.***

Hướng dẫn làm bài

HS triển khai được câu chủ đề; có thể có nhiều suy nghĩ khác nhau, miễn hợp lí, đúng đắn. Các câu triển khai làm sáng tỏ việc "*Nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn ».* ***Về cơ bản nêu bật được nội dung sau :***

+ Mọi người dân Việt Nam đều có tinh thần yêu nước. Từ già đến trẻ…..

+ Tất cả đều sẵn sàng hi sinh mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng.

Câu 2.

Nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Từ già đến trẻ, tất cả đều sẵn sàng hy sinh vì đất nước Việt Nam. Những cô gái trẻ độ tuôi đôi mươi, cũng chấp nhận từ bỏ lứa tuổi đẹp nhất của đời người để ra trận. Những người mẹ tần tảo đã đau khổ biết mấy khi để những người con mà họ hết lòng yêu thương ra trận. Những người phụ nữ, bất chấp tất cả, cũng cùng các thanh niên trang bị cho cuộc chiến tranh sắp đến... Tất cả những công dân Việt Nam, họ biết họ đang đối mặt với sự sống và cái chết... nhưng họ gạt bỏ tất cả nỗi sợ hãi bị tật nguyền, bị mất đi đôi chân hoặc cánh tay, tệ hơn nữa, họ sẽ chết chìm trong biển lửa tàn khốc của chiến tranh. Nhưng lý do gì đã không ngừng thôi thúc họ không được từ bỏ, rằng dù có bị tật nguyền cũng phải dũng cảm chiến đấu vì tương lai sau này? Đó là vì tinh thần yêu nước của nhân dân ta quá sâu đậm. Dường như trong dòng máu của mỗi công dân Việt Nam đều đã có sẵn tinh thần bất khuất ầy. Nó sẽ không bao giờ chịu khuất phục bởi chiến tranh, luôn sống mãi trong tim mỗi con người, mỗi công dân Việt Nam.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập

Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Văn bản: ***Các loài chung sống với nhau như thế nào? , Trái đất*** và THTV: ***Từ mượn.***

BUỔI 28: ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

VĂN BẢN 2 : CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?

Ngọc Phú

VĂN BẢN 3 : TRÁI ĐẤT (Ra -xun Gam- da -tốp)

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ MƯỢN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Củng cố đặc điểm của văn bản thông tin
- Củng cố kiến thức của 2 văn bản: *Các loài chung sống với nhau như thế nào*? và *Trái đất.*

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề một cách chủ động, tích cực, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận diện được văn bản thông tin.
- Nhận biết vai trò quan trọng của số liệu, hình ảnh, cách triển khai theo quan hệ nhân quả trong một văn bản thông tin.
- Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.
- Biết cách viết đoạn văn đáp ứng đúng những yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định, trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.
- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của bản thân do văn bản gợi ra.
- Năng lực nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn.
- Năng lực sử dụng từ mượn phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và nghĩa của từ.

3. Phẩm chất:

Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, biết bảo vệ môi Trái Đất – ngôi nhà chung.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học và trong đời sống.
- Yêu tiếng mẹ đẻ và biết tiếp thu ngôn ngữ thế giới một cách hợp lý.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao Nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP VĂN BẢN: CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**I. TÌM HIỂU CHUNG** **1. Tác giả:** Ngọc Phú. **2.Tác phẩm:** a. Xuất xứ: Báo điện tử Đất Việt - Diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam, 9/2020. **b. Thể loại:** Văn bản thông tin. **c. Các thành phần:** nhan đề, sa pô, đề mục, tranh ảnh. **d. Yếu tố cấu thành** + Trái đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời. + Nước chiếm 2/3 bề mặt Trái đất. + Trái đất là nơi cư ngụ của muôn loài. + Con người là đỉnh cao ỳ diệu của sự sống trên trái đất. + Tình trạng của Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương. **e. Bố cục:** Văn bản chia làm 3 phần + Phần 1 từ đầu đến "365,25 ngày", giới thiệu về trái đất. + Phần 2: Tiếp đến "sự sống trên trái đất" Vai trò của trái đất. + Phần 3: còn lại Thực trạng của trái đất. **f. Nội dung** Văn bản nêu lên sự đa dạng của sinh vật cũng như cách các loài chung sống với nhau. Đồng thời nhắc đến con người với tư cách chủ thể tác động tới tự nhiên.
GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn	**g. Nghệ thuật**

bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	Văn bản đa phương tiện, kết cấu đầu cuối tương ứng, đặt vấn đề trong tương quan với bộ phim Vua sư tử. **II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:** **1. Các loài sinh vật và quần xã** **a) Sự đa dạng** - Trái Đất hiện có khoảng trên 10 000 000 loài sinh vật. Hiện nay con người mới chỉ biết được khoảng trên 1 400 000 loài (> 300 000 thực vật và > 1 000 000 động vật). - Con người có thể nhận định khái quát về lịch sử tiến hóa hay sự phụ thuộc lẫn nhau của muôn loài. **b) Mối quan hệ các loài vật** - Các động vật và thực vật thường tồn tại và phát triển thành từng quần xã, trong những biome khác nhau. - Tính đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào sự cạnh tranh giữa các loài, mối quan hệ con mồi - vật ăn thịt và mức độ thay đổi các yếu tố môi trường... - Dựa vào tính chất các loài trong quần xã có thể nói tới loài ưu thế, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài chủ chốt... Trong quần xã luôn tồn tại trật tự. - Giữa các loài trong quần xã luôn tồn tại mối quan hệ hỗ trợ và đối kháng. **2. Con người và mối quan hệ với các loài sinh vật** - Con người cũng chỉ là một loài sinh vật. - Qua quá trình lịch sử lâu dài, con người bộc lộ khả năng sáng tạo và xã hội loài người ngày càng phát triển phức tạp. - Con người trở nên tự kiêu, tự sắp xếp trật tự tự nhiên gây xáo trộn, phá vỡ... trong tự nhiên. - Hiện nay con người đã tỉnh ngộ, biết nhìn nhận sáng suốt, biết chung sống hài hòa.

III. LUYỆN TẬP

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) với chủ đề: Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau.

Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau. Vì thế, một trong những vấn đề nóng được quan tâm là cách để giúp trẻ có nhận thức của riêng mình về những thảm họa môi trường và việc bảo vệ các loài sinh vật mà trái đất đang phải đối diện.

Hàng ngày, bố mẹ cùng trò chuyện và thực hành với trẻ các hoạt động nho nhỏ và ý nghĩa. Đối với trẻ nhỏ, tiếp cận bằng hình ảnh và câu chuyện luôn là một cách hiệu quả để giúp trẻ có ấn tượng và ghi nhớ sâu sắc về cuộc sống muôn màu muôn vẻ của các loài sinh vật trên Trái Đất. Vì thế, những bộ phim ngắn hay những cuốn sách về các loài sinh vật chính là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các bố mẹ khi trò chuyện và thực hành cùng con.

TIẾT 2: ÔN TẬP VĂN BẢN: TRÁI ĐẤT

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về tác giả và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**I. KIẾN THỨC CHUNG:** **1. Tác giả** - Ra -xun Gam- da -tốp (1923 – 2003) - Người dân tộc A-va (Avar) nước Cộng hoà Đa-ghe-xtan (Daghestan) (thuộc Liên bang Nga) - Thơ ông tràn đầy tình yêu thương đối với quê hương, con người, sự sống và luôn hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc. - Các tác phẩm chính: *Năm tôi sinh, Mùa xuân Đa-ghe-xtan, Trái tim tôi trên núi, Những ngôi sao xa, Đa-ghe-xtan của tôi…* **2. Tác phẩm** **a. Xuất xứ:** Bài thơ *Trái Đất* viết năm 1987 bằng tiếng A-va, được phổ biến rộng rãi qua bản dịch ra tiếng Nga của Na-um Grép-nhi-ốp - Thông tin có trong bài thơ *Trái đất*: truyền dạt thông tin: Hãy bảo vệ Trái đất. **b. Thể loại:** thơ tự do **c. Bố cục:** 2 phần: + P1 (khổ 1): Thái độ của nhà thơ với những kẻ đang hủy hoại Trái đất. + P2 (khổ 2): Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất. **d. Nghệ thuật**

Thể thơ tự do, các biện pháp nghệ thuật: điệp từ, liệt kê, ẩn dụ...

e. Nội dung

Tác giả thể hiện thái độ lên án với những kẻ làm hại Trái Đất đồng thời thương xót, vỗ về những đau đớn của Trái Đất.

f.Ý nghĩa

Lời cảnh tỉnh cho những kẻ có những hành động hủy hoại môi trường sống của mình trước khi quá muộn.

II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:

1. Thái độ của nhà thơ với bọn hủy hoại Trái đất

Những cách hành xử đối với Trái đất	***Điểm chung***
- Xem là quả dưa: bổ, cắn thành muôn mảnh nhỏ. - Xem như quả bóng trên sân: giành giật, lao vào đá.	Đều phá hủy Trái đất.
=> Thái độ của tác giả: căm phẫn, khinh bỉ, lên án những kẻ hủy hoại Trái đất.	
=> Vì tác giả gọi những kẻ xấu là "bọn", "lũ".	

2. Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất:

- Nhà thơ đã hình dung trái đất: quả bóng, quả dưa. Trái đất bị con người cắn, xé thành nhiều mảnh, tranh giành nhau những mảnh đất màu mỡ, tươi tốt. - Nhà thơ xưng hô: Gọi Trái đất là người.	- Nhìn/nghĩ về Trái đất nhà thơ đã thấy: Sự xót xa, tổn thương, đau đớn mà Trái đất đang gánh chịu. - Hình ảnh "máu", "nước mắt" thường được dùng với ngụ ý: Đau xót, chết chóc…	Chuyển ngôn ngữ hình ảnh của nhà thơ thành ngôn ngữ thông tin mang tính chất trực tiếp và đơn giản:
=> Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất: thương xót, vỗ về những tổn thương, đau đớn mà Trái đất đang gánh chịu.		

III. LUYỆN TẬP

Bài tập 1

Hãy tìm ra đặc điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Ra-xum Gam-da- tốp với hai văn bản T*rái Đất - cái nôi của sự sống* và *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*

Hướng dẫn làm bài:

Cả 3 tác phẩm đều thể hiện tình yêu đối với Trái Đất - hành tinh xanh, nơi sinh sống của muôn loài. Ở Trái Đất, con người là động vật bậc cao nhất có tư duy phát triển nhưng cũng chính con người đang ngày một phá hủy môi trường sống của mình. Các tác phẩm đặt ra vấn đề nhức nhối, cấp bách đó là Trái Đất liệu không biết chịu đựng được đến bao giờ. Từ đó, dấy lên hồi chuông thức tỉnh về trách nhiệm bảo vệ Trái Đất của mỗi con người chúng ta.

Bài tập 2

Theo em để cùng "lau nước mắt", "rửa sạch máu" cho Trái Đất, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?

Hướng dẫn làm bài:

- Trồng và bảo vệ cây xanh.
- Hạn chế sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật.
- Rút các loại phích cắm điện khỏi ổ cắm, tránh lãng phí điện năng.
- Sử dụng sản phẩm tái chế, giảm sử dụng túi ni lông.
- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện cho gia đình.

Bài tập 3

Cùng đưa ra một thông điệp giống nhiều văn bản khác, nhưng bài thơ Trái Đất vẫn có sự độc đáo, hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn riêng đó?

Hướng dẫn làm bài:

- Tác giả sử dụng thể loại thơ dễ dàng bộc bạch thái độ, cảm xúc của mình.
- Tác giả so sánh, miêu tả sinh động hình ảnh Trái Đất với quả dưa, quả bóng, khuôn mặt thân thương.
- Cách hình dung về Trái Đất và cách thể hiện tình cảm đối với Trái Đất được bày tỏ qua hai thái độ khác nhau.
- Hình ảnh thơ có sức gợi tả, lay động mạnh mẽ "lau nước mắt", "rửa sạch máu".

TIẾT 3: ÔN TẬP THTV: NHẬN BIẾT VÀ SỬ DỤNG TỪ MƯỢN

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về từ mượn. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**1.Từ tiếng Việt :** + Từ thuần Việt (do ông cha ta sáng tạo ra, đọc lên có thể hiểu ngay) + Từ mượn (là các từ có nguồn gốc từ ngôn ngữ khác như Hán, Âu – Mỹ, Nga và các nước khác, biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm… mà từ TV chưa có từ thích hợp để biểu thị.) **2. Từ mượn** có thể có cấu tạo từ đơn hoặc từ phức Từ mượn được Việt hóa hoàn toàn: Được dùng phổ biến, nhiều người rõ nghĩa, viết giống từ thuần Việt. Từ mượn chưa được Việt hóa cao: Có dấu gạch nối hoặc giữ nguyên nguyên dạng trong ngôn ngữ gốc. Tùy quy định ở mỗi hoàn cảnh sử dụng mà chọn cách viết cho phù hợp.

	- Từ mượn có ý nghĩa quan trọng, là quy luật tự nhiên trong quá trình tiếp xúc giao lưu giữa các dân tộc và làm giàu ngôn ngữ dân tộc mình. Tránh lạm dụng từ mượn

Bài tập 1:

Em có nhận xét gì về cách dùng các từ in đậm dưới đây? Theo em, nên dùng thế nào?

- **Hê lô** (chào), đi đâu đấy?
- Đi ra chợ một chút.

...

- Thôi, **bai** (chào) nhé**, si ơ ghên**(gặp nhau sau)

Hướng dẫn làm bài

Cách dùng các từ in đậm như đã cho trong bài tập là lạm dụng từ nước ngoài một cách thái quá. Việc học ngoại ngữ là cần thiết nhưng không nên dùng kèm vào tiếng Việt. Một mặt làm mất sự trong sáng của tiếng Việt. Mặt khác, làm cho mọi người tưởng đang "khoe chữ". Chỉ nên sử dụng những từ mượn đã quen dùng trong cộng đồng và khi thật cần thiết.

Bài tập 2:

Chọn từ ngữ điền vào chỗ trống sao cho thích hợp:

a. báu vật/của quý

- Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ khác...
- Lê Lợi cầm gươm lên xem và thấy hai chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người không biết đó là...

b. chết/từ trần

- Ông của Lan đã... đêm qua.
- Con chó nhà tớ ăn phải bả, đã... từ tuần trước.

c. phôn/gọi điện

- Sao cậu không... cho tớ để tớ đón cậu?
- Sao ông không... cho cháu để cháu đón ông?

Hướng dẫn làm bài

a.

- Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý.
- Lê Lợi cầm gươm lên xem và thấy hai chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người không biết đó là báu vật.

b.

- Ông của Lan đã từ trần đêm qua.
- Con chó nhà tớ ăn phải bả, đã chết từ tuần trước.

c.

- Sao cậu không phôn cho tớ để tớ đón cậu?
- Sao ông không gọi điện cho cháu để cháu đón ông?

Bài tập 3:

Tìm những từ ghép thuần Việt tương ứng với các từ Hán Việt sau:

Phụ mẫu, huynh đệ, thiên địa , giang sơn, quốc kì, tiền hậu, thi nhân, sinh tử, sinh nhật, phụ tử, mẫu tử.

Hướng dẫn làm bài

Từ Hán Việt	Từ thuần Việt
Phụ mẫu	Cha mẹ
Huynh đệ	Anh em
Thiên địa	Trời đất
Giang sơn	Sông núi
Sinh tử	Sống chết
Tiền hậu	Trước sau
Thi nhân	Nhà thơ
Phụ tử	Cha con
Nhật dạ	Ngày đêm
Mẫu tử	Mẹ con

Bài tập 4:

Ghi lại các từ mượn có trong những câu dưới đây. Cho biết các từ ấy được mượn của tiếng (ngôn ngữ) nào?

a) Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu sính lễ.

b) Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra, chạy vào tấp nập.

(Sọ Dừa)

c) Ông vua nhạc pốp Mai-cơn Giắc-xơn đã quyết định nhảy vào lãnh địa in-tơ-nét với việc mở một trang chủ riêng.

Hướng dẫn làm bài

+ Các từ mượn của các câu trên được mượn từ ngôn ngữ tiếng Hán và ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga:

• Từ mượn của ngôn ngữ Hán: Sính lễ, cỗ bàn, gia nhân.

• Từ mượn của ngôn ngữ khác: pốp, Mai-cơn Giắc-xơn, in-tơ-nét, trang chủ, lãnh địa.

Bài tập 5:

Những từ nào trong các cặp từ dưới đây là từ mượn? Có thể dùng chúng trong hoàn cảnh nào, với những đối tượng giao tiếp nào?

a) Bạn bè tới tấp phôn/gọi điện đến

b) Ngọc Linh là một fan / người say mê bóng đá cuồng nhiệt

c) Anh đã hạ nốc ao /đo ván võ sĩ nước chủ nhà

Hướng dẫn làm bài

+ Từ vay mượn trong các ví dụ trên là: phôn, fan, say mê.

+ Các từ: Gọi điện, người say mê, nốc ao dùng trong trường hợp giao tiếp có tính chất nghiêm túc, trước đám đông, hay người lớn tuổi.

+ Các từ: Phôn, fan, đo ván dùng trong những trường hợp bạn bè nói với nhau.

Bài tập 6:

Hãy kể một số từ mượn thuộc những nội dung sau:

a) Từ mượn là đơn vị đo lường.

b) Từ mượn là tên một số bộ phận của xe đạp.

e) Từ mượn là tên một số đồ vật.

Hướng dẫn làm bài

a) Từ mượn là đơn vị đo lường: Mét, ki-lô-mét, héc-tô-mét; hải lí, dặm, v.v...

b) Từ mượn là tên một số bộ phận của xe đạp: Ốc vít, bu loong, gác-ba-ga, phanh, nan hoa, ghi đông

e) Từ mượn là tên một số đồ vật: Ra-đi-ô, ti vi, cát-sét, sơ mi, pi-a-nô, mì chính v.v...

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài
- Hoàn thiện các bài tập
- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

.....

BUỔI 29: *Ngày soạn: / /2022*

Ngày dạy: / /2022

VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, MỘT CUỘC THẢO LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm chắc mục đích, yêu cầu, nội dụng của biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.
- Biết cách viết một biên bản hợp thức về một cuộc họp, cuộc thảo luận.

2. Năng lực

Bồi dưỡng năng lực hợp tác, năng lực tư duy,…

3. Phẩm chất

Có ý thức viết nghiêm túc, chính xác biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: SGK Ngữ văn 6, SGV Ngữ văn 6, Giáo án

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK Ngữ văn 6, Vở ghi bài, Vở soạn bài

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về cách viết một biên bản - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	**1. Khái niệm:** Biên bản là một loại nhỏ của văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác về điều đã diễn ra. Nó có thể được lưu lại như một hồ sơ quan trọng, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó. **2. Thể thức của biên bản thông thường:** - Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng đứng ra xử lí vụ việc hay tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận,... - Dưới từ "biên bản", ghi khái quát nội dung của vụ việc cần xử lí hay vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết, làm thành tên gọi của biên bản. - Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc xử lí vụ việc

	hay cuộc họp, cuộc thảo luận,... - Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí,... - Ghi diễn biến của cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,... với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận). - Ghi thời gian kết thúc cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận… - Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên **3. Các bước thực hiện viết biên bản:** **a. Trước khi viết** - Hình dung lại các cuộc họp. thảo luận cần được ghi biên bản (cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức hoạt động; cuộc họp kiểm điểm , tình hình thực hiện một dự án chung của lớp…) - Xác định tên gọi của biên bản: - Mục đích viết biên bản - Người đọc biên bản **b. Viết biên bản** - Viết phần mở đầu theo đúng thể thức. - Viết phần chính của biên bản dựa theo trình tự hợp lý cần có trong cuộc họp, thảo luận với những nội dung cụ thể (có đánh số rõ ràng). - Viết chi tiết về những nội dung quan trọng của cuộc họp, thảo luận như kế hoạch triển khai, giải pháp dự kiến, phân công công việc… - Thuật lại đầy đủ các ý kiến đi vào trọng tâm của buổi họp, thảo luận, nhất là những ý kiến có giá trị. - Viết đầy đủ nội dung kết luận của người chủ trì. - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, thảo luận và viết đầy đủ họ tên của người có trách nhiệm kí vào biên bản. **c. Chỉnh sửa biên bản**

	- Đọc lại biên bản sau khi viết xong. Dựa vào phần thể thức của biên bản thông thường để tự kiểm tra và chỉnh sửa: - Xem xét lại sự phù hợp giữa nội dung biên bản và tên biên bản. - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của việc ghi chép những vấn đề quan trọng nhất được bàn bạc, triển khai trong cuộc họp, cuộc thảo luận. - Lược bỏ những ghi chép về các chi tiết không liên quan tới vấn đề chính của cuộc họp, cuộc thảo luận. - Sửa lại ngôn ngữ diễn đạt nhằm đảm bảo sự chính xác và tính khách quan.

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Viết biên bản bàn kế hoạch xây dựng kênh YouTube xanh.

1. Yêu cầu

* Về hình thức: đúng thể thức văn bản (đầy đủ Quốc hiệu tiêu ngữ, thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, chủ trì, thư ký, diễn biến, ...)

*** Về nội dung:**

- Trình bày ý tưởng xây dựng kênh YouTube xanh: mục đích, yêu cầu, ý nghĩa, ...
- Thảo luận, bố trí, phân công công việc cụ thể
- Thảo luận về kế hoạch thực hiện

2. Học sinh chủ động chọn nội dung trình bày, thảo luận:

- Nguyên nhân:

+ Do ý thức kém của con người
+ Do hiện tượng cực đoan của xã hội
+ Sự quản lý của nhà nước với hoạt động xử lý chất thải của doanh nghiệp

-Hậu quả

+ Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người
+ Mất đi các nguồn lợi từ biển như hải sản, du lịch biển
+ Một nghiên cứu của Ngân hàng thế giới năm 2008 dự báo, mỗi năm Việt Nam mất đi ít nhất 69 triệu USD thu nhập từ ngành du lịch do hệ thống xử lý vệ sinh kém
+ Mất cân bằng đa dạng sinh học của môi trường sống

- Giải pháp:

+ Nâng cao ý thức con người

+ Tăng cường sự quản lý của nhà nước

+ Tiến hành áp dụng công nghệ khoa học để giải quyết hiện trạng ô nhiễm nước hiện nay.

3. Học sinh có thể tận dụng nguồn internet để lựa chọn các video ô phù hợp, đáp ứng yêu cầu để đưa kênh YouTube

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Đề bài: Ghi lại biên bản một cuộc họp của tổ, lớp hoặc chi đội em.

Gợi ý cách viết biên bản cuộchọp

- Cuộc họp tiến hành ở đâu, vào thời gian nào?
- Thành phần tham dự là ai?
- Ai điều hành cuộc họp?
- Nội dung cuộc họp?

+ Người điều hành phổ biến nội dung.

+ Thảo luận của lớp (tổ, chi đội)

+ Kết luận cuộc họp.

- Cuộc họp bế mạc vào lúc mấy giờ?

Chữ ký của người có trách nhiệm?

BẢN MẪU SỐ 1

Liên đội trường:.....
Chi đội lớp 6B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LỚP

1. Thời gian địa điểm họp

- Thời gian: 8 giờ ngày 2 tháng 11 năm 20...
- Địa điểm: Lớp 6B, Trường THCS ... .

2. Thành phần tham dự

- Cô giáo: Nguyễn Thị A (chủ nhiệm lớp).
- Toàn thể các bạn học sinh lớp 6B

3. Chủ toạ, thư kí cuộc họp

- Chủ toạ: Nguyễn Minh B (lớp trưởng)
- Thư ký: Phạm Văn C

4. Nội dung cuộc họp: Bàn kế hoạch "Phong trào thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11" do nhà trường phát động.

5. Diễn biến cuộc họp

a) Bạn Nguyễn Minh B phổ biến kế hoạch "Phong trào thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11" do nhà trường phát động và kế hoạch của lớp.

b) Thảo luận

- Bạn ... : nêu ra biện pháp thực hiện phong trào thi đua lập nhiều điểm tốt, tích cực xung phong lên bảng để đạt giờ học xếp loại xuất sắc.
- Bạn ... và ... đảm nhận công việc dán lại các khẩu hiệu, khung chữ trang trí lớp học.
- Bạn ..., ... và ... đảm nhận công việc trang trí lại góc học tập của lớp, lau bàn ghế, cửa sổ.
- Bạn ... phụ trách đội văn nghệ, lựa chọn tiết mục và tập luyện để dự thi hội thi văn nghệ của trường.

c) Kết luận của cuộc họp

- Toàn thể lớp sẽ triển khai công việc và tích cực thực hiện để đạt kết quả tốt.
- Các bạn phân công công việc rõ ràng, cụ thể,

Cuộc họp kết thúc vảo lúc 9 giờ cùng ngày.

Thư ký	**Chủ tọa**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)

BẢN MẪU SỐ 2

Liên đội trường:.....
Chi đội lớp 6A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LỚP

1. Thời gian địa điểm họp

- Thời gian: 14 giờ ngày 10 tháng 11 năm 2020.
- Địa điểm: Lớp 6A, Trường THCS ... .

2. Thành phần tham dự

- Cô giáo: ..... (chủ nhiệm lớp).
- Toàn thể các bạn học sinh lớp 6A.

3. Chủ toạ, thư kí cuộc họp

- Chủ toạ: Nguyễn Ngọc H (lớp trưởng)
- Thư ký: Phan Quỳnh T

4. Nội dung cuộc họp: Bàn kế hoạch "Giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học và chăm sóc các bồn hoa, cây con trong vườn trường" do nhà trường phát động.

5. Diễn biến cuộc họp

a) Bạn Nguyễn Ngọc H phổ biến kế hoạch "giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học và chăm sóc các bồn hoa, cây con trong vườn trường" do nhà trường phát động và kế hoạch của lớp.

b) Thảo luận

- Bạn K: Lớp ta phải quyết tâm giữ gìn vệ sinh trường lớp sạch sẽ, trang trí lại lớp cho đẹp, cho đúng với quy cách của một lớp học mà nhà trường đã đề ra và đồng thời hàng ngày lớp ta phải phân công tưới nước, bắt sâu, nhổ cỏ các bồn hoa và các cây con theo khu vực đã phân công cho lớp mình để cây mau lớn và tươi đẹp.
- Bạn N: xung phong mang chổi quét trần nhà và mạng nhện.
- Bạn Đ và bạn V nhận dán lại các khẩu hiệu và sửa soạn lại các lọ hoa trên tường.
- Bạn L nhận làm lại bảng theo dõi thi đua của lớp.
- Bạn M yêu cầu các tổ thay phiên nhau trực nhật, lau bàn ghế, cửa sổ, bảng đen.
- Bạn C yêu cầu cả lớp phân công nhau tưới nước các bồn hoa và vườn cây con của lớp mà trường phân công chăm sóc.

c) Kết luận của cuộc họp
- Toàn thể lớp sẽ tham gia làm vệ sinh lớp vào sáng ngày 14 tháng 10.
- Hàng tuần các tổ phân công trực nhật và tưới nước các bồn hoa, vườn cây.
- Mua thêm thùng tưới nước, khăn lau, chổi...

Cuộc họp kết thúc vảo lúc 16 giờ cùng ngày.

Thư ký	**Chủ tọa**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)

BẢN MẪU SỐ 3

Liên đội trường:.....
Chi đội lớp 6...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LỚP

I. Thời gian, địa điểm

1. Thời gian: 10h sáng ngày 7 tháng 9 năm 20...

2. Địa điểm: Phòng học lớp 6...,Trường THCS ... .

II. Thành phần tham dự

– Thầy ... , chủ nhiệm lớp.

– Toàn thể học sinh lớp 6...

III. Chủ tọa, thư ký

Chủ tọa: Lê Ngọc Hoa, lớp trưởng.

Thư ký: Phạm Khánh Linh, tổ trưởng tổ 1.

IV. Nội dung họp lớp

Bàn về kế hoạch học tập và hoạt động học kỳ 1, năm học 20... – 20...

V. Diễn biến cuộc họp

1. L**ớp trưởng phổ biến kế hoạch** học tập và hoạt động của lớp trong, học kỳ 1 năm học 20... – 20...

2. Thảo luận:

– Bạn H đề nghị tổ chức các đợt thi đua học tập của các bạn trong từng tuần, từng tháng.

– Bạn O nói về các biện pháp đẩy mạnh phong trào hoạt động của lớp: tham gia đầy đủ các phong trào của trường, chuẩn bị, tập luyện tốt để đạt thành tích các phong trào, cả lớp phải cùng tham gia.

– Bạn S giới thiệu kinh nghiệm học tập môn Toán.

– Bạn A giới thiệu kinh nghiệm học tập môn Văn và các môn xã hội.

– Bạn G đề nghị đẩy mạnh phong trào giúp nhau học tập: tổ chức học nhóm, sắp xếp chỗ ngồi xen kẽ các bạn khá và yếu, hàng tuần tổ chức buổi thảo luận về những bài khó.

– Bạn M nói về việc thực hiện nội quy của lớp: đi học đúng giờ, trực nhật, lao động tốt…

3. Thầy giáo chủ nhiệm phát biểu ý kiến:

– Tổng kết các chỉ tiêu học tập và hoạt động cả lớp đề ra: có từ 50– 60% học sinh tiên tiên, 15% – 20% học sinh giỏi…

– Toàn chi đội cần phân công công việc cụ thể cho các bạn để thực hiện tốt chỉ tiêu học tập và hoạt động.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h30 phút ngày 7 tháng 9 năm 20...

Thư ký	**Chủ tọa**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)

BẢN MẪU SỐ 4

TRƯỜNG TIỂU HỌC..... **TỔ .....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

BIÊN BẢN HỌP TỔ 3

V/v: Họp bàn công tác kế hoạch nhỏ và học tập của tổ.

I. Thời gian:

7 giờ 30 phút sáng ngày 5/12/20.....

II. Địa điểm:

Phòng học lớp 6A, Trường THCS ... .

III. Thành phần tham dự:

Chủ trì họp: ... (tổ trưởng).

Thư kí: ... (tổ phó).

Thành phần tham dự: 9 đội viên của tổ. Vắng: không vắng.

IV. Nội dung cuộc họp:

1) Tổ trưởng thông báo về kế hoạch nhỏ: học sinh nộp giấy vụn, nhựa, ve chai, để đạt yêu cầu, mỗi bạn cần nộp 20 vỏ lon bia, 3kg giấy vụn.

– Cả tổ nhất trí nộp đầy đủ trong ngày 10/12 để mang đến kho văn phòng Đội cho gọn trong ngày.

2) Tình hình học tập:

– Bạn Tổ trưởng nêu:

+ Tổ ta không có bạn nào yếu kém nhưng điểm 10 chưa nhiều. Vậy có bạn nào có sáng kiến gì để nâng cao thành tích học tập của tổ?

+ Sau nhiều phát biểu chọn lựa, bàn cãi cho phù hợp, toàn thể tổ đã nhất trí ý kiến chung như sau:

a) Truy bài lẫn nhau mười lăm phút đầu giờ khi hồi trống đổ, giúp bạn chưa thuộc bài ôn lại kiến thức cũ.

b) Học nhóm tại nhà buổi chiều như sau:

– Nhóm 1: ... (Danh sách thành viên cảu nhóm)

– Nhóm 2: (Danh sách thành viên cảu nhóm)

Việc 1: Ôn tập bài cũ, giải bài tập cô cho (kiểm tra chéo)

Việc 2: Chuẩn bị bài mới vào vở tự học.

Việc 3: Giúp đỡ bạn yếu kém chưa làm được bài. Phụ trách việc này là ... – tổ trưởng.

Cuộc họp kết thúc lúc 9 giờ 30 phút cùng ngày.

Thư ký	**Chủ tọa**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức về cách viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận vừa ôn tập

BUỔI 30: ***Ngày soạn: / /2021***

Ngày dạy: / /2021

VIẾT BÀI VĂN VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG ĐƯỢC GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS được củng cố và biết được các yêu cầu đối với kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên môn

- Sử dụng lí lẽ và dẫn chứng.
- Biết cách trình bày ý kiến về hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.

3. Về phẩm chất:

- Ý thức đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN:

<table>
<tr><th>Hoạt động của thầy và trò</th><th>Nội dung cần đạt</th></tr>
<tr><td>GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về cách viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.
- Hình thức vấn đáp.
- HS trả lời.
- GV chốt kiến thức</td><td>I. Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc
- Kiểu văn bản: nghị luận văn học
- Các yếu tố chủ yếu: lí lẽ và dẫn chứng
- Nêu được tên sách và tác giả
- Nêu được hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách và nêu ý kiến của em về hiện tượng đó
- Sử dụng được lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hiện tượng.
II. Các bước làm bài
1. Trước khi viết
a) Lựa chọn đề tài
b) Tìm ý
<table><tr><td>Điều em muốn viết liên quan đến cuốn sách nào? Ai là tác giả của cuốn sách đó?</td><td></td></tr><tr><td>Chi tiết, sự việc, nhân vật nào trong sách để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?</td><td></td></tr><tr><td>Chi tiết, sự việc, nhân vật đó khiến em suy</td><td></td></tr></table></td></tr>
</table>

nghĩ đến hiện tượng đời sống nào?	
Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đó	

c) Lập dàn ý

- *Mở bài*: Giới thiệu tên sách, tác giả, hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.
- *Thân bài*:

+ Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng).

+ Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý kiến cá nhân về hiện tượng cần bàn luận.

+ Trình bày cụ thể về chi tiết, sự việc, nhân vật gợi lên hiện tượng cần bàn.

- *Kết bài*: Nêu tầm quan trọng, ý nghĩa thực tế của hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.

2. Viết bài

- Triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý.
- Phân biệt mở bài, thân bài, kết bài.
- Có thể tách các ý trong phần thân bài thành các đoạn văn.
- Quan điểm (ý kiến) về hiện tượng phải rõ ràng, nhất quán.
- Các câu văn, đoạn văn có sự liên kết, mạch lạc.

3. Chỉnh sửa bài viết

Đọc lại bài văn đã viết để đảm bảo:

- Tính chính xác của tên sách, tên tác giả và các chi tiết, sự việc, nhân vật.
- Viết đúng chính tả, dùng từ ngữ và câu phù hợp, sắp xếp các ý chặt chẽ.

TIẾT 2 + 3: LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn HS làm bài tập theo các bước.

Một số bài tham khảo:

Bài số 1: bài học được rút ra từ truyện ngụ ngôn Đeo nhạc cho mèo

DÀN Ý

1. Mở bài

Giới thiệu câu chuyện ngụ ngôn *Đeo nhạc cho mèo*: Truyện ngụ ngôn "Đeo nhạc cho mèo" là một câu chuyện hay mang ý nghĩa phê phán xã hội phong kiến mục nát đương

thời. Bên cạnh việc mang lại tiếng cười hài hước cho người đọc, câu chuyện còn để lại những bài học sâu sắc.

2. Thân bài

– Giới thiệu nội dung và giá trị hiện thực của truyện: Trong truyện "Đeo nhạc cho mèo", tác giả dân gian đã mượn chuyện của họ hàng nhà chuột để nói về chuyện con người.

–> Có thể thấy trong tác phẩm, nghệ thuật nhân hóa đã được sử dụng rất khéo léo, lột tả rất chân thực bản chất của các con vật

– Bài học về những điều kiện cần thiết khi thực hiện kế hoạch: Trong cuộc sống của con người cũng vậy, có thể có rất nhiều kế hoạch được vạch ra, dù cho kế hoạch ấy có hoàn hảo đến mức nào nhưng nếu không dựa trên những điều kiện nhất định thì sẽ không bao giờ có thể thực hiện được

– Bài học về nhân tố người thực hiện kế hoạch: Là một kế hoạch có thể hay, có thể dể nhưng vẫn luôn cần quan tâm tới người thực hiện kế hoạch, người đó phải có đủ phẩm chất và năng lực, phù hợp với trách nhiệm và đặc thù của kế hoạch đề ra

– Bài học về tinh thần đoàn kết và tinh thần trách nhiệm trong công việc: Trong một tập thể, toàn những cá nhân chỉ biết nói mà không biết làm thì đồng nghĩa với việc họ có những kế hoạch và quyết định thiếu thực tiễn, ảo tưởng

3. Kết bài

Khẳng định giá trị ý nghĩa của câu chuyện: Như vậy, qua câu chuyện ngụ ngôn "Đeo nhạc cho mèo" chúng ta đã rút ra được những bài học quý báu và đã được thấy rõ dẫn chứng từ chính họ hàng nhà chuột.

BÀI VIẾT THAM KHẢO

Truyện ngụ ngôn "Đeo nhạc cho mèo" là một câu chuyện hay mang ý nghĩa phê phán xã hội phong kiến mục nát đương thời. Bên cạnh việc mang lại tiếng cười hài hước cho người đọc, câu chuyện còn để lại những bài học sâu sắc và quý báu mà người đời cần phải nhìn vào đó để học tập, áp dụng vào cuộc sống.

Trong truyện "Đeo nhạc cho mèo", tác giả dân gian đã mượn chuyện của họ hàng nhà chuột để nói về chuyện con người. Có thể thấy trong tác phẩm, nghệ thuật nhân hóa đã được sử dụng rất khéo léo, lột tả rất chân thực bản chất của các con vật. Họ hàng nhà chuột được miêu tả khiến người đọc liên tưởng tới xã hội nông thôn trước kia, về cả vai vế và thứ bậc cũng có điểm tương đồng. Đứng đầu trong một làng, xã thường là ông Cống hoặc ông Nghè, và giống như đứng đầu họ nhà chuột có chuột Cống. Hay những người thấp cổ bé họng, vào hạng cùng đinh trong làng thì như con chuột trù trong họ hàng nhà chuột vậy. Những hạng người như chuột trù thường bị áp bức, bóc lột, chịu mọi gánh nặng của chế độ và là nạn nhân của chế độ xã hội phong kiến mục nát đó. Từ

câu chuyện cũng như giá trị nhân văn mà truyện mang lại, chúng ta rút ra được những bài học sâu sắc.

Thứ nhất, đó là bài học về điều kiện cần và đủ để thực hiện một kế hoạch. Từ kế hoạch của họ hàng nhà chuột ta thấy đó là một kế hoạch hay nhưng lại chưa đủ yếu tố để có thể thực hiện thành công đó chính là yếu tố người thực hiện kế hoạch. Trong cuộc sống của con người cũng vậy, có thể có rất nhiều kế hoạch được vạch ra, dù cho kế hoạch ấy có hoàn hảo đến mức nào nhưng nếu không dựa trên những điều kiện nhất định thì sẽ không bao giờ có thể thực hiện được. Mãi mãi kế hoạch đó chỉ là lý thuyết suông không áp dụng được vào thực tiễn. Vì vậy khi đưa ra kế hoạch chúng ta cần cân nhắc kĩ lưỡng các yếu tố và điều kiện cần thiết để thực hiện kế hoạch. Bài học thứ hai đó chính là sự nhận thức về tầm quan trọng của nhân tố thực hiện kế hoạch. Là một kế hoạch có thể hay, có thể dể nhưng vẫn luôn cần quan tâm tới người thực hiện kế hoạch, người đó phải có đủ phẩm chất và năng lực, phù hợp với trách nhiệm và đặc thù của kế hoạch đề ra. Nếu như lựa chọn sai người, người thực hiện kế hoạch bị ép buộc, không đủ năng lực, miễn cưỡng phải làm thì dù cho kế hoạch có hoàn hảo đến mấy rồi cũng thất bại. Bài học thứ ba nói về tính cộng đồng, sự đoàn kết trong tập tập thể khi thực hiện một công việc nào đó. Trong một tập thể, toàn những cá nhân chỉ biết nói mà không biết làm thì đồng nghĩa với việc họ có những kế hoạch và quyết định thiếu thực tiễn, ảo tưởng. Họ có thể đề ra kế hoạch tốt nhưng lại đùn đẩy trách nhiệm cho nhau khiến cho công việc không đạt được kết quả như mong muốn.

Như vậy, qua câu chuyện ngụ ngôn "Đeo nhạc cho mèo" chúng ta đã rút ra được những bài học quý báu và đã được thấy rõ dẫn chứng từ chính họ hàng nhà chuột. Có thể thấy, các tác giả dân gian đã vô cùng sáng tạo, đúc kết những giá trị cuộc sống để viết nên một câu chuyện hay và ý nghĩa như vậy.

Bài số 2: bài học được rút ra từ truyện cười: Thầy bói xem voi

DÀN Ý

1. Mở bài

– Nhân dân ta thường lấy tiếng cười để mua vui giải trí, để chế giễu châm biếm những thói hư tật xấu hoặc để phê phán đả kích những gì xảy ra trong cuộc sống hằng ngày.

– Truyện "Thầy bói xem voi" là một trong những truyện cười hay, chứa đựng một bài học giáo dục sâu sắc đối với mọi người.

2. Thân bài

a. Nội dung câu chuyện

– Câu chuyện kể về việc 5 ông thầy bói ngồi chuyện gẫu với nhau nhân buổi ế hàng. Cả 5 ông đều mù. Ông nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi như thế nào. Thế là

khi nghe có voi đi qua, năm ông chung nhau liền biếu người quản voi xin cho voi dừng lại để cùng xem.
– Điều đặc biệt là cả 5 ông đều xem voi bằng "tay". Người thì sờ vòi, người thì sờ ngà, người thì sờ tai, người thì sờ chân còn người thì lại sờ đuôi.
– Mỗi thầy chỉ "quan sát" một bộ phận của cơ thể con voi chứ không thể quan sát được toàn bộ cơ thể của nó.
– Vì quan sát bằng "tay" nên mỗi thầy đưa ra một nhận xét khác nhau về con voi.
+ Thầy sờ vòi thì bảo "Tưởng con voi như thế nào, hóa ra nó sun sun như con đĩa". Sự so sánh cái vòi con voi với con đĩa rất hay vì cái vòi voi và con đỉa cũng có nét tương đồng.
+ Thầy sờ ngà thì lại cho rằng con voi "nó chằn chẳn như cái đòn càn". Sự so sánh và đưa ra nhận xét của thầy bói thứ hai này cũng thật lí thú. Cái ngà voi và cái đòn càn cũng có nét tương đồng.
+ Thầy sờ tai thì khẳng định con voi "bè bè như cái quạt thóc". Tai voi cũng to và bè bè như cái quạt ngày xưa người nông dân thường dùng để quạt thóc. Sự so sánh này cũng rất hay.
+ Thầy sờ chân thì nhất quyết cho rằng con voi "sừng sững như cái cột đình". Sự so sánh này rất đúng và rất hay. Chân voi to như cây cột người xưa thường dùng làm cột đình của làng xã.
+ Thầy sờ đuôi cũng chẳng chịu thua. Thầy cứ một hai khẳng định rằng con voi "tun tủn như cái chổi sể cùn".
– Thầy bói nào cũng nói đúng về con voi như mình đã sờ được. Năm thầy đều nhận xét một cách hóm hỉnh và cho rằng ý kiến của mình là đúng tuyệt đối. Như vậy là thầy nào cũng có lí, nhưng cộng cả năm ý kiến lại thì thật là vô lí vì chẳng ý kiến của thầy nào đúng với con voi thật ngoài đời.

b. Bài học rút ra từ câu chuyện

Câu chuyện cho em những bài học sâu sắc:
– Khi nhận xét đánh giá về sự vật, sự việc,… ta không được nhìn nhận, đánh giá một cách phiến diện. Muốn hiểu biết sự vật, sự việc, ta phải xem xét chúng một cách toàn diện.
– Ta không nên tin vào những điều mê tín dị đoan. Cha ông ta đã nhắc nhở con cháu "thầy bói nói mò". Nếu ta tin thầy bói, khác nào ta tin con voi giống như con voi của mỗi thầy đã định nghĩa.
– Không vì bảo vệ cái vô lí của mình mà dẫn đến gây gỗ mất đoàn kết như 5 ông thầy bói trong truyện. Trong cuộc sống, ta cần phải lắng nghe, biết phân biệt cái đúng cái sai để từ đó ta rút ra được một nhận xét đúng nhất.

3. Kết bài

– Truyện "Thầy bói xem voi" có nội dung phê phán một cách nhẹ nhàng và thâm thúy. Người xưa đã nhắc nhở con cháu phải biết nhìn sự vật, sự việc một cách toàn diện không nên đánh giá sự vật, sự việc bằng sự nhìn nhận phiến diện chủ quan.

– Truyện còn gây cười bằng cách đưa ra những yếu tố riêng lẻ có lí đê rồi hợp lại tạo thành một điều hoàn toàn phi lí.

Bài số 3: bài học được rút ra từ Đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên (Trích Dế Mèn phiêu lưu kí) của tác giả Tô Hoài.

DÀN Ý

1. Mở bài

– "Dế Mèn phiêu lưu kí" là tác phẩm đặc sắc và nổi tiếng nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi. Truyện được in lần đầu năm 1941. Truyện gồm mười chương, kể về những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn qua thế giới những loài vật nhỏ bé.

– "Bài học đường đời đầu tiên" được trích từ chương 1 của truyện "Dế Mèn phiêu lưu kí". Đoạn trích nói về sự hung hăng, hống hách một cách ngu dại và sự ân hận của Dế Mèn.

– Đoạn trích đã cho em những bài học quý giá.

2. Thân bài

a. Nội dung của đoạn trích

*** Đoạn trích miêu tả vẻ đẹp khỏe mạnh có phần hung tợn của Dế Mèn**

– Dế Mèn hiện lên trong đoạn trích quả thực là một "anh chàng" đẹp trai và khỏe mạnh. Đôi càng mẫm bóng, những cái vuốt ở chân, ở kheo nhọn hoắt. Đôi cánh dài xuống đến tận đuôi. Đầu to và nổi từng tảng rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Râu dài và uốn cong trông rất hùng dũng…

– Dế Mèn đi đứng thật oai vệ. Khi đi thì dún dẩy các khoeo chân. Những sợi râu thì rung rung lên xuống. Tính tình thì dữ tợn. Lúc thì Dê Mèn quát mấy chị cào cào ngoài đầu bờ. Lúc thì ngứa chân đá ghẹo anh gọng vó…

– Vẻ đẹp của Dế Mèn là vẻ đẹp của một "anh chàng" ngông nghênh, luôn cho mình là giỏi, là nhất thiên hạ.

*** Thái độ của Dế Mèn đối với Dế Choắt**

– Dế Choắt là hàng xóm nhưng Dế Mèn lại rất coi thường Dế Choắt.

+ Dế Mèn tự mình đặt tên cho Dế Choắt: "Dê Choắt là tên tôi đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng thế. Choắt nó có lẽ cũng trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ lôi lắm".

+ Dê Mèn luôn chê bai, dè bỉu Dế Choắt: "Cái chàng Dế Choắt người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mấu và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ…

+ Thấy Dế Choắt ốm yếu, không giúp thì thôi, Dế Mèn còn tỏ vẻ coi thường: "Sao chú mày sinh sống cẩu thả quá như thế! Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng.."

+ Khi Dế Choắt nhờ Dế Mèn đào giúp mình một cái ngách thông sang nhà Dế Mèn để phòng khi có kẻ đến bắt nạt, Dế Choắt sẽ chạy sang nhà Dế Mèn thì thái độ của Dế Mèn thật quá đáng. Dế Mèn chưa nghe hết câu Dế Choắt nói đã hếch răng lên, xì một hơi dài, với điệu bộ khinh khinh, Dế Mèn đã mắng dế Choắt: "Muốn thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!"

– Dế Mèn thật đáng trách. Là hàng xóm của nhau phải giúp đỡ nhau lúc gặp khó khăn hoạn nạn. Vậy mà khi Dế Choắt có lời nhờ vả, Dế Mèn không giúp thì thôi còn mắng bạn sa sả.

*** Trò đùa ngu dại của Dế Mèn**

– Thấy chị Cốc đứng chổ mát rỉa lông, rỉa cánh, chùi mép. Dế Mèn rủ Dế Choắt trêu chọc. Dế Choắt vái lạy van xin. Dế Mèn liền mắng Dế Choắt. Một mình Dế Mèn trêu chọc chị Cốc.

– Dế Mèn đã đem tai họa đến cho Dế Ghoắt. Không trông thấy Dế Mèn, kẻ đã trêu mình nhưng chị Cốc lại nhìn thấy Dế Choắt. Thế là nổi trận lôi đình, chị Cốc cho Dế Choắt một trận đòn chí tử. Dế Choắt chết oan vì trò đùa ngu dại của Dế Mèn.

*** Sự ân hận của Dế Mèn**

– Thấy Dế Choắt không dậy được, Dế Mèn mới hốt hoảng, quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than: "Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này! Tôi hối lắm! Tôi hối hận lắm. Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?".

– Dế Choắt tắt thở. Dế Mèn thương và ân hận lắm nhưng đã quá muộn. Trò đùa ngu dại của một kẻ ngông cuồng như Dế Mèn đã đem đến tai họa cho người hàng xóm yếu ớt. Dầu có ân hận bao nhiêu chăng nữa thì Dế Choắt cũng không sống lại được. Nỗi ân hận này nhất định sẽ dai dẳng theo Dế Mèn trong suốt cuộc đời.

b. Bài học rút ra từ đoạn trích

Một đoạn trích thôi nhưng đã cho em những bài học sâu sắc:

– Hàng xóm láng giềng của nhau thì nhớ phải "tối lửa tắt đèn có nhau" và không nên "Cháy nhà hàn xóm mà bình chân như vại".

– Không nên khinh thường những người yếu hơn mình. Khi họ cần giúp đỡ hãy vui lòng giúp họ trong khả năng của mình.
– "Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình".
– Cần suy nghĩ chín chắn trước khi nói và làm bất cứ việc gì.

3. Phần Kết bài

– Cám ơn nhà văn Tô Hoài vì bằng biện pháp nhân hóa, nhà văn đã giúp em có được những bài học bổ ích qua các nhân vật.
– Từ bài học đã rút ra, em sẽ sống tốt hơn để sau lớn lên không phải ân hận.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức về cách là dạng bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: **Ôn tập tổng hợp cuối học kì II.**

.....

BUỔI 31: ***Ngày soạn: / /2021***

Ngày dạy: / /2021

ÔN TẬP TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì II.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học.
- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Hệ thống sơ đồ, bảng tóm tắt các vấn đề: chủ đề, thể loại VB; kiểu bài thực hành viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt.
- Một số VB đọc mới thuộc thể loại truyện đồng thoại, thơ lục bát, du kí liên quan đến chủ đề của các bài học.
- Phim ngắn, tranh ảnh minh hoạ phù hợp với các chủ đề được học.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1: ÔN TẬP CÁC VĂN BẢN ĐỌC

I. ÔN TẬP TRUYỆN

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật
Chuyện về những người anh hùng	Thánh Gióng	-	Truyền thuyết	* *Nội dung*: Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộcta. **Ý nghĩa*: Truyện cangợingười anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.	- Chi tiết tưởng tượng kìảo, khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoangđường)
				-Truyện nhằm giải thích	

	Sơn Tinh, Thủy Tinh	-	Truyền thuyết	hiện tượng mưa gió bão lụt hàng năm vẫn diễn ra ở vùng sông Hồng ,đồng thời thể hiện ước mơ chiến thắng thiên tai bão lụt của người Việt cổ. - Ca ngợi công lao trị thủy dựng nước của cha ông ta. → Dân gian tạo dựng 2 hình tượng kì vĩ mang tính tượng trưng cho sức mạnh ghê gớm của thiên tai và sức mạnh trị thủy thắng lợi của con người.Điều đó rất gần với cuộc sống hôm nay.	- Kể kết hợp với miêu tả, biểu cảm - Xây dựng hình tượng nhân vật phù hợp với tâm lí, suy nghĩ của trẻ thơ. - Nghệ thuật nhân hoá đặc sắc.
	Thạch Sanh	-	Truyện cổ tích	Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện. tiết thần kì.	- Sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo: công chúa lâm nạn gặp Thạch Sanh trong hang sâu, công chúa bị câm khi nghe tiếng đàn Thạch Sanh bỗng nhiên khỏi bệnh và giải oan cho chàng rồi nên vợ nên chồng. - Sử dụng những chi - Kết thúc có hậu.
	Cây khế	-	Truyện cổ tích	Từ những kết cục khác nhau đối với người anh và người em, tác giả	- Sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo.

				dân gian muốn gửi gắm bài học về đền ơn đáp nghĩa, niềm tin ở hiền sẽ gặp lành và may mắn đối với tất cả mọi người.	- Sử dụng chi tiết tưởng tượng kì. - Kết thúc có hậu.
Thế giới cổ tích	Vua chích chòe	-	Truyện cổ tích	*Vua chích chòe* khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng thích nhạo báng người khác. Đồng thời thể hiện sự bao dung, tình yêu thương của nhân dân với những người biết quay đầu, hoàn lương.	Truyện cổ tích có nhiều tình tiết hấp dẫn, cuốn hút, lời kể hấp dẫn, khéo léo , sử dụng biện pháp điệp cấu trúc.
Khác biệt và gần gũi	Bài tập làm văn	**Rơ - nê Gô - xi - nhi và Giăng - giắc Xăng - pê**	Truyện ngắn	- Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên viết một bài TLV phải là hoạt động cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác. - Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.	- Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn. - Lời đối thoại của các nhân vật có nhiều sắc thái.

II. ÔN TẬP VĂN BẢN THÔNG TIN

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật

Chuyện về những người anh hùng	*Ai ơi mồng chín tháng tư*	Anh Thư	VB thông tin	- Giới thiệu về lễ hội đền Gióng. Qua đó thể hiện được nét đẹp văn hoá tâm linh và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc.	- Sử dụng các phương thức thuyết minh, ngắn gọn, súc tích.
Trái đất – Ngôi nhà chung	*Trái đất – cái nôi của sự sống*	Hồ Thanh Trang	Văn bản thông tin.	- Trái đất là cái nôi của sự sống con người phải biết bảo vệ trái đất. Bảo trái đất là bảo vệ sự sống của chính mình. - Kêu gọi mọi người luôn phải có ý thức bảo vệ trái đất.	- Nghệ thuật vừa theo trình tự thời gian vừa theo trình tự nhân quả giữa các phần trong văn bản. Cái trước làm nẩy sinh cho cái sau chúng có quan hệ rằng buộc với nhau
	Các loài chung sống với nhau như thế nào?	Ngọc Phú	Văn bản thông tin.	- Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên TĐ và trật tự trong đời sống muôn loài. - VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên TĐ.	- Số liệu dẫn chứng phù hợp, cụ thể, lập luận rõ ràng, logic có tính thuyết phục. - Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB.

	Trái đất	Ra - xun Gam - da - tốp	thơ tự do	- Tác giả thể hiện thái độ lên án với những kẻ làm hại Trái đất, đồng thời thương xót, vỗ về những đau đớn của Trái đất.	- Thể thơ tự do, các biện pháp nghệ thuật: điệp từ, liệt kê, ẩn dụ..

III. ÔN TẬP VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật
Khác biệt và gần gũi	*Xem người ta kìa*	**Lạc Thanh**	Văn nghị luận	- Mỗi lần bảo tôi: "Xem người ta kìa" là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca gì. - Thế giới muôn màu muôn vẻ, vì vậy mỗi chúng ta cầnf ***Biết hòa đồng, gần gũi nhưng phải giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt.***	**Nghệ thuật nghị luận đặc sắc:** Dùng lời kể nêu vấn đề, dùng nhiều lí lẽ và bằng chứng=> vấn đề đưa ra có sức thuyết phục cao.
	Hai loại khác	**Giong-mi Mun**	Văn nghị	Văn bản đề cập đến vấn đề sự	- Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có

	biệt		luận	khác biệt ở mỗi người. Qua đó khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự. **Ý nghĩa** → khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự, là thứ làm nên cá tính, phong cách, chất riêng của mỗi cá nhân.	tính thuyết phục. - Cách triển khai từ bằng chứng thực tế để rút ra lí lẽ giúp cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, gần gũi, không mang tính chất giáo lí.

TIẾT 2: ÔN TẬP PHẦN B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:

I. Từ và cụm từ

- Cụm từ: Nhóm, tập hợp nhiều từ
- Tính từ: Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.
- Động từ: Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.
- Từ HV: Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt,

II. So sánh

- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng.

III. Nghĩa của từ:

1. Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.

VD:

- Thủy phủ: *Dinh dự dưới nước,nơi ở của thủy thần.*

- Sinh nhai: *Kiếm sống.*

2. Hiểu nghĩa của từ bằng cách:

- Tra từ điển;
- Suy đoán nghĩa của từ nhờ nghĩa của những yếu tố tạo nên nó.

VD: gia tài.

+ gia: nhà

+ tài: của cải.

- Dựa vào từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa.

IV. Trạng ngữ

1. Khái niệm

Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, xác định **thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức ...** của sự việc nêu ở trong câu.

Trạng ngữ trả lời cho các câu hỏi **Khi nào ?, Ở đâu ?, Vì sao ?, Để làm gì ?.**

- Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu.

2. Đặc điểm của trạng ngữ

* Về ý nghĩa: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định:

- Trạng ngữ chỉ thời gian cho câu.

Trạng ngữ chỉ thời gian dùng để xác định thời gian diễn ra sự việc nêu ở trong câu. *Trạng ngữ chỉ thời gian* trả lời cho các câu hỏi **Bao giờ ?, Khi nào ?, Mấy giờ? .**

VD: *Buổi sáng hôm ấy*, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước.

- Trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu.

Trạng ngữ chỉ nơi chốn để làm rõ nơi chốn diễn ra sự việc nêu trong câu. *Trạng ngữ chỉ nơi chốn* trả lời cho câu hỏi **Ở đâu ? .**

VD : *Trên bờ*, tiếng trống càng thúc dữ dội.

- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu.

Trạng ngữ chỉ nguyên nhân để giải thích nguyên nhân của sự việc hoặc tình trạng nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân trả lời các câu hỏi **Vì sao ?, Nhờ đâu ?, Tại đâu ?** .

VD*: Nhờ học giỏi*, Nam được cô giáo khen.

- Trạng ngữ chỉ mục đích cho câu.

Trạng ngữ chỉ mục đích nói lên mục đích tiến hành sự việc nêu trong câu. *Trạng ngữ chỉ mục đích* trả lời cho các cau hỏi **Để làm gì ?, Nhằm mục đích gì ?, Vì cái gì ?.**

VD: *Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh*, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.

- Trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu.

Trạng ngữ chỉ phương tiện thường mở đầu bằng các từ bằng, với, và trả lời cho các câu hỏi Bằng cái gì ?, Với cái gì ? .

VD : *Bằng một giọng thân tình*, thầy khuyên chúng em cố gắng học cho tốt

* Về hình thức: Trạng ngữ có thể đứng ở giữa câu, đầu câu hay cuối câu.

Vd:

- Qua màng nước mắt, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe. (Khánh Hoài)

-Tôi, qua màng nước mắt, nhìn theo mẹ và em trèo lên xe.

3. Trạng ngữ có những công dụng gì?

- Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung câu được đầy đủ, chính xác
- Nối kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc

TIẾT 3: ÔN TẬP PHẦN THỰC HÀNH VIẾT:

DẠNG 1: VIẾT BÀI VÀN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN (MỘT SINH HOẠT VĂN HOÁ)

I. Khái niệm văn bản thuyết minh

Văn bản thuyết minh là văn bản thông dụng dùng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,… của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.

II. Đặc điểm của văn thuyết minh:

- Tính khách quan, chính xác, mang lại lợi ích cho con người phục vụ công việc và cuộc sống tốt nhất
- Trình bày văn bản rõ ràng, mạch lạc, đủ nội dung đúng ý, kết cấu phân chia rõ
- Người viết am hiểu về nội dung mình đang viết tới để trình bày đúng, đủ ý, truyền đạt cho những người đọc hiểu và sử dụng có ích.

III. Các phương pháp thuyết minh

Có 6 phương pháp thuyết minh:

1. PP nêu định nghĩa, giải thích.

Mô hình : A là B

+ A : đối tượng cần thuyết minh.

+ B: tri thức về đối tượng.

+ Là: từ thường được dùng trong phương pháp định nghĩa

2. PP liệt kê.

+ PP liệt kê là: kể ra lần lượt các đặc điểm, tính chất…của sự vật theo một trình tự nào đó.

+ Vai trò: Giúp người đọc hiểu sâu sắc, toàn diện và có ấn tượng về nội dung được thuyết minh.

3. PP nêu ví dụ.

+ PP nêu ví dụ là: Dẫn ra những ví dụ cụ thể để người đọc tin vào nội dung thuyết minh.

+ Vai trò: Các ví dụ có thể có tác dụng thuyết phục người đọc, khiến người đọc tin.

4. PP dùng số liệu.

+ PP dùng số liệu là: Dùng các số liệu chính xác để khẳng định độ tin cậy cao của các tri thức được cung cấp.

+ Tác dụng: làm cho người đọc tin vào nội dung thuyết minh.

5. PP so sánh.

+ PP so sánh là: đối chiếu hai đối tượng cùng loại nhằm làm nổi bật các đặc điểm, tính chất của đối tượng cần thuyết minh.

+ Vai trò: làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh

6. PP phân loại, phân tích.

+ PP phân tích là chia nhỏ đối tượng ra để xem xét, còn phân loại là chia đối tượng vốn có nhiều cá thể thành từng loại theo tiêu chí.

+ Tác dụng: Giúp cho người đọc hiểu dần từng mặt của đối tượng một cách có hệ thống, cơ sở để hiểu đối tượng một cách đầy đủ, toàn diện.

IV. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)

- Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp (Sử dụng ngôi kể thứ nhất: xưng "tôi" hoặc "chúng tôi")
- Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian)
- Thuật lại được điễn biến chính, sắp xếp các trình tự theo một trình tự hợp lí.
- Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút dược sự chú ý của người đọc.
- Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.

V. Thực hành viết theo các bước

1. Trước khi viết

a) Lựa chọn đề tài

+ Hãy nhớ lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) mà em trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu, quan sát được qua các phương tiện thông tin.

+ Có thể chọn một số đề tài sau: Hội chợ sách, hội chợ xuân ở thành phố, làng quê của em, lễ hội dân gian, hội khỏe phù đổng ở trường hoặc địa phương em.

b) Tìm ý

Sau khi lựa chọn được sự kiện định tường thuật. Hãy tìm ý cho bài viết bằng một số hoạt động sau:

Sự kiện gì?
Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì ?
Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?
Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?
Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?
Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?

c) Lập dàn ý

- *Mở bài*: Giới thiệu sự kiện (Không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện).

- *Thân bài*: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian
+ Những nhân vật tham gia sự kiện.
+ Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.
+ Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất
- *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết

2. Viết bài

3. Chỉnh sửa bài viết

DẠNG 2: VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI TRUYỆN CỔ TÍCH

I. Yêu cầu đối với bài văn đông vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích:

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện.
- Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ờ truyện gốc.
- Cần có sự sắp xếp hợp li các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.
- Có thể bổ sung các yểu tốmiêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.

II. Các bước tiến hành viết bài văn

1. Trước khi viết

+ Lựa chọn truyện cổ tích định kể, người nghe (đọc).
+ Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng.
+ Chọn lời kể phù hợp.
+ Ghi lại những nội dung chính của câu chuyện.

*** Lập dàn ý:**

+ Mở bài

Giới thiệu nhân vật kể chuyện và câu chuyện được kể.

+ Thân bài

Trình bày diễn biến của câu chuyện bằng cách bám sát truyện gốc.

+ Kết bài:

Nêu kết thúc truyện và suy nghĩ của bản thân mình.

2. Viết bài.

3. Chỉnh sửa bài viết

DẠNG 3: VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ)

I. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)

- Nêu được hiệ tượng, vấn đề cần bàn
- Thể hiện được ý kiến của người viết
- Dùng lý lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đọc.

II. Các bước khi làm bài văn nghị luận về một hiện tượng (vấn đề) trong cuộc sống:

a. Trước khi viết

- Lựa chọn đề tài: Đề tài có thể được ấn định (Đề kiểm tra, đề thi) hoặc do người viết tự lựa chọn.

- Tìm ý

+ Cần hiểu thế nào là hiện tượng vấn đề này
+ Những khía cạnh cần bàn bạc
+ Bài học cần rút ra từ vấn đề bàn luận.

- Lập dàn ý

Sắp xếp các ý vừa tìm được thành một dàn ý:

*** Mở bài:** Giới thiệu hiện tượng, vấn đề cần bàn luận

*** Thân bài:** Đưa ra ý kiến cần bàn luận:

+ Nêu ý 1 (Lý lẽ, bằng chứng)
+ Nêu ý 2 (Lý lẽ, bằng chứng)
+ Nêu ý 3 (Lý lẽ, bằng chứng)

...

*** Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến của bản thân

b. Viết bài

Bám sát dàn ý để viết bài. Khi viết cần chú ý:

- Có thể mở bài trực tiếp: Nêu thẳng hiện tượng (vấn đề), hoặc mở bài gián tiếp bằng cách kể một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng (vấn đề)
- Mỗi ý trong bài trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể.

c. Chỉnh sửa bài viết

Đọc lại bài viết, rà soát từng phần, từng đoạn để chỉnh sửa theo gợi ý sau đây:

- Nêu được hiện tượng, vấn đề cần bàn
- Thể hiện được ý kiến, tình cảm, thái độ cách đánh giá của người viết về hiện tượng, vấn đề
- Đưa ra được các lý lẽ và bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục.
- Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt

DẠNG 4: VIẾT ĐOẠN BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, MỘT CUỘC THẢO LUẬN

I. Khái niệm:

Biên bản là một loại nhỏ của văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác về điều đã diễn ra. Nó có thể được lưu lại như một hồ sơ quan trọng, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó.

II. Thể thức của biên bản thông thường:

- Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng đứng ra xử lí vụ việc hay tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận,...
- Dưới từ "biên bản", ghi khái quát nội dung của vụ việc cần xử lí hay vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết, làm thành tên gọi của biên bản.
- Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,...
- Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí,...
- Ghi diễn biến của cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,... với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận).
- Ghi thời gian kết thúc cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận…
- Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên

III. Các bước thực hiện viết biên bản:

a. Trước khi viết

- Xác định tên gọi của biên bản:
- Mục đích viết biên bản:
- Người đọc biên bản:

b. Viết biên bản

- Đọc kĩ phần hướng dẫn viết biên bản trong SHS.
- Thực hành viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận (HS tự chọn)

c. Chỉnh sửa biên bản

- Đọc lại biên bản nhiều lần.
- Chỉnh sửa lại biên bản (nếu có).

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức đã học và ôn tập trong học kì II

Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: ***Luyện tập dạng đề kiểm tra cuối học kì II.***

.....

BUỔI 32: ***Ngày soạn: / /2022***

Ngày dạy: / /2022

LUYỆN TẬP DẠNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về thực hành tiếng Việt đã học ở học kì II.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe để làm dạng đề kiểm tra cuối học kì II

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học.
- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

ĐỀ SỐ 1:

I. ĐỌC – HIỂU:

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

" Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó. sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ."

(SGK Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1: Tóm tắt sự việc nêu trong đoạn văn bằng một câu văn?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

Câu 3: Tìm các cụm danh từ trong đoạn văn trên?

Câu 4: Chi tiết sau đây có ý nghĩa gì: " *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*".

II. THỰC HÀNH VIẾT:

Câu 1: Trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh, ai là người chiến thắng? Chiến thắng đó có ý nghĩa gì?

Câu 2: Đóng vai Lý Thông kể lại truyện Thạch Sanh.

Hướng dẫn làm bài

Phần	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	**Câu 1 (0,75đ) :** Tóm tắt: Giặc đến chân núi Trâu, cũng là lúc sứ giả đến, Gióng vươn vai biến thành tráng sĩ nhảy lên mình ngựa xông ra chiến trường diệt giặc. **Câu 2 (0,5đ):** Phương thức biểu đạt của đoạn văn trên là tự sự và miêu tả. **Câu 3 (0,75đ):** Các cụm danh từ trong đoạn văn trên: Vừa lúc đó, một tráng sĩ, mấy tiếng vang dội. **Câu 4 (1,0đ):** Chi tiết: " *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*". Ý nghĩa của chi tiết trên: - Áo giáp sắt của nhân dân làm cho để Gióng đánh giặc, nay đánh giặc xong trả lại cho nhân dân, vô tư không chút bụi trần, - Thánh gióng bay về trời, không nhận bổng lộc của nhà vua, từ chối mọi phần thưởng, chiến công để lại cho nhân dân, - Gióng sinh ra cũng phi thường khi đi cũng phi thường (bay lên trời). - Gióng bất tử cùng sông núi, bất tử trong lòng nhân dân.	**0,75** **0,5** **0,75** **1,0**
Thực hành viết	**Câu 1 (2đ):** Ý nghĩa của chi tiết: " *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*": - Áo giáp sắt của nhân dân làm cho để Gióng đánh giặc, nay đánh giặc xong trả lại cho nhân dân, vô tư không chút bụi trần, - Thánh gióng bay về trời, không nhận bổng lộc của nhà vua, từ chối mọi phần thưởng, chiến công để lại cho nhân dân, - Gióng sinh ra cũng phi thường khi đi cũng phi thường (bay	**0,5** **0,5** **0,5**

	lên trời). - Gióng bất tử cùng sông núi, bất tử trong lòng nhân dân.	**0,5**
	Câu 2 (5đ): - Về hình thức: bài văn cần có 3 phần rõ ràng mở bài, thân bài và kết bài. - Về nội dung: **a. Mở bài:** - Lý Thông tự giới thiệu về mình (trước đây là người nhưng hiện giờ đang là một con bọ hung xấu xí). - Gợi ra nguyên nhân dẫn đến bi kịch của mình. **b. Thân bài:** - Lý Thông gặp Thạch Sanh, những toan tính của Lý Thông và việc hai người kết nghĩa, lời thề của Lý Thông. - Chuyện Thạch Sanh ở nhà Lý Thông: dốc sức làm việc cho mẹ con Lý Thông. - Chuyện con chằn tinh trong vùng và những mưu toan của Lý Thông dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh đi canh miếu. - Chuyện Lý Thông và mẹ đang ngủ thì Thạch Sanh về gọi cửa – tâm trạng sợ sệt hốt hoảng tưởng hồn Thạch Sanh về đòi mạng chuyển sang những toan tính rất nhanh khi biết Thạch Sanh đã giết chết chằn tinh dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh bỏ đi. - Chuyện Lý Thông đem đầu mãng xà đi lãnh thưởng, được hưởng vinh hoa phú quý; những suy nghĩ của Lý Thông về Thạch Sanh (ngu ngốc). - Chuyện công chúa bị đại bàng bắt đi, Lý Thông phải tìm công chúa, tâm trạng và suy nghĩ của Lý Thông dẫn đến kế tìm Thạch Sanh. - Chuyện Thạch Sanh tìm và cứu được công chúa; Lý Thông lấp cửa hang hãm hại Thạch Sanh cướp công cứu công chúa rồi được lãnh thưởng; công chúa bị câm. - Nhận được tin Thạch Sanh bị bắt giam vì tội ăn trộm vàng bạc, Lý Thông vừa kinh ngạc (vì Thạch Sanh còn sống) vừa vui mừng (vì Thạch Sanh bị khép vào trọng tội). - Chuyện Thạch Sanh được tiếng đàn minh oan, công chúa	**0,25** **0,5** **0,5** **0,5** **0,5** **0,5** **0,25**

	nói được; Lý Thông bị trừng phạt đúng như lời thề năm xưa. - Thạch Sanh lấy công chúa, được làm vua và hưởng hạnh phúc lâu bền. **c. Kết bài:** Những suy nghĩ về tình cảm anh em, về triết lí "ác giả ác báo" của nhân dân ta.	**0,25** **0,25** **0,5**

ĐỀ SỐ 2:

I. ĐỌC – HIỂU:

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. Một người là chúa vùng non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Vua Hùng băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai, bèn cho mời các Lạc hầu vào bàn bạc. Xong vua phán:

- Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.

Câu 1: Đoạn văn trên trích ở tác phẩm nào? Thuộc thể loại gì? Nêu khái niệm về thể loại đó.

Câu 2: Giải thích nghĩa của từ "băn khoăn" ? Cho biết em giải thích nghĩa của từ bằng cách nào?

Câu 3: Tìm các từ láy có trong đoạn văn trên.

Câu 4: Hãy viết đoạn văn trình **bày ý nghĩa biểu tượngcủa những nhân vật chính** em vừa tìm được trong đoạn văn.

II. THỰC HÀNH VIẾT:

Câu 1 (2 điểm):

Chi tiết *"Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời."* trong truyện *Thánh Gióng* có ý nghĩa gì? Hãy diễn đạt ý nghĩa ấy bằng một đoạn văn ngắn *(khoảng 10 đến 15 dòng)*.

Câu 2 (5 điểm): Thuyết minh về lễ hội Gióng.

Hướng dẫn làm bài

Phần	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	**Câu 1 (1đ)** -Văn bản: Sơn Tinh Thủy Tinh - Thể loại: Truyền thuyết - Khái niệm: + Truyền thuyết (TT) là loại truyện dân gian truyền miệng kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ. +Thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. + Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với nhân vật và sự kiện được kể **Câu 2** Từ ***băn khoăn***: không yên lòng vì đang có điều phải suy nghĩ, cân nhắc. Giải thích bằng cách ***trình bày khái niệm mà từ biểu thị*** **Câu 3** - Từ láy: lấp loáng, sừng sững, mơn man. **Câu 4**: HS trình bày hình thức đoạn văn, có câu chủ đề Hướng dẫn làm bài Xác định vấn đề: Ý nghĩa của nhân vật chính tức là ý nghĩa của nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh **Câu mở đoạn:** Trong truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh, hai nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh mang nhiều ý nghĩa tượng trưng sâu sắc. **Thân đoạn:** - Thủy Tinh: chính là hiện tượng lũ lụt ghê gớm hằng năm, - Sơn Tinh chính là lực lượng cư dân Việt cổ đắp đê chống lũ lụt, là mơ ước chinh phục, chế ngự thiên tai của nhân dân ta. **Kết đoạn:**Sơn Tinh, Thủy Tinh là những nhân vật hoang đường, không có thật, thể hiện trí tưởng tượng bay bổng của nhân dân ta. Qua đó, ta có thể thấy vẻ đẹp tâm hồn của nhân dân lao động, những quan niệm về con người, về thiên nhiên của cha ông ta từ cách đây hàng mấy nghìn năm.	**0,25** **0,25** **0,5** **0,25** **0,25** **0,5** **0,25** **0,5** **0,25**
Thực	**Câu 1 (2đ):**	

hành viết	- Trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh, Sơn Tinh là người chiến thắng. - Chiến thắng đó có ý nghĩa: + Khẳng định sức mạnh của Sơn Tinh cũng là sức mạnh của nhân dân ta trong công cuộc trị thủy thời kì đầu dựng nước. + Góp phần lí giải hiện tượng lũ lụt hằng năm ở nước ta	**0,5** **1,0** **0,5**
	Câu 2 (5đ): - Về hình thức: bài văn cần có 3 phần rõ ràng mở bài, thân bài và kết bài. - Về nội dung: **I. MỞ BÀI** - Một lễ hội tôn giáo của làng Phù Đổng. - Nét đẹp truyền thống của người dân nước Nam. **II. THÂN BÀI** **1. Nguồn gốc, xuất xứ** Xuất phát từ truyền thuyết Thánh Gióng. **2. Đặc điểm** - Hội làng Phù Đổng hàng năm diễn ra ngày 9 tháng Tư âm lịch. - Các làng trong tổng đều đến tế, tất cả đến trăm người của họ các làng mặc áo thụng xanh, đội mũ đen, đi hia đề trắng. Họ đứng thành hàng hai bên, tay cầm hốt ngả. - Chủ tế đi từng bước nhịp nhàng hai tay chấp lại nâng cao chén rượu, có hai trợ tế đi theo, đến quỳ trước một trong các cửa của hậu cung. -Nhạc hạ thấp dần gần như không nghe thấy nữa. Bỗng vang lên một tiếng ầm ầm và hai cánh cửa hậu cung bỗng nhiên hé mở ra. Bên trong tối om, bỗng hiện ra một nhân vật lạ lùng. Đầu chít một khăn đen dài bỏ xõa ra sau lưng, và quan lấy thân mình; nửa dưới mặt bịt vải vàng, thắt lại sau gáy chỉ để lộ đôi mắt. - Nhân vật này đi ra quỳ xuống ngưỡng cửa hậu cung, nhận chén rượu trên một cái mâm đồng, rồi đi giật lùi dần vào hậu cung. - Hai cánh cửa đóng lại từ từ. Mọi người phủ phục xuống lễ.	**0,25** **0,5** **0,5** **0,25** **0,25** **0,25** **0,25** **0,25**

	- Một giây yên lặng rồi nghe một tiếng chuông từ hậu cung vẳng ra. rượu đã dâng lên bàn thờ Thánh rồi, và nhạc lại cử, trong khi mọi người trở về chỗ chuẩn bị dâng lễ khác tiếp theo.	**0,25**
	- Lễ cử hành nghiêm trang thành kính.	**0,25**
	- Thật ngạc nhiên khi thấy những người nông thôn bình thường đã biến đổi lạ lùng vì tính cách long trọng của nghi thức. Vì cử chỉ của họ thường rụt rè bỗng đường hoàng khoáng đạt lên, thái độ của họ thường khúm núm, e dè bỗng trở thành cao quý trong khi hành lễ vì lòng biết ơn của người yêu nước.	**0,25**
	- Tiếp đó là một nghi thức ảnh hưởng của Đạo giáo; con hổ tượng trưng cho điều ác và kẻ thù đến xin quy phục Đức Thánh. Người đóng vai con hổ mặc áo vài vẽ vằn vện, đội cái đầu bằng giấy bồi có hai chục người hóa trang di theo, hát và gõ sênh. Hổ đến trước bàn thờ múa và phù phục hồi lâu...	**0,25**
	- Tiếp theo là những cảnh diễn lại lịch :sử đánh trận giả, và đoàn tù binh diễu qua trước đền.	**0,25**
	- Một trăm trai tráng đón quân Nam họ quấn vai màu đen quanh bụng, đóng khố bỏ thõng múi ra phía trước, cởi trần, chỉ khoác một dải vải hồng trên vai bên phải, buộc hai đâu lại ở bên sườn trái và buông thõng xuống; lại còn đeo cái túi lụa nhỏ hình bán nguyệt, có tua lụa dài. Đầu đội mũ đen, phía sau có rèm che gáy giống như là những tượng trong đền Lý Bát Đểở Đình Bảng.	**0,25**
	- Bọn tướng giặc thì do hai mươi bốn cô gái đồng trinh đóng.	**0,25**
	- Nhiều cô gái trong đám ấy đến mười tuổi. Mỗi cô đều mặc quần áo lụa màu sắc tươi thắm, đeo kiềng, hoa tai bằng vàng, mỗi làng được cử đến một cô và phải lo may mặc cho người của mình.	**0,25**
	- Các cô chỉ đứng mỗi người trên một cái bệ hoàn toàn im lặng, không cử động, cách nhau độ 10 đến 15m; quanh họ là đám đàn bà làng họ. - Hai mươi bốn cô xếp thành hàng trên mặt để phía trước đền rải dải đề cho đám rước diễu qua trước mặt. - Bốn cô khác đóng vai bốn tướng giặc bị giết trong trận, một cô mặc áo vàng, đội mũ thái tử đóng vai con vua Trung Quốc.	

	- Một trăm quân sĩ nước Nam múa rất nhiều điệu thật dẻo và thật nhịp nhàng tiến thoái rất đẹp... **3. Lễ hội nhắc nhở con cháu nhớ về người anh hùng dân tộc: Thánh Gióng.** - Khơi gợi trong lòng con cháu Việt Nam lòng yêu nước và lòng biết ơn sâu sắc. **III. KẾT BÀI** Lễ hội Gióng là một trong những lễ hội truyền thống cần phải gìn giữ và phát huy.	**0,25** **0,5**

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Hoàn thiện các đề bài trên.
- Ôn tập chuẩn bị kiểm tra học kì II.